

Số 175

VĂN HÓA

PHẬT GIÁO



Đời nét
**Phật giáo và
khoa học**

Tr. 26

Văn hóa
Tìm gạch xây nền

Tr. 3

Im lặng
như Chánh pháp

Tr. 20



TÔN HOA SEN
Mái ấm gia đình Việt

hatgiong
tâm hồn

TỰ HÀO THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA

**TÔN HOA SEN TÀI TRỢ
CHƯƠNG TRÌNH GIAO LƯU
VỚI NICK VUJICIC**

24/5/2013

TẠI HÀ NỘI

25/5/2013

TẠI TP. HỒ CHÍ MINH

www.songkhonggioihan.com

NICK VUJICIC

TẤM GIƯƠNG
NGHỊ LỰC SỐNG PHI THƯỜNG
CỦA NGƯỜI KHÔNG TAY KHÔNG CHÂN
ĐẾN VỚI CÔNG CHÚNG VIỆT NAM



Đơn vị bảo trợ truyền thông



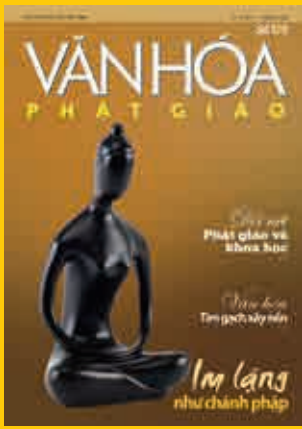
Đơn vị tổ chức



HOA SEN
GROUP

HOA SEN GROUP

Số 9 Đại Lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Đĩ An, Tx.Đĩ An, T.Bình Dương * ĐT: 0650.3790.955 * www.hoasengroup.vn



Trong số này

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
TẠP CHÍ VĂN HÓA PHẬT GIÁO
Phát hành vào đầu và giữa tháng

Tổng Biên tập
THÍCH CHƠN THIÊN

Phó Tổng Biên tập Thường trực
kèm Thư ký Tòa soạn
TRẦN TUẤN MÀN

Phó Tổng Biên tập
THÍCH TRUNG HẬU
THÍCH MINH HIỀN

Trị sự
NGUYỄN BÔNG

Trình bày
MAI PHƯỚC NAM

Phòng Phát hành
Trụ sở Tòa soạn VHPG
ĐT: (84-8) 3 8484 335
Cô Trần Thị Hải Đông, DD: 0907 164 066

Quảng cáo
Cô Thu Sương, DD: 0918 032 040

Tòa soạn
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa,
Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84-8) 38484 335 - 38484 576
Fax: (84-8) 35265 569
Email: vanhoaphatgiao@vnn.vn
toasoanvhp@gmail.com

Tên tài khoản:
Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo - Ban Văn hóa
Số tài khoản: 1487000000B
Ngân hàng VPBank, Chi nhánh TP. HCM

Giấy phép hoạt động báo chí của
Bộ Thông tin và Truyền thông
Số 1878/GP. BTTTT
Ghi bán & in tại Nhà in Trần Phú
Q.1 TP. Hồ Chí Minh

Văn hóa – Tìm gạch xây nền (Nguyễn Cảnh)	3
Sương mai	7
Tìm hiểu về Tôn giả Pháp Xứng (Phạm Chánh Cận)	8
Võ Hồng, và nỗi “cô đơn uy nghi” (Đỗ Hồng Ngọc)	12
Như ngôi nhà khéo lợp (Ngọc Dung)	14
Phật tánh và Thiền tông Việt Nam (Nguyễn Thế Đăng)	17
Im lặng như Chánh pháp (Thích Phước Đạt)	20
Âm thanh của một bàn tay (Barbara O'Brien, Trần Khiết Bách dịch)	23
Đôi nét Phật giáo và khoa học (Hữu Tâm – Bùi Hữu Dực)	26
Trải nghiệm Lamrim - Trình tự Đường tu Giác ngộ (Hồng Điệp)	30
Một mình (Bạch Hoa)	33
Phương pháp và biện pháp trong giáo dục Phật giáo (Thích Giác Toàn)	34
Bài học về kỹ năng sống nằm ngay trong cuộc sống (Lê Hải Đăng)	38
Học và thi (Nguyễn Văn Ưông)	40
Ở rể (Đăng Trung Thành)	43
Cõi Niết-bàn tuổi thơ (Từ Sâm)	44
Bỏ phí thức ăn là có tội (Nguyễn Lai Trung)	46
Chối bỏ quá khứ (Hoàng Tá Thích)	48
Thơ (Minh Đức Triều Tâm Ảnh, Vi Ánh Ngọc, Phạm Xuân Phụng, Phạm Lê Tường Vi, Đăng Hoàng Thám, Lê Quang Trọng, Lê Đan)	50
Rừng xanh máu đỏ (truyện ngắn của Lý Thị Minh Châu)	52
Con sông quê (Thanh Nhi)	56
Còn gặp nhau... xin hãy cho nhau nụ cười (Elena Pucillo Truong, Trương Văn Dân dịch)	58
Lời cảm ơn cuộc sống	61

Bìa 1: Sự im lặng của Đức Phật. Ảnh: Tượng gốm của Elissa Van Vleet (nguồn: pinterest).

Thư tòa soạn

Kính thưa quý độc giả,

Trước tình trạng kinh tế suy thoái kéo dài, hoàn cảnh tài chính của Tạp chí eo hẹp và thói quen đọc sách báo của nhiều người đang dần mai một, việc Văn Hóa Phật Giáo vẫn có thể tiếp tục tồn tại trong môi trường chữ nghĩa hiện nay cho thấy những cố gắng thực hiện chủ trương của VHPG trong việc góp phần xây dựng một xã hội hiền thiện và gìn giữ, phát huy văn hóa truyền thống của dân tộc đã nhận được sự ủng hộ của những người có quan tâm. Điều đó khiến chúng tôi vô cùng cảm kích.

Thời gian gần đây, VHPG lại thường xuyên nhận được từ quý độc giả, cộng tác viên, ân nhân và thân hữu những chia sẻ, khuyến khích và góp ý; bằng cách hoặc trao đổi trực tiếp, hoặc qua điện thoại, và thông thường là qua thư, nhất là thư điện tử.

Qua những ý kiến đóng góp ấy, nhiều vị quan tâm đến cách trình bày chuyên mục thơ. Vì lẽ chuyên mục thơ của VHPG thường chỉ có hai trang mỗi kỳ mà đôi khi hai trang ấy lại ở hai mặt của một tờ giấy; đã có đề nghị sao cho hai trang thơ của VHPG luôn là hai trang liền kề. Một ý kiến khác đề nghị nên ghi tên những tác giả có thơ đăng trong kỳ vào ngay phần Mục lục.

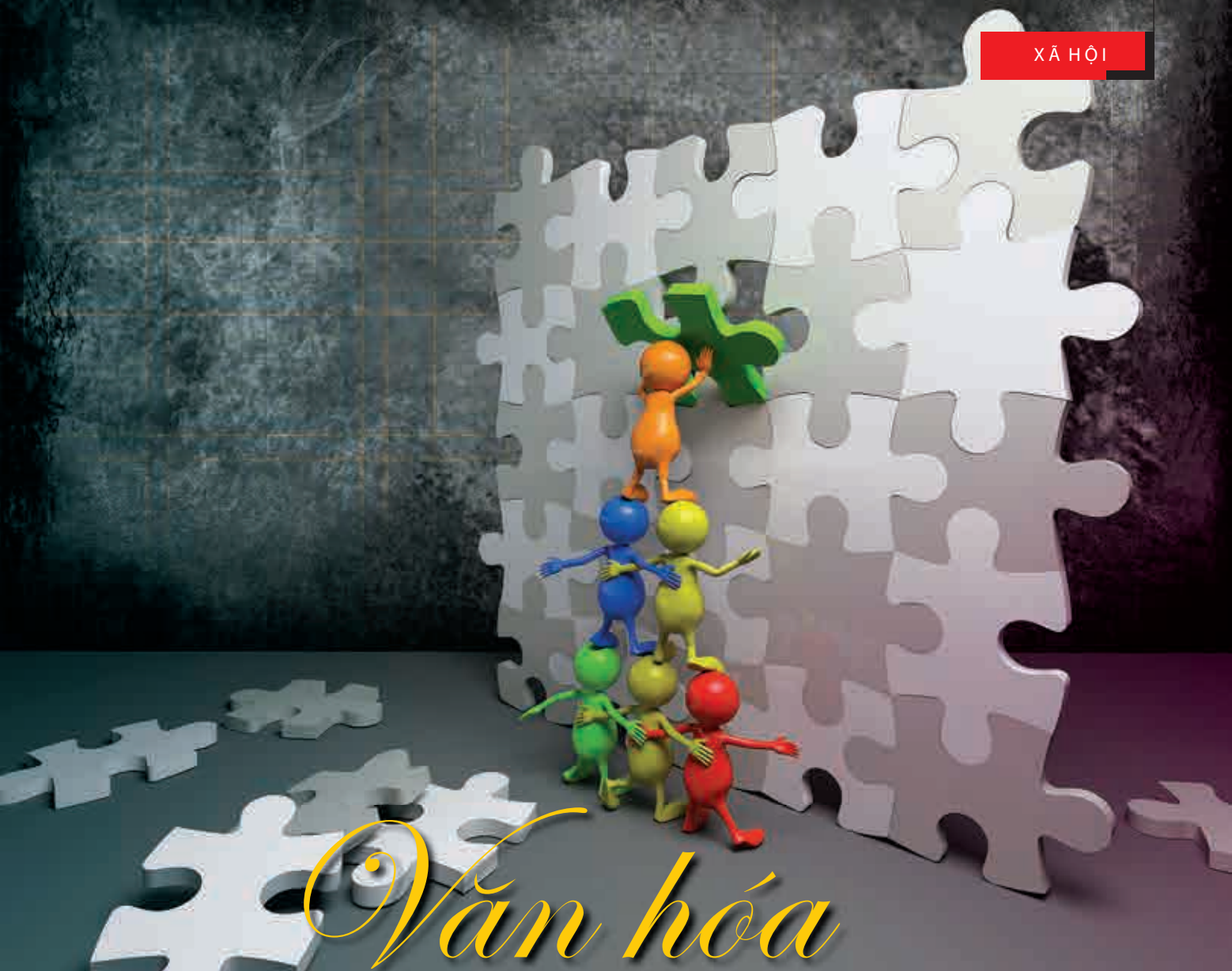
Những điều tưởng chừng không có gì là quan trọng nhưng vẫn được nhiều người chú ý, nhắc nhở, nêu ý kiến... cho thấy VHPG được chăm chút để ngày càng hoàn thiện. Trước những biểu lộ tình cảm thiết tha đó, chúng tôi xin tiếp thu mọi ý kiến để khắc phục.

Cũng có những ý kiến nhằm giúp VHPG vượt qua khó khăn về tài chính với đề nghị chúng tôi nên phát hành các ấn phẩm phụ theo chuyên đề, nhờ vậy mà tăng được doanh thu. Quả tình chúng tôi cũng đã nghĩ đến điều này từ lâu. Nhưng với thành phần nhân sự còn mỏng, chúng tôi chỉ e Tạp chí không đủ sức quán xuyến để giữ cho mọi ấn phẩm do chúng tôi phát hành đều phục vụ đúng chủ trương của VHPG. Do vậy, chúng tôi cũng hy vọng, trong một tương lai gần, khi kinh tế phục hồi, hoàn cảnh bớt khó khăn, có được sự ủng hộ nhiệt tình của các bậc hăng tâm hăng sản, chúng tôi sẽ cố gắng mở rộng các loại phụ trương, chuyên đề và các hình thức ấn phẩm khác của VHPG.

Nguyện cầu Tam bảo gia hộ quý độc giả, cộng tác viên, ân nhân và thân hữu luôn được an lạc.

Văn Hóa Phật Giáo





Văn hóa

Tìm gạch xây nền

NGUYỄN CÂN

Phải chăng chỉ là chuyện vặt đời thường?

Trên tạp chí VHPG số 173, trong bài “Trông người mà ngẫm đến ta”, tác giả Hoàng Tá Thích đã ngao ngán dẫn ra một loạt những sự kiện mà ông cho là “... đây rấy những tin tức xã hội về những vi phạm giao thông, những tệ nạn xã hội, trộm cắp, đĩ điếm mà có lẽ không một quốc gia nào trên thế giới có thể có được...” và ông liệt kê sơ bộ những vụ việc như xe chạy lên cầu bắt chấp tải trọng của cầu, tài xế taxi vi phạm luật giao thông bị chặn lại đã lái xe đẩy lùi người công an cả trăm thước, xe hơi đang chạy trên đường vẫn bị kẻ cắp chạy theo bê kính chiếu hậu, sợi dây chuyền đeo ở cổ không đáng giá mà vẫn là cái cớ để bị giết, chặt tay người chỉ vì quyết tâm cướp điện thoại di động, ăn cắp

dây điện trên trời, ăn cắp cáp truyền thông dưới biển, ăn cắp cả hàng tấn thối chưa kịp tiêu hủy... để rồi phải than thở rằng chỉ vì *dân trí người mình quá thấp, vô cùng thấp* (!).

Chắc chắn sẽ có những ý kiến phản đối vì không ít người cho rằng việc xác định dân trí nước ta có thấp thật hay không và nếu thấp thì thấp đến mức nào là điều đòi hỏi phải có một hội nghị dài ngày với thành viên hội nghị là quý vị lãnh đạo các ngành giáo dục và văn hóa; không những thế, hội nghị còn phải nêu ra được những dẫn chứng có sức thuyết phục... Vì nếu không, chẳng lẽ những thành tích thường được nêu ra về xóa nạn mù chữ, phổ cập kiến thức là ảo hay sao? Lại còn những biển hiệu “khu phố văn hóa”, “xóm văn hóa”,



“làng văn hóa”... được trưng ở khắp nơi chỉ là biển hiệu quảng cáo à? Nói thế nào khi đám trẻ bây giờ sử dụng iPad, iPod nhanh như chớp, liên lạc với nhau suốt ngày qua internet...?

Nghĩ lại chuyện ngày xưa cách nay cũng chưa lâu lắm, nếu xét theo quan điểm học vấn, có lẽ dân trí người Việt cũng không cao bằng bây giờ. Vì lẽ lúc ấy chẳng phải ai cũng có điều kiện đi học; đặc biệt nữ giới lại càng khó có cơ hội. Sao ngày xưa tệ nạn ít hơn? Hay vì thời ấy phương tiện thông tin đại chúng chưa phổ cập như bây giờ nên tin tức không được phổ biến? Nhưng chắc chắn, tình trạng con giết cha, vợ giết chồng, gia phong bại hoại vẫn là hãn hữu. Vì lẽ, như một quy luật, chuyện xấu bao giờ cũng lan tỏa nhanh hơn và bền bỉ hơn chuyện tốt; cho nên, nếu đã xảy ra những vụ việc “động trời” như vậy thì thế nào dư luận cũng râm ran. Phải chăng ngày nay có “một bộ phận không nhỏ” người dân thiếu ý thức kỷ luật, thiếu tôn trọng pháp luật, manh động, tham lam; chứ còn đại đa số người dân vẫn có nhận thức tốt. Đó là chưa kể, nếu xét theo tiêu chuẩn bằng cấp, học vị, ngày nay có lẽ chưa một nước nào trong vùng Đông Nam Á có được nhiều giáo sư, tiến sĩ như ở nước ta. Cũng chẳng có nước nào có được các loại danh hiệu ưu tú, nhân dân để vinh danh các nghệ sĩ, các nhà giáo, các thầy thuốc... hoặc những siêu sao, siêu mẫu... Chỉ có thể nói rằng hình như những chuẩn mực văn hóa đang mất dần những phẩm chất cần thiết. Một nền văn hóa mà có lúc người

ta tự hào với những giá trị được cho là ưu việt nhằm thay thế những gì mà trước đây người ta đòi xóa bỏ, đập đổ, cái gọi là “văn hóa đồi trụy miền Nam.”

Nhìn thẳng vào thực trạng ngày nay, người ta thấy gì?

Văn hóa đang nghèo đi

Viết như thế sẽ có người mắng “Đã giàu bao giờ đâu?”. Xin thưa, có thể lúc trước mình chưa giàu nhưng không “nghèo” như bây giờ. Nghèo từ bản chất đến nhu cầu. Dựa vào đâu để có thể nhận định như vậy khi văn hóa luôn là nhu cầu thiết yếu trong đời sống tinh thần của mỗi cá nhân cũng như cộng đồng, một nhu cầu mang ý nghĩa sinh tồn? Liệu những con số thống kê về số rạp hát hay nhà văn hóa có nói lên gì không?

Thử nhận xét về văn hóa ở thủ đô chẳng hạn. Đã có người phê bình rằng: “Thực tế cho thấy Hà Nội, ngay cả ở khu vực nội thành cũng thiếu thiết chế văn hóa thiết yếu. Theo số liệu của ngành văn hóa, thủ đô hiện chỉ có trên dưới mười rạp chiếu bóng đủ điều kiện phục vụ người xem, quá ít so với quy mô dân số ngày một tăng. Nhiều nhà văn hóa chỉ có ‘xác’, không ‘hồn’, chưa kể số đã xuống cấp, kém xa chuẩn rất nhiều. Sân chơi cho trẻ em, quanh quẩn có Công viên Thủ Lệ, Công viên nước Hồ Tây, Cung Thiếu nhi Hà Nội là đáng kể, lễ Tết chật ních người. Thủ đô có nhiều nhà hát, không mấy nơi ‘đỏ đèn’ thường xuyên... Tất cả những điều ấy cho thấy khả năng đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa nghệ thuật còn ở mức độ thấp (Lê Huy Anh – giaoduc.net).

Mới đây trên một tờ báo có bài phỏng vấn họa sĩ, nhà nghiên cứu văn hóa Phan Cẩm Thượng, ông nhận định rằng “Người Hà Nội có nhu cầu văn hóa rất thấp”. Nếu thế thì suy ra mặt bằng chung cả nước lại càng thấp! Để giải quyết vấn đề nâng cao nhu cầu, Hội đồng Nhân dân TP Hà Nội khóa XIV đã ra nghị quyết thông qua Quy hoạch phát triển văn hóa Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030, mục tiêu chung là xây dựng văn hóa Hà Nội xứng tầm với vị thế thủ đô của một quốc gia, là *địa phương tiêu biểu về lối sống và phong cách ứng xử văn hóa*. Trong rất nhiều mục tiêu cụ thể cần đạt được, Hà Nội xác định mục tiêu quy hoạch bảo tàng, hệ thống công viên, nghệ thuật biểu diễn, rạp chiếu phim, rạp hát, thư viện. Vấn đề là cần nhớ rằng nhu cầu, nhất là nhu cầu tâm lý, thể hiện nguyện vọng, mong muốn cá nhân về tinh thần hầu như không có giới hạn và luôn đòi hỏi nâng cao. Nhưng rất tiếc, nhu cầu vật chất có thể được đáp ứng đầy đủ khi người ta có những nhà hát, những phương tiện hiện đại thì về mặt nội dung, tầm vóc lại đang nghèo đi đến thảm hại. Chúng ta nghĩ gì khi tuổi trẻ đội mưa đập nắng để xem một nhóm nhạc pop đến từ Hàn Quốc, chen nhau đến ngất xỉu để xin chữ ký thần tượng? Chúng ta nghĩ gì khi cho dù có bao nhiêu Nhà văn hóa nhưng tuổi trẻ học đường lao đầu vào những trò chơi trên mạng, sống thử, sống bầy đàn... hồn lác với thầy cô cha mẹ... Cần bao lâu để giáo dục nếp sống văn hóa trong âm thực khi còn đó “phở mắng”, “cháo quát”,... còn đó thói côn đồ trong ứng xử nơi công cộng... Nhiều người cay đắng nhận xét: hễ ra những nơi đông người như nhà hàng, phi trường ở nước ngoài, thấy chỗ nào ồn ào thì không phải Trung Quốc ắt là Việt Nam! Vào chỗ họp, vào thính phòng nghe nhạc mà cứ nói chuyện điện thoại âm âm. Độc giả Lê Lân vô cùng ngạc nhiên: “*Khi tham quan nước bạn Lào gặp rất nhiều biển cấm chỉ viết bằng tiếng Việt: Vừa xuống xe đã gặp ngay dòng chữ ‘Cấm XX bậy’ ở cửa nhà ga. Vào nhà vệ sinh của một hàng ăn thì gặp dòng chữ ‘đi xong nhớ dội nước’ cũng chỉ có tiếng Việt. Chao ôi, người Việt mình tiếng tăm lừng lẫy quá nên mới được nước bạn ‘ưu ái’ thế!*”(VN Express).

Ngay cả trong các nhà hàng Thái, không khó để bắt gặp những dòng chữ như, “*Ăn bao nhiêu lấy bấy nhiêu, ăn không hết thì bị phạt 400 baht*” viết bằng tiếng Việt. Đó là về văn hóa ứng xử.

Còn văn hóa đọc thì nghèo đi trông thấy! Đất nước 80 triệu dân mà sách nào in được 2.000 bản đã là best seller! Đó là bề nổi, còn phần sức mạnh nội tại thì sao?

Văn hóa thiếu sức đề kháng

Chúng ta thường nêu ra trong các hội nghị là làm sao phục hồi hay xây dựng một nền văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc.

Văn hóa luôn tồn tại trong tâm thức mỗi con người và

là nền tảng để tạo thành tính cách của mỗi dân tộc. Nền văn hóa của mỗi dân tộc không thể cô lập, đứng yên mà là một thực thể động trong sự giao thoa, thậm chí va đập với những cơn sóng văn hóa từ bên ngoài, của các quốc gia khác. Quá trình “hội ngộ” trước khi hội nhập giữa các nền văn hóa là tất yếu trong lịch sử. Vấn đề là gìn giữ thế nào bản sắc, cốt cách dân tộc trước sự tiếp cận tự nhiên của văn hóa ngoại lai, trong đó có những nền văn hóa mang tính chất “chauvinist,” có tham vọng “xâm lăng” từ trong tư tưởng. Trở lại lịch sử, ta thấy văn hóa nghệ thuật của Việt Nam, Nhật Bản và Hàn Quốc đã có sự giao lưu trong quá khứ và chịu ảnh hưởng của văn hóa Trung Hoa từ rất sớm. Tuy nhiên, mỗi nước đều có những cách tự bảo vệ hay phản kháng để duy trì bản sắc riêng của dân tộc mình. Thời Bắc thuộc, cha ông đã sáng tạo chữ Nôm trong ý thức phản vệ mãnh liệt, thậm chí sử dụng trong những văn bản hành chính thời nhà Hồ, và chứng kiến những năm tháng huy hoàng ở thời Lê với những *Quốc âm thi tập* của Nguyễn Trãi, *Hồng Đức quốc âm thi tập* của Lê Thánh Tông, *Bạch Vân am thi tập* của Nguyễn Bỉnh Khiêm, những văn thơ bất hủ của Hồ Xuân Hương, và đỉnh cao là *Truyện Kiều* của Nguyễn Du. Văn hóa Việt Nam có sức đề kháng tuyệt vời, thể hiện lòng tự tôn dân tộc, ý chí quật cường, bất khuất. Đó là nguyên nhân khiến chính sách đồng hóa của bá quyền phương Bắc dẫu trải qua nghìn năm đô hộ vẫn không sao làm chúng ta “hòa tan” vì ý thức cảnh giác rất cao của cha ông chúng ta trước mọi mưu đồ đen tối. Đã thế, chúng ta còn vận dụng tinh hoa của đối phương, học thuyết Khổng, Lão để hòa vào cùng dòng chảy chính là tư tưởng Phật giáo làm thành triết lý sống và làm việc của mọi tầng lớp từ quan đến dân. Nhiều nhà triết học và sử học nhận định đây là một nét đặc thù của văn hóa Việt. Nhưng bản sắc ấy hôm nay đang đứng trước nguy cơ xâm thực của các trào lưu văn hóa thế giới, có tốt có xấu, có đề cao tâm hồn, có dục vọng bản năng... Lại thêm tác động của công nghệ thông tin với sự phát triển ồ ạt của các hãng phim, truyền hình, công ty giải trí... tạo nên “thế giới phẳng,” làm một sân chơi cho các quốc gia tiếp xúc thường xuyên với tần số cao, giao lưu văn hóa chưa bao giờ thuận tiện và dễ dàng như bây giờ, đến nỗi những rào cản nhanh chóng bị xóa nhòa, các luồng tư tưởng, các hình thái văn hóa, nghệ thuật nhanh chóng thâm nhập qua internet, TV, phim ảnh... Hãy xem chúng ta đang làm gì: nếu mở TV thì thế nào cũng thấy tràn ngập phim, đứng đầu vẫn là Trung Quốc, sau đó là Hàn Quốc và các nước khác, đến nỗi có người đã nói đùa HTV là Hoa TV hay Hàn TV. Nhưng không chỉ có HTV, Đài Trung ương hay địa phương nào cũng tràn ngập phim Tàu. Có giáo viên đã cay đắng: “*Riết rồi học trò biết Phổ Nghi nhiều hơn Hàm Nghi!*”. Chuyện giới trẻ nước nhà biết về lịch sử Trung Quốc nhiều hơn lịch sử nước nhà là một điều đáng xấu hổ! Nên nhớ cuộc “xâm lăng” văn hóa sẽ mở đường cho

trận chiến kinh tế sau đó. Vì ngưỡng vọng tài tử Hàn Quốc như thần tượng nên tuổi trẻ, có cả người lớn, đổ xô mua mỹ phẩm và hàng hóa Hàn Quốc. Còn Trung Quốc thì khỏi phải nói, hàng hóa tràn ngập thôn thành thị, chất lượng thì... bất chấp sinh mạng! Một số vị lãnh đạo Cục Báo chí (Bộ Thông tin - Truyền thông) đã có ý kiến về việc: Các đài phát thanh, truyền hình phải nâng cao chất lượng và thời lượng chương trình tự sản xuất, hạn chế việc khai thác quá nhiều phim truyền hình nước ngoài, nhất là phim của Trung Quốc, Hàn Quốc... Đây không chỉ là một lời nhắc nhở của cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực này. Ở mọi phương diện, đây là lời cảnh báo ở mức độ cao. Nếu không cải thiện sức đề kháng của nền văn hóa, chúng ta không thể miễn nhiễm trước những âm mưu cực nguy hiểm: ví dụ như sách giáo khoa in cờ Trung Quốc, những quả cầu vẽ bản đồ Việt Nam thiếu Hoàng Sa, Trường Sa... Không hề vô tình nếu chúng ta biết họ làm những việc ấy với tất cả sự tham lam độc ác của các vương triều Đại Hán ngày xưa. Trong số những luồng gió độc thì đó là luồng "hắc phong" có thể quật ngã chúng ta! Nội lực của chúng ta hôm nay ra sao? Tất cả tùy thuộc vào nhiều thành tố bên trong nền văn hóa. Những thành tố ấy không mới vì gồm những giá trị truyền thống: cần cù - thông minh - nhân ái - dũng cảm - trung thực (Bi - Trí - Dũng), hay nói theo ngôn ngữ thông thường là văn hóa hướng đến Chân - Thiện - Mỹ, nghĩa là hướng thượng và hướng thiện, thì nội lực của nền văn hóa sẽ được nâng cao đủ sức miễn nhiễm những căn bệnh tai hại của thời đại: độc ác - ích kỷ - vô cảm - đam mê vật dục. Những căn bệnh khiến cơ thể "văn hóa" Việt liệt kháng, tàn phá lương tri con người, xã hội, hủy hoại mối quan hệ thân tình giữa người với người, cả những tế bào gia đình truyền thống khi người ta ích kỷ chỉ biết phần mình và cư xử độc ác với người thân. Tính Người đang biến mất dần trong các mối quan hệ.

Một điều đáng trách nữa là khi phủ nhận văn hóa cũ, vô tình chúng ta làm mất đi phần tinh túy của nó nhưng lại giữ lấy phần cần phải bỏ: những hủ tục mê tín mang màu sắc cổ hủ như chọi trâu, giật ấn đền Trần, hầu đồng... Còn về những yếu kém trong quản lý xã hội hay văn hóa, chúng ta vội vã quy chụp cho một thủ phạm mơ hồ "mặt trái kinh tế thị trường" để rồi kết tội chính nó làm băng hoại đạo đức chứ không phải lòng tham không được tiết chế do thiếu giáo dục, hay vì thiếu cơ chế kiểm soát nên phát tác thành đủ mọi hình thái gian tà, lừa đảo... Người trên kẻ dưới quen lối sống "giả dối," lập lờ đen trắng nên làm sao đủ nội lực đương đầu với những làn sóng văn hóa cổ vũ lối sống phù phiếm, hào nhoáng bề ngoài, rỗng tuếch tâm hồn đang sói mòn cộng đồng chúng ta. Trong một bài viết trước đây trên VHPG, người viết đã từng nhận xét:

"Văn hóa công dân đang trở thành một thách thức cho toàn thể dân tộc khi cái xấu, cái ác cứ tiếp tục hiện diện

nghư điều bình thường. Phải chăng, đến một lúc nào đó, sự phần nộ trước điều xấu ác sẽ không còn? Người dân đứng đưng trước nạn tham nhũng và bất công. Cha mẹ bình thần thấy con cái hỗn láo với mình. Thầy cô giáo lặng lẽ nhìn học trò đánh nhau giết nhau trước cổng trường. Mọi người hào hứng khoe với nhau những hình ảnh tực tưu mà mình đã sưu tầm được. Phải chăng người ta đang quen dần với tình trạng xuống dốc của phẩm hạnh, để đến lúc những người lương thiện sẽ trở thành "sinh vật quý hiếm" trong xã hội? Hẳn đó là một điều quá gay go cho sự tồn vong của cả một dân tộc!" (NC - Làm thế nào vực dậy phẩm hạnh cộng đồng).

Phải kiến thiết lại nền văn hóa

Đúng về mặt quan điểm, đường lối, chúng ta đều đã có. Đã từng thể hiện qua một loạt văn kiện của Đảng, từ "Đề cương văn hóa Việt Nam" (năm 1943) đến Nghị quyết Trung ương 5 - khóa VIII về "Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc," và rất nhiều chương trình lớn khác. Nhưng để biến nghị quyết ấy thành hành động hay thành hiện thực, vẫn còn một con đường phải đi, dài và cam go. Chúng ta đã từng chịu đựng sự đô hộ, chứng kiến vô vàn những cái bất hợp lý, xấu xa của những ngày bị cai trị, nên khi làm cách mạng, tất yếu phải sản sinh cái mới. Xây dựng là mục đích tích cực của cách mạng. Xây dựng cái mới thành công là cách mạng thành công. Muốn vậy thì văn hóa phải có thành tựu nhất định. Luôn nhớ rằng xâm lăng văn hóa là một cuộc xâm lăng tàn khốc nhất, hủy hoại lâu dài nhất.

Phải trở lại với giá trị truyền thống nền tảng, xây dựng phẩm chất cá nhân qua con đường giáo dục đạo đức, vốn đang bị xem nhẹ thậm chí lãng quên bấy lâu. Dạy tuổi trẻ biết yêu thương, biết lễ phép và luôn kính trọng mọi người. Dạy người lớn biết làm gương ít ra cho con cháu mình. Nếu lỡ suy đồi thì nay rèn tập lại. Xây dựng gia đình làm hạt nhân văn hóa, rồi đến các đoàn thể sinh hoạt có thực chất, có lý tưởng vì xã hội, phục hoạt tính cách cha ông xưa: tận tụy, kiên định, nhân ái, từ quan xuống dân đều như thế. Cuộc cách mạng văn hóa như chúng ta thường nêu trong Nghị quyết vẫn còn ở phía trước vì cách mạng là vì dân, nên phải cứu dân, vạch cho dân con đường mới, sáng hơn sạch hơn. Văn hóa cao nhất là phải dựa trên những giá trị đạo lý muôn đời, không qua việc rao giảng nghị quyết mà phải thể hiện bằng hành động, qua hành động, vượt lên chính mình. Tạo sự đồng thuận trong xã hội về những phẩm chất cần thiết cho mỗi cá nhân, sau đó là phẩm hạnh của cả cộng đồng. Làm như thế, cái xấu sẽ bị đẩy lùi từng bước. Văn hóa ứng xử sẽ "tinh lọc" và sức mạnh nội tại sẽ khiến văn hóa Việt vững vàng trước mọi dòng chảy dù thuận hay nghịch, trong hay đục khi chúng ta biết sàng lọc và tiếp thu tinh hoa nhân loại. Hãy bắt tay ngay vào công cuộc ấy! ■

**Ái đoạn tận kiêu mạn
Không còn những buộc ràng
Mọi hệ phược kiêu mạn
Được hoàn toàn đoạn tận.
*Tương Ứng bộ -
Tương Ứng chư thiên***



Tìm hiểu về Tôn giả Pháp Xứng

PHẠM CHÍNH CÀN

Kể từ đầu thập niên thứ tám của thế kỷ XX, giới học thuật phương Tây đã dấy lên một phong trào nghiên cứu về Pháp Xứng (Dharmakirti). Vào năm 1982, cuộc hội thảo quốc tế đầu tiên về vị học giả Phật giáo này đã được tổ chức tại Kyoto, Nhật Bản. Thành công của cuộc hội thảo thúc đẩy các học giả nghiên cứu sâu thêm về tư tưởng của triết gia Phật giáo Ấn Độ này, và ba cuộc hội thảo khác đã được tổ chức tiếp theo: Hội thảo quốc tế lần thứ hai tại Vienna, Áo năm 1989 với chủ đề *Studies in the Buddhist Epistemological Tradition (Những nghiên cứu về truyền thống Nhận thức luận Phật giáo)*; Hội thảo quốc tế lần thứ ba tại Hiroshima, Nhật Bản năm 1997 bàn về *Dharmakirti's Thought and its Impact on Indian and Tibetan Philosophy (Tư tưởng của Dharmakirti và ảnh hưởng đối với Triết học Ấn Độ và Tây Tạng)* và Hội thảo quốc tế lần thứ tư cũng tại Vienna, Áo năm 2005 tập trung vào chủ đề *Religion and Logic in Buddhist Philosophical Analysis (Tôn giáo và Luận lý trong sự phân tích Triết học Phật giáo)*. Trong bài giới thiệu tác phẩm *Foundations of Dharmakirti's Philosophy (Những nền tảng của Triết học Pháp Xứng)* của John D. Dune, vị giáo sư khoa Triết, Đại học Charleston là Tiến sĩ Christian Coseru đã viết, "*Làn sóng tiếp tục trong việc [nghiên cứu các] công trình của Dharmakirti thể hiện một trong những sự nghiệp phong phú nhất trong lĩnh vực nghiên cứu về Phật giáo. Là triết gia Nam Á duy nhất đã trở thành chủ đề cho bốn cuộc hội thảo quốc tế, Dharmakirti chế ngự cả một di sản thực sự của sự uyên bác, thông qua những nghiên cứu của những người kế thừa ngài, những người bình giải về tác phẩm của ngài, và cả những người một thời chống đối ngài*". Mới đây, ngày 17-1-2013, Đại học Heidelberg, Đức quốc cũng thông báo sẽ tiếp nối tổ chức một cuộc hội thảo lần thứ năm về đề tài Pháp Xứng vào tháng Tám năm 2014. Tuy nhiên, cũng như đối với hầu hết những vị Tổ Phật

giáo Ấn Độ khác, người ta không biết gì nhiều về tiểu sử của ngài Pháp Xứng trừ ra một vài truyền thuyết còn được ghi nhận rải rác trong các bản thánh sử.

Theo Th. Stcherbatsky trong tác phẩm *Buddhist Logic (Luận lý học Phật giáo)* thì Pháp Xứng xuất thân trong một gia đình Bà-la-môn ở miền Nam Ấn Độ, tại một nơi có tên gọi là Trimalaya hoặc Tirumalla, và đã nhận được nền giáo dục Bà-la-môn; nhưng sau đó, ngài đã quan tâm đến Phật giáo và ban đầu đã đến với Phật giáo trong vai trò một cư sĩ. Vì khao khát được học hỏi từ những vị đệ tử trực tiếp của ngài Thế Thân (Vasubhandu), ngài Pháp Xứng đã tìm đến Học viện Nalanda, một học viện Phật giáo nổi tiếng vùng Bắc Ấn đặc biệt hưng thịnh trong các thế kỷ thứ năm, thứ sáu và thứ bảy. Tại đó, ngài Pháp Xứng gặp được ngài Pháp Hộ (Dharmapala), một vị đệ tử của ngài Thế Thân, bấy giờ đã quá lớn tuổi; mặc dù vậy, ngài Pháp Hộ vẫn nhận ngài Pháp Xứng là học trò. Cũng tại Nalanda, ngài Pháp Xứng chú ý đến những vấn đề do ngài Trần-na (Dignaga) nêu lên, nhưng vì ngài Trần-na đã viên tịch nên ngài Pháp Xứng cầu học với ngài Isvarasena là đệ tử trực tiếp của ngài Trần-na. Theo các bản thánh sử thì chính ngài Isvarasena nhìn nhận rằng ngài Pháp Xứng hiểu rõ về học thuyết của ngài Trần-na hơn mình. Với sự đồng ý của thầy, ngài Pháp Xứng bắt đầu công trình của mình bằng những câu kệ dễ nhớ chứa đựng việc giải thích cặn kẽ những tác phẩm của ngài Trần-na. Stcherbatsky viết tiếp về ngài Pháp Xứng như sau, "*Phần còn lại của đời ngài, theo thông lệ, đã được dành cho việc soạn sách, giảng dạy, tranh biện nơi công cộng và tích cực truyền bá [giáo pháp]. Ngài mất tại Kalinga trong một tu viện do chính ngài tạo dựng, chung quanh là các học trò*".

Sự xuất hiện của ngài Pháp Xứng trong lịch sử tư tưởng Ấn Độ được coi như ngôi sao sáng chói cuối cùng của trào lưu tư tưởng Phật giáo trước khi lụi tàn để



nhường chỗ cho sự phục hưng của tư tưởng Bà-la-môn. Stcherbastky viết tiếp, “*Bất kể cơ hội và sự thành công lớn trong việc truyền giáo của mình, ngài Pháp Xứng chỉ có thể làm chậm lại chứ không chặn đứng được quá trình suy tàn đã xảy đến với Phật giáo ngay tại nơi phát tích... Nhà truyền giáo tài năng nhất cũng không thể thay đổi dòng chảy của lịch sử*”. Theo Stcherbastky thì lúc ấy, thời của những triết gia làm hồi sinh tư tưởng Bà-la-môn và chống đối Phật giáo như Kumarila và Sankara-acarya đang đến gần. Truyền thống trong thánh sử có nói đến việc ngài Pháp Xứng đã tranh luận với những triết gia Bà-la-môn này và đánh bại họ, nhưng Stcherbastky cho rằng đó chỉ là lời giải thích của người sau và có

những dấu chỉ gián tiếp cho thấy những luận sư Bà-la-môn nói trên chưa bao giờ gặp ngài Pháp Xứng. Lý do nào khiến Phật giáo bắt đầu tàn lụi trên đất Ấn để sau đó nảy nở ở Tây Tạng và Mông Cổ thì vẫn là những điều cần nghiên cứu, nhưng nhìn chung, các học giả đều công nhận rằng trong đời của ngài Pháp Xứng, Phật giáo không còn hưng thịnh và phát triển như dưới thời các ngài Thế Thân và Vô Trước (Asanga).

Có vẻ như ngài Pháp Xứng đã có được những điểm báo trước về số phận hẩm hiu của tôn giáo của mình trên đất Ấn Độ. Ngài cũng phiền muộn về việc thiếu vắng những người học trò có thể hiểu được đầy đủ hệ thống tư tưởng của mình và những người mà việc tiếp

tục công trình của ngài có thể được giao phó. Cũng như ngài Trần-na không có được một vị đệ tử trực tiếp xứng đáng mà việc tiếp nối tư tưởng của ngài phải chờ người cách sau một thế hệ, đệ tử của ngài Pháp Xứng là ngài Devendrabuddhi mặc dù rất tận tụy và chịu khó nhưng không có đủ tài trí để nắm bắt luận lý học của ngài Trần-na cũng như nhận thức luận siêu việt của ngài Pháp Xứng, cho nên người nối tiếp công trình của ngài Pháp Xứng lại là ngài Dharmottara, học trò của Devendrabuddhi.

Các bản thánh sử cũng cho biết ngài Pháp Xứng là một người có bản tính độc lập nhưng ngạo mạn, rất khinh thường những học giả hay làm bộ làm tịch. Sự gia Phật giáo Tây Tạng là Taranatha có trích dẫn những câu kệ theo đó ngài Pháp Xứng tự hào mình thông hiểu về văn phạm và thi ca hơn những người đương thời. Taranatha cho biết khi ngài Pháp Xứng hoàn tất công trình lớn nhất của mình, ngài có giới thiệu với các học giả đương thời nhưng chỉ được những vị này tiếp nhận bằng thái độ thờ ơ. Ngài đã phàn nàn rằng những vị ấy kém trí và ghen tị. Để phản ứng, các học giả nọ đã buộc những bản lá bối có viết tác phẩm của ngài Pháp Xứng vào đuôi một con chó rồi đánh cho nó chạy khắp phố khiến những tấm lá bối đó bay tung tóe. Nhưng ngài Pháp Xứng nói, *"hệt như con chó chạy khắp các nẻo đường, tác phẩm của tôi cũng sẽ tỏa ra khắp thế giới"*.

Có thể thấy rằng trong những tác phẩm viết về Tôn giả Pháp Xứng, phần tiểu sử của ngài chỉ được nêu lên một cách cô đọng, mà phần quan trọng là nói về tư tưởng của ngài. Những trình bày nói trên về tiểu sử của ngài Pháp Xứng được Stcherbastky thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và được coi là thể hiện nhiều chi tiết hơn cả. Cũng có một bản tiểu sử của ngài Pháp Xứng được chép trong loạt bài *The Teacher Articles*, do Elton A. Hall biên tập và được Theosophy Trust ấn hành, có đưa thêm một vài khía cạnh khác liên quan đến cuộc đời của ngài. Theo đó thì từ lúc còn thơ ấu Tôn giả Pháp Xứng đã nổi tiếng là người có trí thông minh đặc biệt, được giáo dục theo truyền thống Vệ-đà, sớm tinh thông mọi ngành khoa học và nghệ thuật của thời ấy, được nhìn nhận là một người có tư cách trưởng thành khi mới mười sáu tuổi. Trong một dịp tình cờ, ngài bắt gặp những văn bản của Phật giáo và cũng nhanh chóng thấu suốt tư tưởng được trình bày bởi các văn bản ấy rồi bị cuốn hút bởi yếu tính giải thoát trong giáo lý của Đức Phật. Trước sự ngạc nhiên và cả phẫn nộ của cộng đồng Bà-la-môn chính thống, Tôn giả Pháp Xứng đã quyết định khoác lấy chiếc áo Tăng-già-lê của người tu sĩ Phật giáo. Sau khi quyết liệt bác bỏ mọi luận điệu thuyết phục của các học giả Bà-la-môn ở địa phương, ngài đã bị buộc phải rời làng. Ngài tìm đến Học viện Nalanda và được tiếp nhận làm học trò của ngài Pháp Hộ, một vị đệ tử còn sót lại của ngài Thế Thân, nhưng lại được giao cho một đệ tử của ngài Trần-na là ngài Isvarasena

để được đào tạo về Nhân minh luận. Ngài Isvarasena đã giao cho ngài Pháp Xứng đọc các tác phẩm về luận lý và biện chứng của ngài Trần-na. Ngay sau khi đọc xong lần thứ nhất tác phẩm *Pramanasamuccaya (Tập lượng luận)* của ngài Trần-na, ngài Pháp Xứng đã nắm được phần tinh yếu. Khi đọc lần thứ hai, Pháp Xứng đã đánh giá Tập lượng luận chưa phải là trọn vẹn và khi đọc lại lần thứ ba, ngài đã thẳng thắn đưa ra những bình luận của mình. Sẽ có những bậc thầy thấy thái độ của Pháp Xứng là thiếu sự tôn kính, nhưng Isvarasena lại vui sướng và khuyên Pháp Xứng nên viết bình giải về bản danh tác của thầy mình. Sau thời thiền định thâm mật, Pháp Xứng thấy được hình ảnh của vị thần phần nộ (*Heruka*), nguồn bảo vệ mãnh liệt đối với Đức Phật A-súc; vị thần phần nộ này chúc phúc cho ngài bằng ba thanh âm huyền bí. Thế là Pháp Xứng bắt đầu viết, để tạo ra những tác phẩm vĩ đại nhất trong lịch sử khoa luận lý học Phật giáo. Nhờ vào kiến thức uyên bác về những học thuyết phi Phật giáo có sẵn, Pháp Xứng tự nguyện giới hạn những hoạt động tranh luận của ngài vào các học thuyết ngoại đạo (*tirthikas*). Mặc dù khả năng biện chứng tuyệt vời và thái độ công bằng không thể phê phán được của ngài, những tác phẩm của Pháp Xứng đã được tiếp nhận với sự lãnh đạm chỉ vì không ai có thể hiểu trọn vẹn luận thuyết của ngài. Cuối cùng, ngài lên đường du phương để tranh luận tại những cung điện hoàng gia, những trung tâm học thuật trên cả nước. Khi đến Kalinga, ngài xây dựng một tu viện rồi ở lại đấy, giảng dạy cho nhiều đệ tử đến khi viên tịch. Lần lần, tính cách vĩ đại của ngài trong vai trò một nhà tư tưởng trở nên rõ ràng đối với những người nối dõi truyền thống tâm linh cho những đệ tử trực tiếp của ngài. Cuối cùng, ngài đã được xem như có thể là nhà biện chứng Phật giáo duy nhất ngang hàng với ngay cả thần Shiva; nhưng cũng có những điều ngoa truyền cho rằng ngài đã từng bị đánh bại trong một cuộc tranh luận. Dựa vào những bằng chứng ít ỏi có được, cũng có thể là ngài đã tranh luận và đã thuyết phục được con trai của Bhatta Acharya, người được coi là một hiện thân của thần Shiva. Theo sử gia Phật giáo người Tây Tạng Taranatha, khi ngài Pháp Xứng viên tịch, một trận mưa hoa rơi xuống trong lúc tiến hành lễ hỏa táng nhục thân ngài và suốt bảy ngày tiếp theo đó người ta vẫn nghe tiếng nhạc trời tấu khúc êm dịu. Tro cốt của ngài kết tinh thành tinh thể và được tôn trí để thờ cúng ở Kalinga trong nhiều năm sau.

Như những trình bày trên, nếu chỉ đọc thẳng vào tiểu sử của ngài Pháp Xứng thì người ta khó có thể xác định niên đại về ngài. Theo Tom Tillemans, giáo sư Triết tại Đại học Stanford, cộng đồng các nhà nghiên cứu đương đại vẫn chưa thể quyết định rằng ngài Pháp Xứng là triết gia thuộc thế kỷ thứ sáu hay thứ bảy. Một phần lý do của sự không thể xác định đó là có một khoảng thời gian đáng kể đã trôi qua trước khi danh

tiếng của ngài Pháp Xứng được xác lập trên đất Ấn Độ. Có người cho rằng vì ngài Huyền Trang được biết là đã có mặt tại Ấn Độ trong khoảng thời gian từ năm 629 đến năm 645 mà lại không nói đến ngài Pháp Xứng, trong khi ngài Nghĩa Tịnh viếng Ấn Độ từ năm 675 đến năm 685 có ghi nhận về vị tôn giả này, niên đại về ngài Pháp Xứng sớm nhất cũng chỉ trong khoảng năm 600 trở đi. Tuy nhiên, nhiều bản thánh sử cho biết ngài Pháp Xứng được ngài Pháp Hộ tiếp nhận vào Tăng đoàn mà ngài Pháp Hộ lại là đệ tử của ngài Thế Thân, một triết gia của thế kỷ thứ ba, thì niên đại của ngài Pháp Xứng không thể trễ đến mức đó được. Vì có quá nhiều thiếu sót trong tiểu sử của ngài Pháp Xứng, cuối cùng, các nhà nghiên cứu cho rằng thái độ đúng đắn nhất về niên đại của ngài Pháp Xứng là hãy xem đó là một vấn đề bất khả tri. Điều quan trọng là cần tìm hiểu sâu về tư tưởng của ngài.

Ngài Pháp Xứng sáng tác nhiều bản luận giải nhưng quan trọng hơn cả là những tác phẩm thể hiện tư tưởng về nhận thức luận của ngài. Trong lĩnh vực này, truyền thống Tây Tạng còn lưu giữ được bảy quyển, gọi chung là *Pháp Xứng nhân minh thất bộ* (Seven Treatises on Valid Cognition), chỉ có bản Tạng ngữ hoặc Phạn ngữ chứ chưa hề được dịch ra tiếng Hán. Theo Tillemans thì năm quyển trong của bộ luận bảy quyển này đã được nhà nghiên cứu Erich Frauwallner sắp xếp theo thời gian sáng tác, dựa vào việc nghiên cứu đối chiếu những văn bản có liên hệ, với thứ tự như sau:

1. Pramanavartika-karika (*Lượng thích luận*), chú giải Pramanasamuccaya (*Tập lượng luận*) của ngài Trần-na, bao gồm bốn chương tìm hiểu về tiến trình suy luận, về giá trị của kiến thức, về nhận thức cảm giác, và về phép suy luận theo từng đoạn. Tập luận này được viết dưới dạng những bài kệ bốn câu dễ nhớ, gồm 2.000 bài kệ.

2. Pramanaviniscaya (*Lượng quyết định luận*) là bản rút ngắn của tập luận đầu tiên, viết bằng kệ và tản văn; hơn một nửa số bài kệ trong tập này là trích từ tập luận trước.

3. Nyayabindu (*Chính lý nhất đích luận*) cũng là một bản tóm tắt hơn nữa của cùng một chủ đề. Lượng quyết định luận và Chính lý nhất đích luận mỗi tập có ba chương bàn về nhận thức cảm giác, về sự suy luận và về phép suy luận theo từng đoạn.

4. Hetubindu (*Nhân luận nhất đích luận*) là một bản phân loại ngắn gọn về những lý lẽ hợp với luận lý.

5. Vadanyaya hay Codana-prakarana (*Luận nghị chính lý luận*) là một tập tiểu luận bàn về nghệ thuật tranh biện.

Hai tập luận còn lại trong bộ luận bảy tập, gồm Sambandhapariksa (*Quan tướng thuộc luận*) phân tích về những mối quan hệ và Samtanantarāsiddhi (*Thành tha tướng thuộc luận*) phân tích về thực tại trong tâm thức của người khác được viết với mục đích phê bác

trực tiếp luận thuyết của phái duy ngã, là những tập luận mà Frauwallner cho rằng rất khó đặt định vị trí trong chuỗi sáng tác của ngài Pháp Xứng.

Ngoài ra, ngài Pháp Xứng còn soạn những tập luận nhằm bình giải chính những tập luận của mình, nhưng cũng Frauwallner cho rằng tác giả của những tập luận ấy còn tồn nghi.

Các nhà nghiên cứu cho biết ngài Pháp Xứng khẳng định rằng hoạt động cấu tạo khái niệm là một tiến trình tư duy liên quan đến việc trình bày mà việc này có khả năng được biểu thị bằng ngôn ngữ; rằng nhận thức cảm giác tự nó không có một ứng dụng thực tiễn vì nó không chứa đựng sự suy xét và nhận thức một cách đúng đắn; rằng những phán đoán sử dụng các khái niệm sẽ dẫn tới hoạt động thành công; và rằng có một sự nhầm lẫn khi giả định rằng các khái niệm phản ánh được thực tại. Ngài Pháp Xứng quan niệm rằng nhận thức đúng là điều đoán trước về mọi hoạt động thành công của con người, rằng có nhận thức trực tiếp và có nhận thức do suy luận, rằng nhận thức trực tiếp độc lập đối với việc khái niệm hóa và là điều có thể tin cậy được. Ngài cũng bác bỏ quan niệm cho rằng tư tưởng và ngôn ngữ đi đôi với nhau và tuyên bố rằng tư tưởng đến trước ngôn ngữ. Ngài cho rằng có bốn kiểu nhận thức: những ấn tượng có được do cảm giác giác quan, những hình ảnh được tạo ra từ những ấn tượng đó, sự tự nhận thức đối với mọi tư duy và cảm nhận của chính mình, và cuối cùng là nhận thức của một hành giả được tạo ra bởi trí tuệ thiền định trong quá trình tìm hiểu về thực tại tối hậu. Theo Tôn giả Pháp Xứng thì nhận thức chỉ là những chi tiết độc nhất được nắm bắt trong khoảnh khắc, chúng thực sự khách quan vì thực tại có nghĩa là khả tính đối với tính có hiệu lực về mặt nhân quả. Ngài cũng cho rằng nhận thức cảm tính chỉ đưa tới kiến thức khi nó thực sự liên quan đến đối tượng nhận thức; hình ảnh chỉ là sự sao chép những ấn tượng của một tâm thức suy diễn; và trong khi có những khái niệm phức tạp được dẫn xuất từ những ấn tượng cảm giác thì những khái niệm khác lại được tạo ra bởi một sự tưởng tượng sáng tạo.

Thông qua những chủ đề nghiên cứu trong các tập luận của ngài Pháp Xứng như trình bày trên, người ta có thể thấy tính cách đa dạng trong tư tưởng của Pháp Xứng về siêu hình học và nhận thức luận. Chính tính cách đa dạng ấy đã thúc đẩy cộng đồng học giả quốc tế tìm hiểu sâu về tư tưởng của ngài, tìm hiểu ảnh hưởng của ngài đối với Phật giáo Ấn Độ và Phật giáo Tây Tạng.

Như đã nói, sau bốn cuộc hội thảo quốc tế, các học giả chuyên về Phật học trên toàn thế giới đang chuẩn bị cuộc hội thảo thứ năm về đề tài Pháp Xứng. Có lẽ đã đến lúc các nhà Phật học Việt Nam cũng cần tìm hiểu sâu về Tôn giả Pháp Xứng và tư tưởng của ngài để mài bén những phương tiện hoàng pháp phù hợp với thời đại. ■



Võ Hồng và nỗi "cô đơn uy nghi"

ĐỖ HỒNG NGỌC

Võ Hồng là một nhà thơ. Dù ông viết truyện ngắn, truyện dài gì thì với tôi cũng đều là thơ. Thơ xuôi. Đọc ông thấy lòng lành ra. Tuy nhiên ông cũng đã in hẳn một tập Thơ cho riêng mình. Chân tình và mộc mạc. Đằm thắm những yêu thương.

Trong thư gửi tôi, kèm tập thơ năm đó, ông thổ lộ: "Đọc lại văn mình moa thấy: nếu là văn xuôi thì Ngô, còn thơ thì Ngựong. Cái gì mà yêu thương, nhớ nhung, đợi chờ... mắc cỡ thấy mô!". Tôi hiểu ông. Bởi vì văn thì còn đổ thừa tại bị "hư cấu" nọ kia, tại bị tâm lý nhân vật này khác, chứ thơ thì hết phương... chối cãi!

Vợ mất sớm vì bệnh tim lúc ông hãy còn rất trẻ. "Một nách ba con" còn nhỏ xíu. Ông vẫn ở vậy, không tục huyền, dù không ít cô thắm thương trộm nhớ ông thầy giáo, ông nhà văn nho nhã, dễ mến. Gà trống nuôi con. Tất cả đều thành đạt. Tất cả đều học xa rồi sinh sống ở nước ngoài. Chỉ còn có ông... gà trống ngày một lớn tuổi, loay hoay một mình với cây trứng cá, cây khế và mấy gốc dứa...

*Năm giờ sáng mở mắt
Nhìn quanh: chỉ ghế bàn
Thèm thấy một khuôn mặt
Thèm nghe tiếng dịu dàng*

*Mười giờ đêm thâm u
Bóng tối như cõi chết
Tình yêu, tìm nơi đâu
Hạnh phúc, chào vĩnh biệt*

.....

Võ Hồng (Quạnh hiu)

Quạnh hiu. Hoang vắng. Cô đơn. Không muốn "độc cư" mà thành độc cư. Với một tâm hồn vô cùng nhạy cảm, ông héo hắt dần với tháng năm. An ủi của ông trong tuổi già là những người con đều thành đạt, hiểu thảo, nhưng vì hoàn cảnh riêng mà phải sống xa nhau kẻ chân trời người góc biển.

*Nay các con nên người
Mỗi đứa đi một ngã*

Mình cha căn nhà xưa
Trông vừa quen vừa lạ
Không còn ngày gian khổ
Chỉ dư ngày tiêu điều
Vẫn con như cây cỏ
Héo úa giữa quạnh hiu

Võ Hồng (Ba mươi năm sau)

Quen biết, thân thiết với ông đã hơn 40 năm, nhưng nhớ mãi lần tôi với Nguyễn Thiện Tống đến thăm, lúc đó ông mới ngoài tuổi 70, từ trên gác lửng thững xuống mở cổng, con chó ùa ra sủa ầm lên. Tôi hơi hoảng, hỏi: chó có dữ không anh? Ông trả lời tình queo: nó còn hiền hơn *moa*! Lúc nào ông cũng xưng hô “toa, moa” với tôi như vậy. Rồi ông dẫn bọn tôi lên gác. Vẫn căn gác nhỏ với một phòng chùng hơn chục mét vuông, vừa là chỗ ăn chỗ ngủ, chỗ làm việc, tiếp khách... lổn nhổn những sách vở, thư từ, bản thảo... tràn lan trên bàn, trên nệm, dưới gầm. Nhờ cái sân thượng phía trước khá rộng có bóng râm cây khế, cây dứa mà ông có một khoảng không để mà *trâm tư*, mà *hoài cố nhân*... Ông khoe cái chậu nhỏ xíu trong đó có một cây *gai bàn chải* to bằng bàn tay. Ông nói miến què ông đi đâu cũng gặp cây *gai bàn chải* mọc dọc hai bên đường. Ông nhớ nó quá nên tìm một gốc về trồng và giấu nó ở một góc sân thượng, sợ người ta trông thấy cho là lập dị! Lần đó tôi bấm cho ông mấy tấm ảnh kỷ niệm, có cảnh ông ngồi trên chiếc ghế “cô đơn uy nghi” đặt ở sân thượng, dưới tàng cây trướng cá. Lúc đó, ông mới 74 tuổi, còn hoạt bát lắm, đòi khoác áo tràng hoàng rồi mới chụp hình.

Mỗi khi có dịp về Nha Trang tôi đều ghé thăm ông. Ông mừng lắm. Kể chuyện huyền thuyên. Có lần thấy ông treo tấm hình một cô diễn viên Hồng Kông, đang định hỏi thì ông đã nói ngay: Cháu *moa* nó coi ti-vi nói cô này trông rất giống vợ *moa*. Mà giống thiệt nên *moa* mới đem treo lên đó! Ông kể năm 70 tuổi, người ta dựng một phim ngắn về ông: *Thầy Võ Hồng*. Ông cảm động lắm vì được trở về thăm lại chốn xưa, trường cũ, ngôi nhà thờ, ngôi chùa thân quen ngày nào... nhưng vẫn thấy ngưỡng ngưỡng vì phải “đóng phim”! Khi tôi gọi ông bản thảo “*Già ơi... chào bạn!*” để nhờ ông đọc, ông cười: Sau “*Già ơi chào bạn*” *toa* sẽ viết tiếp cái gì nữa đây? Ông là vậy. Lúc nào cũng hóm hỉnh, sâu sắc mà sáng khoái trừ những lúc một mình trong nỗi “cô đơn uy nghi” nhớ đến người thân.

Những lúc sau này tôi thường phone hỏi thăm ông khỏe không, ông nói khỏe gì nổi, bệnh rề rề. Nhiều tuổi rồi, con ở xa, bệnh cũng làm biếng đi bệnh viện nữa. Phải nhờ người quen đưa đi khám hoài ngại quá!

Mấy năm gần đây, tình trạng sức khỏe ông yếu dần, nằm liệt giường, được chuyển xuống tầng trệt cho tiện chăm sóc. Cô con gái lớn Diệu Hằng vẫn thường từ Pháp về thăm cha. Rồi cô lại đi, bận bịu

bao điều, nhưng vẫn quán xuyến lo toan. Người con trai thứ ở Đức đã dựng riêng cho cha một trang web, tập hợp toàn bộ các tác phẩm của cha, với nhiều tài liệu quý.

Năm ngoái, có dịp ngang Nha Trang, tôi lại ghé thăm ông, bấy giờ ông đã 91 tuổi, đã dần dần khó tiếp xúc... Cô Đạm, người học trò cũ quý thương ông vẫn là người hằng ngày trực tiếp đến chăm sóc ông cùng với một người giúp việc. Ông tuy nằm liệt giường đã lâu vậy mà trông vẫn thanh mảnh, sạch sẽ lắm. Tôi cảm động nói với cô Đạm, thay mặt những bạn bè thân quen gần xa của nhà văn Võ Hồng, trân trọng cảm ơn cô.

Ông đã sẵn một bài thơ gọi là “*Di ngôn*” viết về nỗi “cô đơn uy nghi” của mình:

Cho đến một ngày kia... tôi sẽ nhẹ nhàng già từ / Hạnh phúc yêu thương... Bãng giá mây mù... / Nhưng trên sân, chiếc ghế cô đơn uy nghi còn đó / Tiếp tục ngồi chờ, lặng lẽ chờ cho mãi đến thiên thu.

Nhớ Võ Hồng, vừa thương vừa cảm, vừa xót vừa xa. Thấy trôi đi một kiếp nhân sinh phù thế:

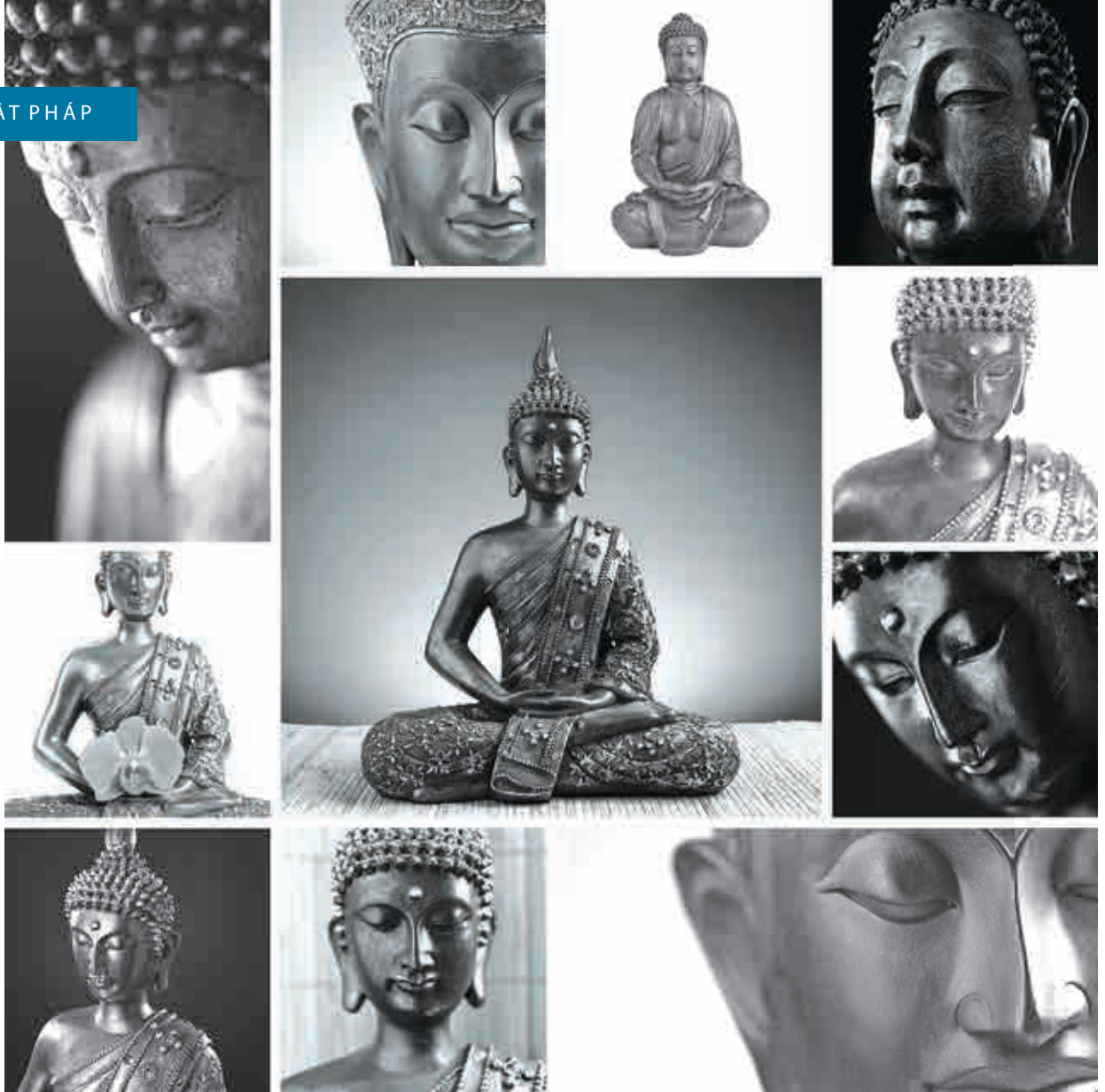
*Ngũ uẩn phù vân không khứ lai
Tam độc thủy bào hư xuất một...
(Chứng đạo ca)*

Mà mừng ông nay đã vào cõi “tịch diệt vi lạc”!

Di ngôn

*Sau khi tôi chết
Xin giữ nguyên dùm mọi dấu vết
Của những ngày u buồn trĩu nặng hồn tôi
Đây: cây bút màu đen sớm tối không rời
Đây: cuốn vở cất đầy những mảnh lòng hiu hắt
Kìa: chồng sách không bao giờ ngăn nắp
Này: góc vườn, hoa rụng trải lối đi
Trên khung rào thưa, lá khế thâm thì
Nơi sân thượng xin để nguyên chiếc ghế
Kê sát lan can, hướng xuống mặt đường
Nơi những đêm dài, trong tối đầy sương
Tôi ngồi lặng, mắt chong chờ đợi
Đợi một người đi không hẹn trở lại
Hun hút đường dài... vun vút xe qua
những dáng ngược xuôi... những cặp hẹn hò
Bầy chó lang thang... hàng cây đứng lặng
Chia sẻ nỗi niềm: từng ngôi sao xa
Người đi không về. Giờ đang nơi đâu?
Cực lạc non Bồng hay cõi Diêm phù
Đêm trắng trải dài... Mỏi mòn đêm trắng
Canh hai... canh ba... từng canh qua mau
Cho đến một ngày kia... tôi sẽ nhẹ nhàng già từ
Hạnh phúc yêu thương... Bãng giá mây mù...
Nhưng trên sân, chiếc ghế cô đơn uy nghi còn đó
Tiếp tục ngồi chờ, lặng lẽ chờ cho mãi đến thiên thu.*

Võ Hồng
(Thời gian mây bay) ■



Như ngôi nhà khéo lợp

NGỌC DUNG

Kinh *Pháp Cú* có hai bài kệ nói về tâm khéo tu tập và tâm không tu tập, được ví như ngôi nhà khéo lợp và ngôi nhà vụng lợp, từ đó an lạc hay khổ đau phát sinh:

*Như ngôi nhà khéo lợp,
Mưa không xâm nhập vào;
Cũng vậy tâm khéo tu,
Tham dục không xâm nhập.
Như ngôi nhà vụng lợp,
Mưa liền xâm nhập vào;
Cũng vậy tâm không tu,
Tham dục liền xâm nhập.¹*

Cái tâm mà khéo tu khéo tập thì tham dục không có cơ hội xâm nhập, giống như ngôi nhà khéo lợp thì mưa không thể thấm vào. Trái lại, cái tâm mà không tu không

tập thì tham dục liền xâm nhập, giống như ngôi nhà vụng lợp thì mưa sẽ thấm chảy vào. Ngôi nhà mà không bị mưa dột thì con người sống được an lạc, không chịu cảnh phiền muộn khổ sở. Ngược lại, nhà ở mà bị mưa thấm ướt thì con người sống bất an, phải chịu cảnh phiền muộn khổ đau. Để tránh cảnh cửa nhà thấm ướt vì mưa gió thì mái nhà cần phải được lợp che cho kỹ; tương tự, để tránh phiền muộn khổ đau do tham dục quấy nhiễu thì cái tâm cần phải khéo tu tập. Thế nào là tâm khéo tu tập?

Kinh *Pháp Cú* lại nêu rõ:

*Tâm khó thấy, tế nhị,
Theo các dục quay cuồng;
Người trí phòng hộ tâm,
Tâm hộ, an lạc đến.²
Tâm không đầy tràn dục,*

*Tâm không hận, công phá,
Đoạn tuyệt mọi thiện ác,
Kẻ tình không sợ hãi.*³

Tâm khéo tu tập là tâm được phòng hộ kỹ lưỡng, khiến cho tham dục và sân hận không có cơ hội xâm nhập, quấy nhiễu; cái tâm không còn dính mắc, quay cuồng giữa các đối cực tốt xấu, hơn thua, được mất; cái tâm luôn luôn tỉnh giác, thoát khỏi mọi ám ảnh sợ hãi. Đó chính là tâm giải thoát, tâm an lạc, cái tâm được khéo tu tập lâu ngày thành ra thuần thực, định tĩnh, vững vàng; dù có gặp cảnh ngộ nào, thuận duyên hay nghịch ý, cái tâm ấy vẫn thanh thản, an nhiên tự tại, không dao động, không thuận ứng hay nghịch ứng. Nói cách khác, đó là cái tâm đã thoát khỏi tham-sân-si, hoàn toàn tỉnh giác và sáng suốt, thấy rõ bản chất hư huyền của hết thảy các pháp, không còn bị nội hay ngoại duyên chi phối, không mê say tham đắm khi gặp thuận duyên, (các căn gặp các đối tượng thích ý, hấp dẫn), không giận dữ bực phiền khi đối diện nghịch cảnh (các căn tiếp xúc với các đối tượng không thích ý, không hấp dẫn). Trong sinh hoạt hàng ngày, nó được diễn tả như vậy:

*Khi xúc chạm việc đời,
Tâm không động, không sầu,
Không uế nhiễm, an ổn,
Là hạnh phúc tối thượng.*⁴

Về phương pháp tu tập để tâm dần dần thoát khỏi các dục, thoát khỏi mọi ám ảnh và chi phối bởi tham-sân-si, đạt đến giải thoát, tự do, an nhiên tự tại, Đức Phật cho chúng ta nhiều lời khuyên thật căn bản và bổ ích. Ngài nói lại các kinh nghiệm tu tâm của mình giúp cho chúng ta tìm thấy được nhiều phương pháp hành trì thích hợp. Sau đây là một vài pháp môn thực tập căn bản:

- Pháp môn khởi tâm đoạn trừ các bất thiện pháp, nuôi dưỡng các thiện pháp:

*"Này Cunda, Ta nói rằng sự khởi tâm rất có lợi ích cho các thiện pháp, còn nói gì thân nghiệp, khẩu nghiệp phù hợp với tâm ý. Do vậy, này Cunda: "Những kẻ khác có thể làm hại, chúng ta ở đây sẽ không làm hại", cần phải khởi tâm như vậy. "Những kẻ khác có thể sát sanh, chúng ta ở đây sẽ từ bỏ sát sanh", cần phải khởi tâm như vậy... "Những kẻ khác có thể nhiễm thế tục, cố chấp tư kiến, tánh khó hành xả, chúng ta ở đây sẽ không nhiễm thế tục, không cố chấp tư kiến, tánh dễ hành xả", cần phải khởi tâm như vậy."*⁵

- Pháp môn chú tâm cảnh giác, không để cho các bất thiện pháp hay các pháp chướng ngại - tham-sân-si - sanh khởi quấy rầy tâm thức:

"Ở đây, này Mahànàma, vị Thánh đệ tử ban ngày trong khi đi kinh hành và trong khi đang ngồi, gột sạch tâm trí khỏi các chướng ngại pháp, ban đêm trong canh một, trong khi đi kinh hành và trong khi đang ngồi, gột sạch tâm trí khỏi các chướng ngại pháp, ban đêm trong canh giữa, vị này nằm xuống phía hông bên phải, như dáng nằm con sư tử, chân gác trên chân với nhau, chánh niệm tỉnh giác, hướng niệm đến lúc ngồi dậy lại. Ban đêm trong canh cuối, khi đã thức dậy, trong khi đi kinh hành và trong khi đang

*ngồi, gột sạch tâm trí khỏi các chướng ngại pháp"*⁶

- Pháp môn đoạn trừ các khuynh hướng bất thiện của tâm - dục tâm, sân tâm, hại tâm:

*"Chư Tỷ-kheo, rồi Ta sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần. Khi dục tâm khởi lên, Ta tuệ tri: "Dục tâm này khởi lên nơi Ta, và dục tâm này đưa đến tự hại, đưa đến hại người, đưa đến hại cả hai, diệt trí tuệ, dự phần vào phiền não, không đưa đến Niết-bàn". Chư Tỷ-kheo, khi Ta suy tư: "Dục tâm này đưa đến tự hại", dục tâm được biến mất. Chư Tỷ-kheo, khi Ta suy tư: "Dục tâm đưa đến hại người", dục tâm được biến mất. Chư Tỷ-kheo, khi Ta suy tư: "Dục tâm đưa đến hại cả hai", dục tâm được biến mất. Chư Tỷ-kheo, như vậy Ta tiếp tục trừ bỏ, xả ly và đoạn tận dục tâm. Chư Tỷ-kheo, trong khi Ta sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, sân tâm khởi lên... hại tâm khởi lên. Ta tuệ tri: "Hại tâm này khởi lên nơi Ta, và hại tâm này đưa đến tự hại, đưa đến hại người, đưa đến hại cả hai, diệt trí tuệ, dự phần vào phiền não, không đưa đến Niết-bàn". Chư Tỷ-kheo, khi Ta suy tư: "Hại tâm này đưa đến tự hại"... "Hại tâm diệt trí tuệ, dự phần vào phiền não, không đưa đến Niết-bàn", hại tâm biến mất. Chư Tỷ-kheo, như vậy Ta tiếp tục trừ bỏ, xả ly và đoạn tận hại tâm. Chư Tỷ-kheo, Tỷ-kheo suy tư, quán sát nhiều vấn đề gì, thời tâm sanh khuynh hướng đối vấn đề ấy. Chư Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo suy tư, quán sát nhiều về dục tâm, vị ấy từ bỏ ly dục tâm. Khi tâm đã nặng về dục tâm, thời tâm vị ấy có khuynh hướng về dục tâm. Chư Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo suy tư quán sát nhiều về sân tâm... về hại tâm, vị ấy từ bỏ vô hại tâm. Khi tâm đã đặt nặng về hại tâm thời tâm vị ấy có khuynh hướng về hại tâm. Chư Tỷ-kheo, ví như vào cuối tháng mùa mưa, về mùa thu, khi lúa đã trở hạt, một người mục đồng chăn giữ bò, cầm roi đánh các con bò bên này, đánh bên kia, chế ngự chúng, ngăn chặn chúng. Vì sao vậy? Chư Tỷ-kheo, vì người mục đồng thấy do nhân duyên này, đưa đến sự chết, sự tù tội, sự đánh đập hay sự trách móc. Chư Tỷ-kheo, cũng vậy, Ta đã thấy sự nguy hại, sự hạ liệt, sự uế nhiễm của các pháp bất thiện, và thấy sự viễn ly, sự lợi ích, sự thanh tịnh của các thiện pháp"*⁷

- Pháp môn đình chỉ các tư duy bất thiện liên hệ đến tham, sân, si:

"Chư Tỷ-kheo, Tỷ-kheo muốn thực tu tăng thượng tâm cần phải thường thường tác ý năm tướng. Thế nào là năm? Ở đây, Tỷ-kheo y cứ tướng nào, tác ý tướng nào, các ác bất thiện tâm liên hệ đến dục, liên hệ đến sân, liên hệ đến si sanh khởi, thời này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy cần phải tác ý một tướng khác liên hệ đến thiện, không phải tướng kia. Nhờ tác ý một tướng khác liên hệ đến thiện, không phải tướng kia, các ác bất thiện tâm liên hệ đến dục, liên hệ đến sân, liên hệ đến si được trừ diệt, đi đến diệt vong. Chính nhờ diệt trừ chúng, nội tâm được an trú, an tịnh, nhất tâm, định tĩnh. Chư Tỷ-kheo, ví như một người thợ mộc thiện xảo hay đệ tử một người thợ mộc, dùng một cái nêm nhỏ đánh bật ra, đánh tung ra, đánh văng ra một cái nêm khác. Chư Tỷ-kheo, cũng vậy, khi một Tỷ-kheo y cứ một tướng nào, tác ý một tướng nào, các ác bất thiện tâm

liên hệ đến dục, liên hệ đến sân, liên hệ đến si sanh khởi, thời này chư Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy cần phải tác ý một tướng khác liên hệ đến thiện, không phải tướng kia. Nhờ tác ý một tướng khác liên hệ đến thiện, khác với tướng kia, các ác bất thiện tâm liên hệ đến dục, liên hệ đến sân, liên hệ đến si được trừ diệt, đi đến diệt vong. Chính nhờ diệt trừ chúng, nội tâm được an trú, an tịnh, nhất tâm, định tĩnh.

Chư Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo ấy khi tác ý một tướng khác với tướng kia, liên hệ đến thiện, các ác bất thiện tâm liên hệ đến dục, liên hệ đến sân, liên hệ đến si vẫn khởi lên, thời này chư Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy cần phải quán sát các nguy hiểm của những tâm ấy: “Đây là những tâm bất thiện, đây là những tâm có tội, đây là những tâm có khổ báo”. Nhờ quán sát các nguy hiểm của những tâm ấy, các ác bất thiện tâm liên hệ đến dục, liên hệ đến sân, liên hệ đến si được trừ diệt, đi đến diệt vong. Chính nhờ diệt trừ chúng, nội tâm được an trú, an tịnh, nhất tâm, định tĩnh. Chư Tỷ-kheo, ví như một người đàn bà hay người đàn ông trẻ tuổi, trong tuổi thanh xuân, tánh ưa trang sức, nếu một xác rắn, hay xác chó, hay xác người được quàng vào cổ, người ấy phải lo âu, xấu hổ, ghê tởm. Chư Tỷ-kheo, cũng vậy, Tỷ-kheo ấy nhờ quán sát... nội tâm được an trú, an tịnh, nhất tâm, định tĩnh.

Chư Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo ấy trong khi quán sát các nguy hiểm của những tâm ấy, các ác bất thiện tâm liên hệ đến dục, liên hệ đến sân, liên hệ đến si vẫn khởi lên, thời này chư Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy cần phải không ức niệm, không tác ý những tâm ấy. Nhờ không ức niệm, không tác ý các tâm ấy, các ác bất thiện tâm liên hệ đến dục, liên hệ đến sân, liên hệ đến si được trừ diệt, đi đến diệt vong. Chính nhờ diệt trừ chúng, nội tâm được an trú, an tịnh, nhất tâm, định tĩnh. Chư Tỷ-kheo, ví như một người có mắt, không muốn thấy các sắc pháp nằm trong tầm mắt của mình, người ấy nhắm mắt lại hay ngó qua một bên. Chư Tỷ-kheo, cũng vậy, nếu Tỷ-kheo ấy, trong khi không ức niệm, không tác ý... nội tâm được an trú, an tịnh, nhất tâm, định tĩnh.

Chư Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo ấy trong khi không ức niệm, không tác ý các tâm ấy, các ác, bất thiện tâm liên hệ đến dục, liên hệ đến sân, liên hệ đến si vẫn khởi lên. Chư Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo ấy cần phải tác ý đến hành tướng các tâm và sự an trú các tâm ấy. Nhờ tác ý đến hành tướng các tâm và sự an trú các tâm ấy, các ác, bất thiện tâm liên hệ đến dục... nội tâm được an trú, an tịnh, nhất tâm, định tĩnh. Ví như một người đang đi mau, suy nghĩ: “Tại sao ta lại đi mau? Ta hãy đi chậm lại”. Trong khi đi chậm, người ấy suy nghĩ: “Tại sao ta lại đi chậm? Ta hãy dừng lại”. Trong khi dừng lại, người ấy suy nghĩ: “Tại sao ta lại dừng lại? Ta hãy ngồi xuống”. Trong khi ngồi, người ấy suy nghĩ: “Tại sao ta lại ngồi? Ta hãy nằm xuống”. Chư Tỷ-kheo, như vậy người ấy bỏ dần các cử chỉ thô cứng nhất và làm theo các cử chỉ tế nhị nhất. Chư Tỷ-kheo, cũng vậy, nếu Tỷ-kheo ấy tác ý đến... nội tâm được an trú, an tịnh, nhất tâm, định tĩnh.

Chư Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo ấy trong khi tác ý đến hành tướng các tâm và sự an trú các tâm, các ác, bất thiện tâm liên hệ đến dục... liên hệ đến si vẫn khởi lên, thời này chư Tỷ-

kheo, Tỷ-kheo ấy phải nghiêng răng, dán chặt lưỡi lên nóc họng, lấy tâm chế ngự tâm, nhiếp phục tâm, đánh bại tâm. Nhờ nghiêng răng, dán chặt lưỡi lên nóc họng, lấy tâm chế ngự tâm, nhiếp phục tâm, đánh bại tâm, các ác bất thiện tâm liên hệ đến dục... liên hệ đến si được trừ diệt, đi đến diệt vong... nội tâm được an trú, an tịnh, nhất tâm, định tĩnh. Ví như một người lực sĩ nắm lấy đầu một người ốm yếu, hay nắm lấy vai, có thể chế ngự, nhiếp phục, và đánh bại. Chư Tỷ-kheo, cũng vậy, nếu Tỷ-kheo ấy trong khi tác ý hành tướng các tâm và sự an trú các tâm ấy, các ác bất thiện tâm liên hệ đến dục, liên hệ đến sân, liên hệ đến si vẫn khởi lên, thời này chư Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy phải nghiêng răng, dán chặt lưỡi lên nóc họng, lấy tâm chế ngự tâm, nhiếp phục tâm, đánh bại tâm. Nhờ nghiêng răng, dán chặt lưỡi lên nóc họng, lấy tâm chế ngự tâm, nhiếp phục tâm, đánh bại tâm, các ác bất thiện tâm liên hệ đến dục, liên hệ đến sân, liên hệ đến si được trừ diệt, đi đến diệt vong. Chính nhờ trừ diệt chúng, nội tâm được an trú, an tịnh, nhất tâm, định tĩnh”⁸

Nhìn chung, có nhiều cách để tu tâm hay điều phục tâm ý thích ứng với các căn cơ khác nhau của chúng sinh được tìm thấy trong vô số huấn thị căn bản của Đức Phật lưu ở các bộ kinh Nikàya. Tuy nhiên, căn bản của việc tu tâm là phải nhận thức cho thật rõ những gì làm cho tâm vốn trong sáng thanh tịnh trở nên bị cấu uế ô nhiễm, phải thấy rõ dục tâm, sân tâm, hại tâm; dục tư duy, sân tư duy, hại tư duy; hay những khuynh hướng tâm thức liên hệ đến tham, liên hệ đến sân, liên hệ đến si chính là những thứ làm cho tâm cấu uế ô nhiễm. Nhận thức rõ các cấu uế rồi thì bắt đầu ứng dụng các phương pháp mà Đức Phật đã chỉ dạy để tu tập, kiên trì tu tập, khiến cho tâm sanh khởi và vận hành theo hướng chân chánh hiền thiện, không rơi vào đường tà ác; khiến cho tâm được phòng hộ thoát khỏi các bất thiện pháp hay các pháp chướng ngại tham-sân-si; khiến cho tâm được uốn nắn rời xa dục tâm, sân tâm, hại tâm; khiến cho tâm được điều phục thoát khỏi các tư duy liên hệ đến tham, liên hệ đến sân, liên hệ đến si. Đó chính là các biện pháp tu tập được khéo ứng dụng, khiến cho tham dục không có cơ hội xâm nhập tâm hay khiến cho tham-sân-si được khắc phục và loại trừ khỏi tâm thức, làm cho tâm dần dần trở nên trong sáng, thanh tịnh, không uế nhiễm, được thanh thản, an lạc, thoát khỏi mọi phiền muộn khổ đau; giống như ngôi nhà khéo lợp, không bị mưa thấm ướt thì con người sống ở trong đó được an lạc, tự tại, không còn phải chịu cảnh phiền não khổ sở vậy. ■

Chú thích:

1. Kinh Pháp Cú, kệ số 13-14.
2. Kinh Pháp Cú, kệ số 36.
3. Kinh Pháp Cú, kệ số 39.
4. Kinh Điem lành tối thượng, Kinh Tập, Tiểu Bộ.
5. Kinh Đoạn giảm, Trung Bộ.
6. Kinh Hữu học, Trung Bộ.
7. Kinh Song Tâm, Trung Bộ.
8. Kinh An trú tâm hay Định chỉ tư duy, Trung Bộ.

Phật tánh và Thiền tông Việt Nam

NGUYỄN THẾ ĐĂNG

Truyền thống của Thiền tông là:

*Chẳng lập văn tự
Ngoài giáo riêng truyền
Chỉ thẳng tâm người
Thấy tánh thành Phật.*

Thấy tánh ở đây là thấy Phật tánh. Phật tánh mà mỗi chúng ta sanh đều có. Như kinh *Đại Bát Niết-bàn* nói: “Bậc thập trụ có thấy Phật tánh, nhưng chưa được rõ ràng. Thấy hoàn toàn Phật tánh thì thành Phật”.

Cho đến Lục tổ Huệ Năng, chữ “thấy tánh” hầu như là một thành ngữ để chỉ Nền tảng, Con đường và Quả của Thiền tông. Ngay khi ngộ tự tánh, hay thấy tánh, Lục tổ thưa với Ngũ tổ rằng:

*Nào ngờ tự tánh vốn tự thanh tịnh
Nào ngờ tự tánh vốn không sanh diệt
Nào ngờ tự tánh vốn tự viên mãn
Nào ngờ tự tánh vốn chẳng động lay
Nào ngờ tự tánh thường sanh muôn pháp.*

Chúng ta thấy những lời nói về tự tánh này không khác với những câu kinh nói về Phật tánh trong kinh *Đại Bát Niết-bàn*.

Những từ để chỉ Phật tánh thì có nhiều tùy theo thiền sư. Ngài Lục tổ thường gọi là *tự tánh*; ngài Mã Tổ gọi là *tâm* (Tức tâm tức Phật), ngài Lâm Tế gọi là *tâm pháp* hay *người đang nghe, thấy*; ngài Nam Tuyền gọi là *tâm bình thường*, ngài Trần Nhân Tông gọi là *tính sáng*... Một từ các thiền sư hay dùng là *bổn lai diện mục*, khuôn mặt xưa nay của chính mình. Khi được thấy trực chỉ và thấy ra, lãnh ngộ được *bổn lai diện mục* này thì gọi là được truyền tâm ấn, tức là *con mắt pháp thanh tịnh*, pháp nhãn thanh tịnh, mà kinh điển thường nói.

Sơ tổ Tỳ-ni-đa-lưu-chi (? – 594), khi truyền Thiền tông vào nước ta, đã trao truyền Phật tánh này:

*Tâm ấn chư Phật
Trọn không mờ dối
Tròn đồng thái hư
Không thiếu không dư
Không đi không đến
Chẳng một chẳng khác
Chẳng thường chẳng đoạn
Vốn không chỗ sanh
Cũng không chỗ diệt...*

Kinh *Đại Bát Niết-bàn* nói rằng, “Phật tánh không sanh không diệt, không đến không đi, chẳng phải quá khứ đi

lai hiện tại, chẳng phải do tạo tác, chẳng phải tướng chẳng phải không tướng...” (Phẩm Thánh hạnh).

Sơ tổ của phái Thiền thứ hai của Việt Nam là Vô Ngôn Thông (759 – 826), dạy bài kệ cho đệ tử Cảm Thành nói về tâm hay Phật tánh như sau:

*Các nơi đồn đãi
Dối tự rao truyền
Rằng thủy tổ ta
Gốc từ Tây thiên.
Truyền pháp nhãn tạng
Gọi đó là Thiền
Một hoa năm cánh
Hạt giống liền miên.
Ngâm hợp lời mật
Muôn ngàn có duyên
Đều gọi tâm tông
Thanh tịnh bản nhiên.
Tây thiên cõi này
Cõi này Tây thiên
Xưa nay nhật nguyệt
Xưa nay sơn xuyên (núi sông).
Chạm, tô thành trệ
Phật, Tổ thành oan
Sai nói mây may
Mất nó trăm ngàn.
Người khéo quan sát
Chớ lừa cháu con
Dấu có hỏi ta
Ta vốn Vô Ngôn.*

Ở đây, Phật tánh là thực tại “thanh tịnh bản nhiên,” không gì có thể làm nó sạch thêm, không gì có thể làm cho nó dơ đi. Thực tại ấy luôn luôn có mặt tại đây và bây giờ: “Tây thiên cõi này, cõi này Tây thiên, xưa nay nhật nguyệt, xưa nay sơn xuyên.” Nói theo ngôn ngữ Thiền, nó là cái “đương xứ tiện thị, đương niệm tức chân.”

Phẩm *Bồ-tát Quang minh Biến chiếu*, Đức Phật nói: “Thể Niết-bàn (Phật tánh) chẳng phải trước không mà nay có. Nếu thể Niết-bàn trước không mà nay mới có thì chẳng phải là vô lậu. Pháp thường trụ (Phật tánh) thì có Phật xuất hiện ở đời hay không có Phật xuất hiện ở đời, tánh tướng của pháp ấy vẫn thường trụ.”

Đụng chạm đến để sửa sang tô đắp cho nó là sai lầm, vì nó thanh tịnh bản nhiên, không cần con người mó tay vào, dù bằng những kỹ thuật tâm thức cao cấp

nhất. Người ta chỉ việc trực tiếp thấy nó và sống với nó cho đến khi nó chuyển hóa toàn bộ cuộc đời mình, thân ngữ tâm của mình hoàn toàn là Phật tánh.

Điều này tương tự với Dzogchen (Đại toàn thiện), khởi nguồn từ Phật giáo Ấn Độ và vẫn được truyền thừa tới nay trong Phật giáo Tây Tạng. Tổng quát, Đại toàn thiện phân làm Nền tảng, Con đường, và Quả. Về mặt thực hành là Kiến (thấy), Thiền định, Hạnh, và Quả. Kiến là được một vị thầy đích thân khai thị để thấy Nền tảng Phật tánh của mình. Kế đó, Thiền định về cái thấy Phật tánh để nó không còn xa cách, xa lạ mà luôn luôn gần gũi, bình thường. Tiếp theo là Hạnh, nghĩa là thấm nhuần tất cả mọi mặt hoạt động của đời sống chúng ta với Phật tánh. Thiền định và Hạnh là Con đường, để cuối cùng chỉ còn một vị Phật tánh Thường Lạc Ngã Tịnh, sanh tử đã biến mất. Nói theo ngôn ngữ của Duy thức, thức tạo ra sanh tử đã biến mất, đã hoàn toàn chuyển thành Trí. Đây là Quả Phật tánh viên mãn.

Truyền thông Ấn Độ, Trung Hoa và Tây Tạng (và cả kinh Đại Bát Niết-bàn, phẩm Thánh hạnh) đều cho rằng Phật

tánh hay Như Lai tạng là thời chuyển pháp luân thứ ba của Đức Phật, trọn vẹn nhất, toàn thiện nhất, viên mãn nhất.

Sau đây chúng ta lược qua một ít những thiền sư Việt Nam để thấy cũng một Phật tánh Trung đạo Chân Không Diệu Hữu này (*phẩm Bồ-tát Sư tử rống*) được trao truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác tạo thành dòng lịch sử Phật giáo Việt Nam.

Thiền sư Thuần Chân (? – 1101), đời 12 dòng Tỳ-ni-đa-lưu-chi có bài kệ thị tịch:

*Chân tánh thường Không tánh
Nào từng có diệt sanh
Thân là pháp sanh diệt
Pháp tánh chưa từng diệt.*

Thiền sư Chân Không, đời 16 dòng Tỳ-ni-đa-lưu-chi trước khi tịch nói bài kệ:

*Gốc diệu hư không sáng tự phô
Gió hòa khởi dậy khắp Ta-bà
Người người rõ biết: vô vi lạc
Được cái vô vi mới là nhà.*

Thiền sư Y Sơn (? – 1216), đời 19 dòng Tỳ-ni-đa-lưu-chi, dạy học trò: “Các người nên biết, Như Lai thành Chánh đẳng Chánh giác, với tất cả nghĩa không có chỗ nào không thấu triệt, với pháp bình đẳng không có nghi hoặc, không hai không tướng, không đi không dừng, không lượng không hạn, xa lìa hai bên, trụ nơi Trung đạo, vượt khỏi hết thấy văn tự, lời nói. Truyền được thân bằng lượng của tất cả chúng sanh, được thân bằng lượng của tất cả cõi Phật, được thân bằng lượng của tất cả ba cõi, được thân bằng lượng của tất cả chư Phật, được thân bằng lượng của tất cả ngôn ngữ, được thân bằng lượng của chân như, được thân bằng lượng của pháp giới, được thân bằng lượng của hư không giới, được thân bằng lượng của vô ngại giới, được thân bằng lượng của tất cả nguyện, được thân bằng lượng của tất cả hạnh, được thân bằng lượng của tất cả tịch diệt”.

Lại nói kệ rằng:

*Như Lai thành Chánh giác
Tất cả lượng bằng thân
Hồi hỏ chẳng hồi hỏ
Trẻ nhỏ sáng mắt thân.*

Lại nói:

*Chân thân thành muôn tượng
Muôn tượng thành chân thân
Cung trăng tươi quế đỏ
Quế đỏ trắng một vàng.*

Đoạn văn xuôi của Thiền sư Y Sơn ở trên lấy từ kinh Hoa Nghiêm. “Chân thân,” “thân bằng lượng của tất cả” này là Pháp thân Phật tánh, nói theo kinh Đại Bát Niết-bàn thì đó là “thân vô biên,” “thân kim cương vô tận của Như Lai,” là “pháp giới thường trụ,” là “Như Lai với Pháp thân vi mật thường trụ không biến đổi.”

Ở trên là ba thiền sư của phái thiền Tỳ-ni-đa-lưu-chi. Sau đây là các thiền sư dòng Vô Ngôn Thông.

Thiền sư Thiện Hội (? – 900), đời thứ 2 dòng Vô Ngôn



Thông một hôm vào thất Tổ Cẩm Thành hỏi : “Kinh có nói: ‘Đức Thích Ca đã từng tu vô số kiếp mới được thành Phật’. Nay thầy dạy rằng Túc tâm tức Phật, con chưa hiểu, cúi xin thầy một phen khai thị cho”. Thiền sư Cẩm Thành bảo: “Trong kinh là người nào nói?”. Sư thưa: “Đâu chẳng phải là Phật nói sao?”. Thiền sư: “Nếu là Phật nói thì tại sao trong kinh *Văn Thù* lại nói: ‘Ta ở đời 49 năm, chưa từng nói một chữ cho người nào.’ Và lại cổ đức nói: ‘Người tìm văn lấy chứng thì thêm vương mắc.’ Khổ hạnh cầu Phật là mê, lia tâm cầu Phật là ngoại đạo, chấp tâm là Phật bèn là ma”. Sư hỏi: “Như vậy tâm này là cái gì, cái gì chẳng phải Phật? Như vậy tâm này là Phật gì?”. Thiền sư nói: “Xưa có người hỏi Mã Tổ: ‘tâm tức là Phật, cái nào là Phật?’ Mã Tổ nói: ‘ông nghi cái nào chẳng phải Phật chỉ ra xem?’ Người kia không đáp được. Mã Tổ nói: ‘Đạt thì khắp tất cả cảnh, chẳng ngộ mãi trái xa.’ Chỉ một câu thoại đầu này, ông lại hiểu chẳng? Sư ngay đó thưa rằng: “Con hiểu rồi.” Thiền sư hỏi: “Ông hiểu thế nào?” Sư đáp: “Khắp tất cả chỗ không đâu chẳng phải là tâm Phật.” Rồi sụp lạy. Thiền sư bảo: “Cần làm thế nào?”. Nhân đó đặt tên cho Sư là Thiện Hội.

Phật thân, Phật tâm, Phật tánh là những từ để diễn tả cùng một thực tại “khắp tất cả chỗ không đâu chẳng phải là tâm Phật.” Đây là sự nhìn thấy Phật tánh.

Thiền sư Ngô Ấn (1019 – 1088), đời thứ 8 dòng Vô Ngôn Thông nói: “Pháp Vương vô thượng, ở thân là Phật, ở miệng là Pháp, ở tâm là Thiền. Tuy có ba nhưng chỉ là một. Ví như nước ba con sông, tên gọi tuy chẳng đồng nhưng tánh nước không khác”.

Bài kệ thị tịch của ngài :

*Tánh diệu rỗng không chẳng thể vin
Rỗng không tâm ngộ chẳng khéo khó tìm
Ngọc cháy đỉnh non màu thường thắm
Sen nở trong lò mãi vẫn tươi.*

Ngọc cháy trên đỉnh núi màu vẫn thường thắm. Hoa sen nở trong lò lửa mà vẫn mãi tươi. Viên ngọc ấy, hoa sen bất hoại ấy là Phật tánh của mỗi chúng ta.

Thiền sư Thường Chiếu (? – 1203) đời thứ 12 dòng Vô Ngôn Thông có bài kệ về Như Lai tạng (tức Phật tánh):

*Ở đời làm thân người
Tâm là Như Lai tạng
Rạng chiếu khắp muôn phương
Tìm nó lại càng rỗng.*

Bài kệ thị tịch của ngài nói về Phật tánh Trung đạo Chân Không Diệu Hữu, đó cũng là quê nhà đích thực của con người:

*Đạo vốn không nhan sắc
Mỗi ngày mới mẻ khoe
Ngoài đại thiên thế giới
Nơi đâu cũng là nhà.*

Về sau, chúng ta có thêm một phái Thiền nữa là phái Thiền Trúc Lâm do đức vua Thiền sư Trần Nhân Tông (1258 – 1308) sáng lập. Đây là một dòng Thiền mang nhiều tính cách của người Việt Nam.

Bốn thế kỷ sau, Thiền sư Chân Nguyên (1647 – 1726),

người trùng hưng phái Thiền Trúc Lâm, tổng kết toàn bộ lịch sử Thiền tông Việt Nam trong *Thiền tông Bản hạnh*. Trong sách này, ngài nói Phật tánh là đóa hoa sen được truyền từ Phật Thích Ca, và Phật tánh ứng dụng ra toàn bộ hoạt động của đời sống:

*Thử xưa hội cả Kỳ Viên
Bụt cầm một đóa hoa sen gơ bày
Ca-diếp trí huệ cao tay
Liễu ngộ tự tánh bằng nay mỉm cười
Trần trần sát sát Như Lai
Chúng sanh mỗi người mỗi có hoa sen
Hoa là bản tánh trạm viên
Bao hàm thiên địa dưới trên cùng bằng
Hậu học đã biết hay chẳng
Tâm hoa ứng miệng nói năng mọi lời
Thiền liêng ứng khắp mọi nơi
Lục căn vận dụng trong ngoài thân thông...*

Toàn sách *Thiền tông Bản hạnh* nói về việc khai thị ngộ nhập Phật tánh qua cuộc đời các vị Tổ Việt Nam. Ở đây chỉ xin trích một đoạn về Thượng sĩ Tuệ Trung và Trần Nhân Tông:

*Tuệ Trung thượng sĩ chỉ nam
Nhân Tông tác lễ mới tham đạo thầy
Tuệ Trung trở bảo liền tay
Tức tâm thị Phật xưa nay Bụt truyền
Tâm kinh vốn thấy căn nguyên
Tâm là nhất tự pháp môn thượng thừa
Tâm bao bọc hết thái hư
Tâm năng ứng dụng tùy cơ trong ngoài
Tâm hiện con mắt lỗ tai
Hay ăn hay nói mọi tài khôn ngoan
Tâm năng biến hóa chư ban
Vạn pháp cụ túc lại hoàn Như Như...*

Con đường chung của Phật giáo là Giới, Định, Huệ. Trong bối cảnh Phật tánh, giới là tin và sống theo niềm tin xác quyết “chúng sanh mỗi người mỗi có hoa sen”. Giới đó được diễn tả trong *Phạm võng Bồ-tát giới*:

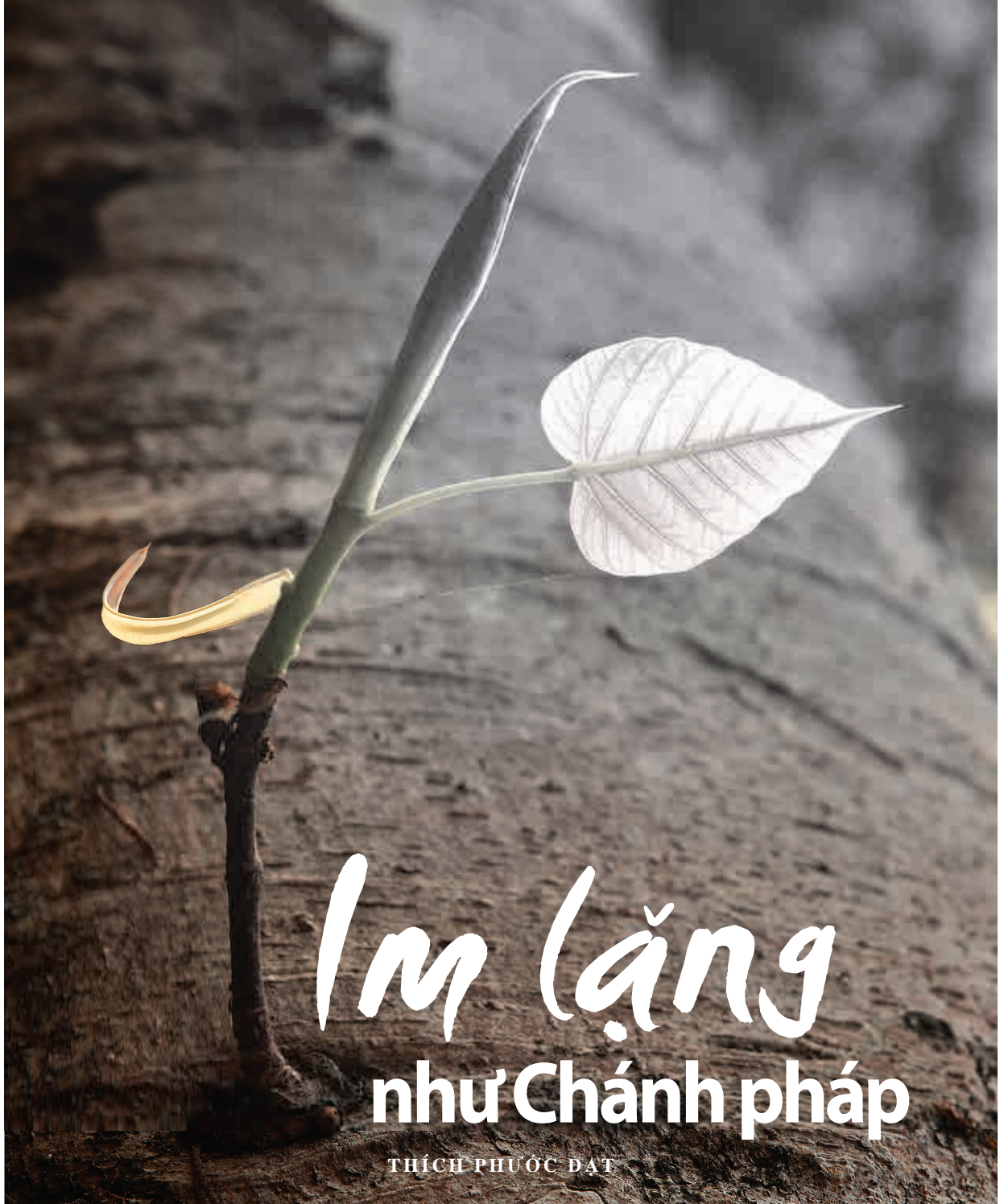
*Đại chúng hãy tin chắc
Mình là Phật sẽ thành
Ta là Phật đã thành
Thường tin được như vậy
Giới phẩm đã trọn vẹn.*

Định là tập trung sâu vào bản tánh của tâm thức để thấy được bản tánh của tâm thức là Phật tánh.

Với giới và định đã đầy đủ thì huệ khai mở, “hoa khai thấy Phật ngộ vô sanh”. *Thiền tông Bản hạnh* nói về sự hoa khai hay thấy Phật tánh như sau:

*Ai ai đạt giả đồng đồ
Mỗi người mỗi có minh châu trong nhà
Mùa xuân vạn thụ khai hoa
Cành cao cành thấp vậy hoà chứng nèn.*

Phật giáo Việt Nam đã có những mùa xuân như vậy. Những mùa sen vẫn nở từ thế kỷ này sang thế kỷ khác, từ thiên niên kỷ này sang thiên niên kỷ khác... ■



Im lặng như Chánh pháp

THÍCH PHƯỚC ĐẠT

Ai cũng biết biết cuộc sống vốn vận động không ngừng. Do đó, Phật dạy con người luôn đối diện các vấn đề khổ đau và cần phải vượt thoát mọi khổ đau. Phật giáo là một tôn giáo chủ trương sống an lạc, hạnh phúc qua việc thực tập đời sống tâm linh, thiết thực hiện tại. Đây là một nếp sống hướng thượng, tìm cầu giải thoát cho mình, và hướng người khác cũng giải thoát như mình. Nếu được như vậy, bạn là người biết tu, biết học, biết hành theo giáo lý của Phật đã giảng dạy, nhằm báo đáp ân đức Tam bảo, thầy tổ, cha mẹ, quê hương xứ sở trong muôn một.

Có thể nói, một trong những đặc sắc của phong cách giảng thuyết của Phật là tránh thảo luận những vấn đề

có tính chất siêu nghiệm và siêu hình, những vấn đề mà Phật cho là không thiết thực, hay dẫn tới tranh luận bần cãi không đi vào sự thực nghiệm giải thoát khổ đau. Đó là các vấn đề thường đưa đến cạnh tranh, khẩu tranh, hý luận. Trước các vấn đề đó, Đức Phật thường trả lời bằng thái độ im lặng. Ngài bảo đó là *Sự im lặng trong Chánh pháp*. Có thể tóm tắt các vấn đề đó như sau:

1. Thế giới là: a) vĩnh hằng; b) hay không vĩnh hằng; c) hay vừa vĩnh hằng vừa không vĩnh hằng; d) hay vừa không vĩnh hằng vừa không phải là không vĩnh hằng?

2. Thế giới là: a) hữu hạn; b) hay vô hạn; c) hay vừa hữu hạn vừa vô hạn; d) hay vừa không hữu hạn vừa không phải là không hữu hạn?

3. Các bậc Thánh đã giải thoát, sau khi chết có: a) tồn tại; b) hay không tồn tại; c) hay vừa tồn tại vừa không tồn tại; d) hay vừa không tồn tại cũng không phải là không tồn tại?

4. Tâm và thân là: a) một; b) hay là khác; c) hay vừa là một, vừa là khác; d) hay vừa không phải là một cũng không phải là khác?

Đối với bốn loại vấn đề trên, mặc dù tầm quan trọng lớn lao của chúng về mặt triết học và tôn giáo, nhưng Đức Phật trước sau vẫn tránh không trả lời.

Kinh *Trung A Hàm* ghi lại câu chuyện giữa du sĩ ngoại đạo Vacchagota và Đức Phật như sau:

Vacchagota hỏi: “Ngài có chủ trương thế giới là vĩnh hằng và cho rằng kiến giải đó là chính xác; còn lại, mọi kiến giải khác đều là sai lầm không?”

Đức Phật trả lời: “Không! Ta không thừa nhận thế giới là vĩnh hằng, và cũng không nói kiến giải đó là chính xác; còn lại, mọi kiến giải khác đều sai lầm”.

Vacchagota: “Vậy phải chăng Ngài chủ trương thế giới là không vĩnh hằng... thế giới là hữu hạn... là vô hạn... Tâm và thân là một hay là khác... Bậc Thánh sau khi chết có tồn tại hay không tồn tại...?”

Vacchagota lần lượt nêu ra 16 vấn đề, nhưng Đức Phật đều phủ nhận và không tán thành chủ thuyết nào. Như vậy có nghĩa là Phật không chấp nhận bất cứ một chủ thuyết nào trong 16 vấn đề được nêu ra.

Vacchagota lại hỏi: “Vi sao Ngài lại không có một chủ thuyết nào hết? Ngài thấy có cái gì không đúng, khiến Ngài phủ nhận tất cả như vậy?”

Đức Phật nói: “Này Vacchagota! Tất cả vấn đề như thế giới là vĩnh hằng hay không vĩnh hằng, hữu hạn hay vô hạn, bậc Thánh sau khi chết còn tồn tại hay không tồn tại, thân và tâm là một hay là hai... đều là hý luận (nói mà chơi), không có giá trị và ý nghĩa gì hết, đều chỉ là mê hồn trận làm mê hoặc con người ta mà thôi. Bàn các vấn đề đó cũng như là trò múa rối, như là rừng rậm không có lối vào lối ra, như là sa mạc hoang vu; chúng là xiềng xích trói buộc, mê hoặc, làm sợ hãi, gây lo âu buồn khổ cho con người; chúng không làm cho con người được bình thản và có tri thức, không đưa con người tới nơi an tịnh, trí tuệ và giải thoát, hoàn toàn không có ích gì đối với sự tu hành đạo đức trong sạch và đoạn trừ phiền não”.

Lời nói trên đây của Đức Phật là một sự đánh giá đối với tất cả mọi chủ thuyết triết học, đề cập tới 16 vấn đề, ngày Phật còn tại thế, vốn được bàn cãi sôi nổi trong giới triết học và tôn giáo của Ấn Độ.

Vacchagota lại hỏi: “Ngài đã bác bỏ tất cả mọi chủ thuyết trên, vậy thì Ngài có chủ thuyết triết học gì của Ngài?”

Đức Phật trả lời: “Như Lai không còn bị trói buộc bởi bất cứ một chủ thuyết nào hết, Như Lai đã siêu việt và giải thoát ra khỏi mọi hý luận và triết thuyết...”

Vacchagota lại hỏi: “Bậc Thánh sau khi chết thì tái sinh ở đâu?”

Đức Phật nói: “Câu hỏi của nhà người đặt không đúng.

Một bếp lửa bị giập tắt, vì củi cháy hết hay là vì người ta đem củi đi. Không thể hỏi lửa tắt rồi đi về phương Nam, phương Bắc, phương Đông hay phương Tây. Bậc Thánh ngộ đạo cũng vậy, sau khi viên tịch thì cả thân tâm đều vắng lặng, không còn tái sinh, xa lìa mọi hý luận có và không. Hỏi bậc Thánh tồn tại hay không tồn tại, có tái sinh hay không tái sinh đều không thích đáng”.

Phần lớn các vấn đề triết học cũng là như vậy, đều là huyền tướng vô nghĩa, không có lợi ích mà cũng không đem lại kết quả gì. Một mặt khác, đọc bất cứ một cuốn lịch sử triết học nào, chúng ta cũng thấy là các vấn đề triết học nêu ra trên đây, cho đến ngày nay vẫn chưa có giải đáp nào thích đáng, chỉ toàn là giả thuyết và giả thuyết.

Không phải chỉ những nhà ngoại đạo mới nêu ra các vấn đề trên hỏi Phật, mà ngay trong Tăng chúng, cũng có người sanh nghi mà hỏi Phật. Kinh *Trung A Hàm* kể lại cuộc đàm thoại sau đây giữa Đức Phật và Tôn giả Mạn đồng tử (Maly Kupunta):

“Một lần, Tôn giả Mạn đồng tử đang ngồi thiền ở nơi vắng lặng, bỗng có ý nghĩ: ‘Có những vấn đề như sau, Thế Tôn gác ra một bên không giải đáp: Thế giới là vĩnh hằng hay không vĩnh hằng, hữu hạn hay vô hạn, bậc Thánh sau khi chết còn tồn tại hay không tồn tại, thân tâm là một hay là hai v.v...’ Tôi sẽ đến Thế Tôn và hỏi Ngài. Nếu Thế Tôn giải thích cho tôi những vấn đề đó thì tôi sẽ tiếp tục ở lại tu Phạm hạnh, bằng không, tôi sẽ bỏ tu Phạm hạnh, trở về nhà làm cư sĩ”.

Tôn giả Mạn đồng tử bèn đến chỗ Phật ở vào một buổi xế chiều và hỏi Phật:

“Bạch Thế Tôn! Con đang ngồi tập thiền định thì bỗng nhiên có ý nghĩ: ‘Có những vấn đề bức xúc mà Thế Tôn nói chung không chịu thảo luận, gác ra một bên hay là bác bỏ, như là vấn đề thế giới là vĩnh hằng hay không vĩnh hằng, hữu hạn hay vô hạn...’ Những vấn đề đó, vì Thế Tôn chưa giảng giải cho con cho nên con không vui, và đối với con cũng không thích đáng. Nếu Thế Tôn biết thì xin hãy giảng giải cho con. Còn nếu Thế Tôn không biết thì xin hãy trả lời như một người trung thực: ‘Ta không biết, Ta không có kiến giải’”.

Đức Phật trả lời: “Này Mạn đồng tử! Nhà người hãy nhớ lại xem! Ta có bao giờ nói với người, ‘hãy lại đây học đạo với Ta, và Ta sẽ giải đáp cho người các vấn đề như thế giới là vĩnh hằng hay không vĩnh hằng, hữu hạn hay vô hạn, thân và tâm là một hay là khác nhau, bậc Thánh sau khi chết còn tồn tại hay không tồn tại...’”

Mạn đồng tử sau khi suy nghĩ chốc lát bèn trả lời: “Đúng là không có, bạch Thế Tôn! Ngài chưa từng nói như vậy”.

Đức Phật nói: “Vậy thì Mạn đồng tử! Nhà người đã có hay không nói với Ta, ‘bạch Thế Tôn, tôi lại học đạo với Ngài, Ngài phải giảng giải cho tôi những vấn đề đó: Thế giới là vĩnh hằng hay không vĩnh hằng, hữu hạn hay không vô hạn...’”

Mạn đồng tử thưa: “Cũng không, bạch Thế Tôn! Con chưa từng yêu cầu Thế Tôn như vậy”.

Đức Phật nói: “Thế là tốt! Hai người chúng ta không có hiểu như vậy. Ta chưa từng hứa với nhà người là sẽ giải đáp các vấn đề đó. Vậy thì nhà người tuyên bố không bằng lòng với ai, và phiền trách ai?”

“Này Mạn đồng tử! Cũng như một người bị mũi tên độc bắn phải. Bạn bè thân thuộc mời thầy thuốc lại. Nhưng người bệnh lại nói: ‘Ta không chịu cho nhổ mũi tên này ra, chừng nào mà ta chưa biết được người bắn ta thuộc đẳng cấp nào, đẳng cấp Sát-đế-ly hay đẳng cấp Bà-la-môn, đẳng cấp nông dân hay đẳng cấp hạ tiện.’ Hay là anh ta hỏi: ‘Ta phải điều tra cho ra người bắn ta cao hay thấp, da đen hay da trắng, cái cung bắn ta là loại cung nào, cung dây hay cung nỏ, cái tên làm bằng chất liệu gì? Lông ở đuôi mũi tên là lông chim gì...?’”

“Này Mạn đồng tử! Người đó sẽ chết trước khi điều tra ra được mọi điều nó thắc mắc, nghi ngờ. Tình hình cũng giống như vậy, khi có người nói: ‘Tôi sẽ không tu hành dưới sự lãnh đạo của Thế Tôn, trừ phi Thế Tôn giảng giải cho tôi thế giới là vĩnh hằng hay không vĩnh hằng, hữu hạn hay vô hạn, bậc Thánh sau khi chết tồn tại hay không tồn tại...’ Anh ta sẽ chết trước khi Thế Tôn giảng giải cho anh ta hiểu hết mọi vấn đề anh ta nêu ra. Tu tập nếp sống thanh tịnh, không cần dựa vào giáo điều thế giới là vĩnh hằng hay không vĩnh hằng, hữu hạn hay vô hạn. Trên thế gian, dù có lưu hành giáo điều thế giới là vĩnh hằng hay không vĩnh hằng, thì thế giới này vẫn bị sinh, già, bệnh, chết và sầu bi khổ não. Điều mà Ta muốn giảng dạy là làm thế nào, trên thế gian này loại trừ được sanh, già, bệnh, chết, sầu bi khổ não. Này Mạn đồng tử! Vì sao Ta lại không giải thích những vấn đề đó; là vì chúng vô ích, không quan hệ gì tới đời sống tôn giáo, cũng không dẫn tới nhàm chán, không dục vọng, ngăn ngừa, an tịnh, thần thông, trí tuệ vô thượng và giải thoát Niết-bàn. Vì tất cả những lẽ đó cho nên Ta không giải thích”.

Từ câu trả lời của Đức Phật, có thể rút ra những điểm kết luận như sau:

1. Đức Phật không né tránh vấn đề, nhưng Ngài tuyên bố khẳng định là đời sống con người quá ngắn, trí tuệ con người quá hạn chế, cho nên sẽ chết trước khi có đáp án đối với các vấn đề được nêu ra. Vì vậy, Đức Phật nói con người không thể có đáp án đối với các vấn đề đó. Những vấn đề đó từ trước tới nay đã từng có hàng vạn người nghiên cứu, trong hàng mấy ngàn năm cho đến tận ngày nay, nhưng vẫn chưa tìm ra được một đáp án nào thỏa đáng. Cho nên, nhận định của Đức Phật cách đây hơn 2.600 năm vẫn chính xác: Tức là không nên để mất thì giờ vào các vấn đề siêu nghiệm và siêu hình như thế.

2. Theo quan điểm của Đức Phật thì những vấn đề đó không những nhân loại không thể giải quyết, mà cũng không nên tìm cách giải quyết, bởi vì sẽ làm mất thì giờ vô ích và uống công, hơn nữa lại có thể khiến người khác hiểu lầm. Như nói bậc Thánh giác ngộ sau khi chết, sẽ vẫn tồn tại thì sẽ khiến cho người không hiểu sẽ chấp thường, mà nếu nói bậc Thánh không

tồn tại thì sẽ khiến anh ta chấp đoạn. Mà thực thế, tình hình của bậc Thánh đó là siêu việt ngôn ngữ và tư duy của kẻ phàm tục mà thôi: Chấp thường hay chấp đoạn đối với các bậc Thánh nhập Niết-bàn đều là sai cả.

3. Ngoài hai ý nghĩa trên đây, còn có những ý kiến cho rằng sự im lặng của Đức Phật có thể được đánh giá theo ba cách khác nhau:

Quan điểm thứ nhất xem Phật như một nhà bất khả tri luận (agnostic), chủ trương chân lý tuyệt đối là không thể biết được. Đó là một thái độ tuyệt đối thất vọng đối với chân lý! Một thái độ hoài nghi và bi quan! Nhưng thái độ của Đức Phật đối với nhân sinh và tôn giáo là một thái độ tích cực, trong nhiều vấn đề, thật sự có một đáp án khẳng định. Thí dụ, Phật khẳng định lý nhân quả, nghiệp báo, khẳng định các nguyên tắc đạo đức, khẳng định có cảnh giới Niết-bàn, giải thoát và chỉ ra con đường cụ thể dẫn tới cảnh giới đó. Vì vậy, Phật không thể là một nhà bất khả tri luận. Phật giữ thái độ im lặng là để nói rằng, tìm hiểu loại vấn đề đó bằng tư duy, vọng tưởng thì chỉ có mất công và phí thì giờ mà thôi. Hơn nữa, vị sáng lập ra một tôn giáo phải hướng dẫn tín đồ của mình bằng một giáo lý tích cực và chánh diệu, thì mới có thể hướng dẫn họ vào thực nghiệm tôn giáo được, do đó, một nhà sáng lập tôn giáo không thể là một nhà bất khả tri luận.

Quan điểm thứ hai cho rằng Phật là một nhà đoạn diệt luận (annihilationist), như Oldenburg nói “Niết-bàn là hủy diệt (Nirvana is annihilation)”. Thiết nghĩ, nếu nói Niết-bàn là sự hủy diệt thì tự sát là chứng Niết-bàn, cần gì mà phải gian khổ tu học giới, định, tuệ để làm gì? Trong kinh Phật có nhiều đoạn mô tả Niết-bàn như là một cái gì tích cực và khẳng định như, là vô tử, vô diệt, vô suy, vô nhiễm, vô cấu, cực lạc v.v... Đức Phật đối với Niết-bàn, tức chân lý tuyệt đối, luôn luôn có thái độ khẳng định, chứ không phải hoài nghi. Phật chỉ cần dạy không được lấy vọng tưởng để mà đánh giá Niết-bàn.

Quan niệm thứ ba, cho rằng Đức Phật là một nhà thực dụng chủ quan (pragmatist). Đó là một nhận định rất đúng đắn. Đức Phật luôn luôn cảnh cáo rằng, huyền tưởng không thể giúp con người đoạn diệt phiền não và thống khổ, dẫn tới hòa bình và giải thoát. Điều mà Đức Phật quan tâm, chính là đoạn trừ phiền não và thành tựu giải thoát. Với mục đích ấy, tất cả mọi huyền tưởng hay tư biện triết học đều nên loại bỏ, vì không mang lại kết quả và không có tác dụng đoạn trừ phiền não. Vì lẽ đó, thái độ im lặng của Đức Phật có ý nghĩa rất quan trọng; thái độ đó thể hiện một phán đoán sáng suốt và siêu việt, sâu sắc, thâm thúy. Đó là thái độ tôn trọng thực tiễn, thực chứng, không phải tôn trọng ngữ ngôn văn tự, tư duy, phân biệt, càng không coi trọng hý luận, tư biện thường dẫn người ta đến lãng quên công phu tu hành thực tiễn và nếp sống đạo đức hướng thượng.

Đó là toàn bộ giá trị sự im lặng như Chánh pháp mà Đức Phật muốn chúng ta thực thi hành trì nếp sống hướng nội giải thoát. ■

Âm thanh của một bàn tay

Cuộc đời, giáo lý và nghệ thuật của Thiền sư Bạch Ẩn

BARBARA ÓBRIEN
TRẦN KHIẾT BÁCH dịch

Trong những năm gần đây, các nhà sử học mỹ thuật đã rất quan tâm đến Bạch Ẩn Huệ Hạc (Hakuin Ekaku, 1686-1769). Ngày nay, những bức tranh vẽ bằng bút lông và nghệ thuật thư họa của vị thiền sư lỗi lạc này được đánh giá cao về sự tươi tắn và sức lay động của chúng. Nhưng ngay cả không nói đến nghệ thuật hội họa thì tác động của Bạch Ẩn đến Thiền tông Nhật Bản cũng là không thể tính đếm được. Ngài đã cải cách phái Thiền Lâm Tế. Những sáng tác bằng văn bản của ngài thuộc về những tác phẩm văn chương truyền cảm nhất trong nền văn học Nhật Bản. Ngài là người nêu ra công án thiền nổi tiếng, “*Âm thanh của một bàn tay là gì?*”.

Con quỷ sống trong hang

Khi lên tám tuổi, Bạch Ẩn được nghe một bài pháp đầy sự đe dọa về những nỗi thống khổ ở địa ngục. Cậu bé hoảng hốt trở nên bị ám ảnh bởi địa ngục và cách tránh được nỗi khổ địa ngục. Vào tuổi 13, Bạch Ẩn quyết định trở thành một tu sĩ. Mới 15 tuổi, ngài được truyền giới bởi một vị Tăng thuộc dòng Thiền Lâm Tế.

Với tư cách một tu sĩ trẻ, ngài trở thành một hành giả du phương đi từ chùa này đến chùa khác để được tham học với nhiều vị thầy khác nhau. Năm 1707, ngài trở về Tùng Âm tự, ngôi chùa gần núi Phú Sĩ nơi ngài xuống tóc.

Mùa đông năm ấy, đỉnh Phú Sĩ phun lửa mạnh mẽ và các cơn địa chấn vùi lấp Tiếp Dẫn tự với những tảng đá lớn. Các vị Tăng khác vội vã rời chùa, riêng một mình Bạch Ẩn tiếp tục ở lại thiền đường ngồi thiền. Ngài tự nhủ là nếu mình đạt được sự giác ngộ thì chư Phật sẽ bảo vệ ngài. Bạch Ẩn đã ngồi hàng giờ, hoàn toàn chú tâm vào thiền định trong lúc thiền đường rung lên chung quanh ngài.

Năm sau, ngài du hành ngược lên phía Bắc, đến một ngôi chùa khác là Anh Nham tự (Eigan-ji) ở tỉnh Echigo. Trong vòng hai tuần lễ liên tục, ngài tọa thiền suốt đêm. Thế rồi một buổi sáng, ngay vào lúc bình minh, ngài nghe một tiếng chuông chùa vắng lại. Bạch Ẩn cảm thấy âm thanh mơ hồ ấy chấn động khắp người như một tiếng sét khiến ngài trải nghiệm được một sự chứng ngộ.

Theo chính lời Bạch Ẩn kể lại, sự chứng ngộ ấy làm tràn ngập trong lòng ngài một niềm tự hào. Ngài biết chắc rằng suốt ba trăm năm qua, chưa một ai trải nghiệm được sự chứng ngộ như vậy. Ngài tìm đến một vị giáo thọ được kính trọng thuộc dòng Lâm Tế là Thiền sư Chánh Thọ Lậu Tận (Shoju Rojin) để trình với vị này điều mình vừa chứng nghiệm.

Nhưng ngài Chánh Thọ nhìn thấy sự kiêu mạn của Bạch Ẩn và đã không ấn chứng điều chứng nghiệm của Bạch Ẩn, thay vào đó, lại buộc Bạch Ẩn phải tiếp

tục chịu những cuộc huấn luyện khắc nghiệt nhất, suốt thời gian đó cứ gọi Bạch Ẩn là “con quỷ sống trong hang”. Lần lần, nhận thức của Bạch Ẩn chín muồi đến một sự chứng ngộ sâu sắc sỡ.

Bạch Ẩn, vị trụ trì

Bạch Ẩn trở thành người trụ trì Tòng Âm tự vào năm ngài được 33 tuổi. Ngôi chùa cổ lúc ấy đã bị bỏ hoang, đang trong tình trạng đổ nát; đồ tự khí nếu không bị mất cắp thì cũng đã đem đi cầm cố. Ban đầu, ngài sống ở đây một mình; lần lần các tu sĩ và cư sĩ tìm đến để được nghe ngài giáo huấn. Ngài cũng giảng dạy cho những người trẻ tuổi ở địa phương về nghệ thuật thư họa.

Chính là tại Tòng Âm tự mà ngài, bấy giờ đã 42 tuổi, chứng nghiệm sự giác ngộ tối hậu của mình. Theo chính lời ngài thuật lại thì trong lúc đang tụng kinh *Pháp Hoa*, ngài đã nghe một tiếng đé gáy trong vườn. Bất thình lình, tất cả những ngờ vực còn sót lại của ngài chợt sáng tỏ khiến ngài bật khóc.

Về cuối đời, ngài trở thành trụ trì chùa Long Trạch (Ryutaku-ji), ngày nay là một tu viện được ngưỡng mộ ở tỉnh Shizukoa.

Bạch Ẩn, bậc giáo thọ

Dòng Thiền Lâm Tế ở Nhật Bản đã chịu sự suy đồi ở thế kỷ 14, nhưng đã được Bạch Ẩn làm sống lại. Ngài đã gây ảnh hưởng sâu rộng đến tất cả những vị thiền sư Lâm Tế sau ngài đến nỗi dòng Thiền Lâm Tế Nhật Bản ngày nay có thể được gọi là dòng Thiền Bạch Ẩn. Như các vị thiền sư tiền bối, ngài nhấn mạnh đến việc tọa thiền là hoạt động thực hành quan trọng nhất. Ngài dạy rằng ba việc thiết yếu cho việc tọa thiền là thâm tín, đại nghi và đại ngộ. Ngài đã hệ thống hóa việc tham quán các công án thiền, sắp xếp những “tắc” công án truyền thống theo một thứ tự từ dễ đến khó.

Một bàn tay

Bạch Ẩn khai tâm cho một tân thiền sinh, bảo vị này quán một công án mà chính ngài sáng tác, “*Âm thanh (hay tiếng nói) của một bàn tay là gì?*”. Thường được diễn giải sai lạc là *tiếng vỗ của một bàn tay*, “một bàn tay” của Bạch Ẩn có lẽ là công án thiền nổi tiếng nhất, ngay cả những người chẳng có một ý niệm gì về thiền hay về công án cũng có thể đã từng nghe nói đến. Ngài đã viết về một bàn tay và Bồ-tát Quán Âm. “Quán Âm có nghĩa là quán sát một âm thanh. Đó là âm thanh của một bàn tay. Nếu hiểu được điều đó, ta sẽ giác ngộ. Khi mắt ta có thể nghe, toàn thể thế giới là Quán Âm”.

Ngài cũng nói, “Khi ta tự nghe tiếng nói của Một Bàn Tay, bất kỳ điều gì ta đang làm, cho dù đó là đang thưởng thức một chén cháo hay một ngụm trà, tất cả những điều đó được ta thực hiện trong trạng thái định

của cuộc sống với một người có Phật tính.

Bạch Ẩn, nhà nghệ sĩ

Với Bạch Ẩn, nghệ thuật là một phương tiện để giảng pháp. Theo một vị học giả chuyên về Bạch Ẩn, Giáo sư Katsuhiko Yoshizawa tại Hoa Viên Đại học đường (Hanazono University) thuộc Viện Đại học Kyoto, Nhật Bản, thì có lẽ ngài đã sáng tác cả hàng chục ngàn tác phẩm hội họa và thư họa trong suốt cuộc đời. Giáo sư Yoshizawa nói, “*Trong vai trò một nghệ sĩ, mối quan tâm chủ yếu của Bạch Ẩn vẫn luôn luôn là biểu thị cái Tâm và giáo pháp*”. Nhưng tâm và pháp là điều vượt ngoài cõi giới của hình thể và diện mạo. Làm sao ta có thể biểu thị chúng một cách trực tiếp?

Bạch Ẩn sử dụng mực và sơn theo nhiều phương cách để thể hiện vạn pháp trong cuộc đời, nhưng tác phẩm của ngài tất cả đều nổi bật vì tính tươi mới và tự do. Ngài phá vỡ mọi quy ước của thời đại để phát triển phong cách riêng của mình. Những nét cọ mạnh mẽ và thanh thoát, như được minh họa bởi nhiều bức chân dung của Tổ Bồ-đề-đạt-ma do ngài vẽ, đã tới được chỗ biểu thị cho ý niệm đại chúng của nghệ thuật thiền. Ngài vẽ những con người bình thường – những người lính, những nàng kỹ nữ thượng lưu, những nông dân, những kẻ ăn xin, những nhà sư. Ngài đã biến những vật dụng tầm thường như cái môi để múc hay những chiếc cửa tay thành những chủ đề của họa phẩm. Lạc khoản đi theo với những bức tranh của ngài đôi khi được lấy từ những lời hát và những câu ca dao bình dân, kể cả những câu khẩu hiệu quảng cáo, chứ không chỉ trong văn học thiền. Điều đó cũng là một sự vượt ra khỏi truyền thống của nghệ thuật thiền trong thời đại ấy.

Giáo sư Yoshizawa chỉ ra rằng Bạch Ẩn đã vẽ dải băng xoắn một chiều Mobius cả thế kỷ trước khi cái hình thái dải băng xoắn một chiều ấy được cho rằng do August Mobius¹ phát hiện. Ngài cũng đã vẽ những bức tranh lồng trong những bức tranh, ở đó chủ đề trong bức tranh của ngài liên quan đến một bức tranh hay một bức thủ quyển khác. Giáo sư Yoshizawa cho rằng, “*Thực sự, Bạch Ẩn đã sáng tác với những phong cách biểu thị tương tự như những phong cách được phát minh vào hai thế kỷ sau bởi các họa sĩ như Rene Magritte² và Maurits Escher³*”.

Bạch Ẩn, một tác gia

“*Từ đại dương của sự không nỗ lực, hãy khiến lòng từ vô nhân của người tỏa sáng*” - Thơ Bạch Ẩn.

Bạch Ẩn viết thư, làm thơ, soạn ca khúc, viết tiểu luận và soạn những bài pháp thoại, chỉ một số rất ít những tác phẩm của ngài đã được dịch ra tiếng Anh. Trong số những tác phẩm đó, có lẽ nổi tiếng nhất là *Bài ca Tọa Thiền* hay còn được dịch là *Đề Ca Ngợi việc Tọa Thiền*. Dưới đây chỉ là một phần của “bài ca” ấy, theo bản dịch tiếng Anh của Norman Waddell⁴:

Không vương váu và tự do là bầu trời của Định
 Sáng rực là ánh trăng tròn của Tuệ Giác.
 Thật vậy, có gì đang bỏ lỡ không?
 Niết-bàn ở ngay đây, trước mắt chúng ta.
 Chính nơi này là Liên [hoa] địa
 Chính thân này, Phật [thân].

Vài giai thoại về Bạch Ẩn

Thế à?

Một cô gái chưa chồng sống gần ngôi chùa của Bạch Ẩn được phát hiện là đang mang thai. Cha mẹ của cô gái giận dữ đòi hỏi cô gái cho biết bố của đứa bé trong bụng là ai. Vì muốn bảo vệ người yêu của mình, cô gái tố giác Bạch Ẩn – lúc ấy đã là một ông sư già – dụ dỗ mình. Khi đứa trẻ ra đời, cha mẹ cô gái đổi mặt với Bạch Ẩn. Họ đòi hỏi ngài phải nuôi đứa trẻ vì ngài là bố nó. Bạch Ẩn chỉ nói, “Thế à?”. Tuy vậy, ngài vẫn nuôi đứa bé vài tháng. Thế rồi sau đó cô gái lầm lỡ ấy lại thú nhận với cha mẹ mình rằng bố đứa trẻ là một anh trai làng. Cha mẹ của cô gái lại đến chùa gặp Bạch Ẩn xin đứa bé về. Bạch Ẩn giao đứa bé cho họ và chỉ nói, “Thế à?”.

Cánh cửa địa ngục

Nobushige là một đại hiệp sĩ đến tìm Bạch Ẩn và hỏi, “Thực sự có thiên đàng và địa ngục không?”. Bạch Ẩn hỏi, “Anh là ai?”, Nobushige trả lời, “Tôi là một hiệp sĩ”. Bạch Ẩn cười nhạo, “Anh ấy à? Anh phục vụ cho vị tướng quân nào? Trông anh cứ như một thằng ăn mày”. Anh chàng Nobushige bắt đầu rút kiếm ra, ngay lúc ấy Bạch Ẩn nói, “Này, cửa địa ngục đang mở ra đấy”. Nobushige hiểu được vấn đề, cầm gươm vào vỏ, cúi xuống lạy. “Bây giờ thì đang mở ra của thiên đàng”, Bạch Ẩn nói. ■

Chú thích:

1. August Ferdinand Möbius (1790–1868) nhà toán học và lý thuyết thiên văn người Đức, nổi tiếng với việc phát hiện dải Mobius, một mặt phẳng hai chiều không thể định hướng với chỉ một mặt khi được nhúng vào không gian Euclide ba chiều.

2. Rene Magritte (1898-1967), họa sĩ siêu thực người Bỉ, nổi tiếng với những hình ảnh tinh tế và gợi suy nghĩ; chuyên thể hiện những hình ảnh đồ họa và những dụng cụ trong đời sống thường ngày, đem lại cho chúng những ý nghĩa mới.

3. Maurits Escher (1898-1972), họa sĩ đồ họa người Hà Lan, nổi tiếng với các loại tranh khắc gỗ, tranh in thạch bản và tranh in khắc trên bề mặt kim loại có tính cách khơi gợi cảm hứng toán học. Chúng thể hiện những công trình xây dựng không thể thực hiện, việc thăm dò chiều vô tận, các công trình kiến trúc và thiết kế những hình trang trí trên mặt phẳng hai chiều sử dụng sự lặp lại các đường nét kỳ lạ không chồng lấp và không có khoảng cách.

4. Norman Waddell là giáo sư về Nghiên cứu Quốc tế tại Đại học đường Otani, Viện Đại học Kyoto, Nhật Bản; dịch thuật nhiều tác phẩm của Bạch Ẩn.



Đời nét

Phật giáo và khoa học

HỮU TÂM BÙI HỮU DƯỢC

Phật giáo xuất hiện cách nay đã trên 2.550 năm. Do tên gọi là Phật giáo mà từ xưa tới nay nhiều người chỉ đi sâu tìm hiểu trào lưu tư tưởng này dưới góc độ tôn giáo; bởi nó có đủ năm yếu tố của một tôn giáo: Giáo chủ, giáo lý, giáo luật, giáo lễ và giáo hội. *Giáo chủ* của đạo Phật nhân vật lịch sử có thật, là Thái tử Tất-đạt-đa con vua Tịnh Phạn nước Ca-tỳ-la-vệ. Trước những trắc ẩn của cuộc sống, Ông đã từ bỏ hoàng cung đến với những nhà tu hành của tôn giáo, đi tìm lời giải đáp và sự giải thoát khỏi sinh, già, bệnh, chết. Sau sáu năm khổ luyện với nhiều vị thầy thuộc nhiều tôn giáo dù đạt tới những kết quả tu học nhất định nhưng Ông thất vọng vì sự bế tắc của các tôn giáo ấy, Ông quyết định con đường riêng của mình và trong tự lực tham thiền nhập định, Ông đã thấy biết được những gì các tôn giáo khác không thể đạt được. Sự chứng đắc ấy được gọi là Giác ngộ, là Phật. Sau khi giác ngộ, Đức Phật đã mang sự hiểu biết và đạo đức của mình giáo hóa cho con người trong thời gian bốn mươi chín năm. Những lời Đức Phật dạy được ghi chép lại và còn đến ngày nay gọi là *Giáo lý*. Những chuẩn mực Đức Phật quy định để cho người tin theo Phật phải thực hiện, giữ gìn nhằm bảo vệ sự tôn nghiêm và duy trì sinh hoạt chung cũng như tạo nên nếp tự giác cho cá nhân trên con đường tu học gọi là *Giáo*

luật. Những người cùng tu theo đạo Phật cùng thực hiện những nghi lễ, thể hiện nét riêng biệt của Phật giáo so với các tôn giáo khác gọi là *Giáo lễ*. Và khi đã có nhiều người cùng tin theo, tạo thành một cộng đồng rộng lớn, có tổ chức đó là *Giáo hội*.

Trong vai trò của một tôn giáo, Phật giáo đã có ảnh hưởng sâu rộng đối với xã hội, Phật giáo đã giúp cho các cá nhân con người tự điều chỉnh mình thông qua việc nâng cao nhận thức, điều chỉnh thân-khẩu-ý, điều chỉnh tinh thần để vững vàng trước những biến động của xã hội và cuộc sống. Trong suốt quá trình tồn tại, Phật giáo lúc thịnh, lúc suy. Đặc biệt khi xuất hiện các tôn giáo mới, một số thế lực cực đoan kết hợp quyền lợi của một số tôn giáo với quyền lợi của giai cấp thống trị, đã phát động các cuộc chiến tranh xâm lược, nhằm mở rộng thuộc địa của các cường quốc kết hợp việc mở rộng lãnh địa của tôn giáo mới. Trong bối cảnh ấy phạm vi hoạt động của Phật giáo bị thu hẹp, Phật giáo bị xem là thụ động yếm thế khi bất bạo động, hạn chế đấu tranh trực diện.

Trong giai đoạn khoa học phát triển, đã có một số kết quả nghiên cứu của khoa học thực nghiệm chứng minh cho những vấn đề mà Phật giáo đã nêu ra từ trước đó. Chẳng hạn, năm 1760 nhà bác học Lô-mô-nô-xốp đưa ra Định luật bảo toàn chất và chuyển động "*Vật chất không*



tự nhiên sinh ra và cũng không tự nhiên mất đi, nó chỉ chuyển hóa từ dạng này sang dạng khác. Tất cả những sự biến đổi xảy ra trong thiên nhiên đều có bản chất là vật thể này mất đi một lượng bao nhiêu thì vật thể kia được thêm một lượng bấy nhiêu...". Điều mà nhà bác học thực nghiệm kết luận thì khi tại thế Đức Phật đã từng nói thế giới không có khởi đầu và không có kết thúc, sinh diệt là quá trình phụ thuộc lẫn nhau, có cái sinh sẽ có cái diệt, có cái này sẽ có cái khác trong sự chuyển hóa vô tận của thế giới. Nếu Vật lý thiên văn tìm ra vật vô cùng lớn như mặt trời, trái đất, thiên hà, hệ thiên hà... và vật lý lượng tử tìm ra vật vô cùng bé như điện tử, hạt nhân... thì trước đó, Đức Phật đã dạy đệ tử về thế giới có cực đại: Tam thiên, đại thiên thế giới... và cực tiểu: vi tế, vi vi tế... Khi có kính hiển vi điện tử, khoa học mới phát hiện nước trong suốt mà vẫn có vi trùng, vi khuẩn... thì từ thời Đức Phật, khi nâng bát nước lá lên uống, Ngài đã biết trong đó có muôn ức sự sống nên phải làm phép và cầu cho chúng nếu phải vào trong bụng người mà thiệt thân thì được siêu sinh chuyển kiếp lành. Học thuyết tiến hóa của Darwin và các kết quả nghiên cứu lý, hóa, sinh hiện đại đã chứng minh cho sự đúng đắn của thuyết "Thập nhị nhân duyên" trong Phật giáo. Thập nhị nhân duyên là mười hai giai đoạn hình thành và tồn tại phát triển của con người, giai đoạn này làm tiền đề

cho giai đoạn kia trong sự kế thừa nối tiếp, giai đoạn này thúc đẩy giai đoạn kia để xuất hiện cái mới thì kết thúc cái cũ, nhờ nhân, duyên mà có sinh có diệt... Nhà bác học Einstein tìm ra "Thuyết tương đối" thì trước đó Đức Phật đã từ bỏ sai lầm của cực đoan một chiều tuyệt đối và chọn con đường trung đạo mới đạt tới cảnh giới Giác ngộ.

Khi khoa học thực nghiệm đặt Phật giáo vào vị trí của khoa học suy lý, lý thuyết, thì dưới lăng kính của khoa học xã hội, Phật giáo được xem là sự hợp nhất, tổng hợp của nhiều ngành khoa học, bởi Phật giáo có phương pháp, cách thức để tìm hiểu thế giới hiệu quả và đạt tới trình độ thấy, biết khó tả, cách thức đó là pháp tu theo quy trình: Giới – Định – Tuệ (Giữ giới, Thiền định tập trung suy nghĩ, Có trí tuệ). Từ kho tàng kiến thức khổng lồ của Phật giáo, nếu soi xét ở mỗi khía cạnh khoa học chuyên ngành hiện nay, gần như ngành nào Đức Phật đều có đề cập và đạt tới độ sâu sắc: Về giáo dục, Đức Phật được xem là nhà đại giáo dục, được tôn là Thiên nhân sư - Người thầy của trời và người, với kiến thức siêu xuất và phương pháp hết sức uyển chuyển: khế lý, khế cơ, khế thời, khế xứ; có nghĩa là giáo dục phải biết căn cơ đối tượng, lựa thời gian và điều kiện, xem phong tục tập quán từng nơi mà ứng xử cho phù hợp sẽ có kết quả cao; đó chính là phương pháp tìm hiểu đối tượng và vận dụng phương pháp tâm lý giáo

dục phù hợp với điều kiện đặc điểm đối tượng. Nhờ sự uyển chuyển ấy mà Đức Phật thành công trong truyền đạo, trong việc đưa tín đồ theo “*Bát chánh đạo*”, nhiều người đủ thành phần theo Phật ai cũng tiến bộ, đắc quả. Về đạo đức, lý thuyết Phật giáo là tôn giáo thể hiện những chuẩn mực đạo đức rõ ràng, trong sáng, với phương châm sống “*Vô ngã, vị tha*”, “*từ bi, hỷ xả*” thể hiện tinh đạo đức cao cả của con người. Ở góc độ cá nhân, Đức Phật là một điển hình về chuẩn mực sống khiêm cung, phạm hạnh, giới đức sáng ngời, ứng xử hòa ái, thái độ khoan hòa bao dung đủ sức chuyển hóa thu phục nhân tâm của tất cả mọi người từng tiếp xúc; trọn đời hành đạo, Ngài là con người bình dị, gần gũi với tất cả mọi người mà cao quý vô cùng vì luôn trân quý mọi người, không mảy may vụ lợi, không một hành động sai trái, không một vết nhơ. Về văn hóa, triết lý Phật giáo là một hệ tư tưởng văn hóa thể hiện tính nhân văn đỉnh cao; trong bối cảnh xã hội còn định kiến, bảo thủ nặng nề về phân biệt đẳng cấp, Đức Phật đã tuyên bố “*khi máu cùng đỏ, nước mắt cùng mặn thì không có sự phân biệt đẳng cấp*”; Ngài tôn trọng sự bình đẳng của con người và các sự sống hiện hữu trên thế gian, tin tưởng vào mỗi cá nhân nếu biết đi theo con đường chính đạo như Ngài đã nêu, bằng sự nỗ lực và tự giác, tự rèn luyện, tu tập đều sẽ thành tựu “*Ta là Phật đã thành, chúng sinh là Phật sẽ thành*”. Toàn bộ tư tưởng của Đức Phật là tư tưởng đoàn kết, gắn bó để xây dựng cuộc sống an lành. Về Y học, Đức Phật được tôn vinh là “*Y vương*” - vua của thầy thuốc; theo Đức Phật con người có thân và tâm, bằng phương pháp tu học con người điều tâm để tâm nhân hậu, hiền từ, trong sáng, tiết dục để tâm tri túc (biết đủ), dưỡng thần để trí tuệ luôn sáng suốt thì con người tránh được nhiều căn bệnh hiểm nghèo do ăn uống, do sinh hoạt vô độ, do cuộc sống ưu phiền, ... mang lại, tâm luôn vui, vô lo vì biết không tham lam sân hận, thì thân điều độ vô bệnh khỏe mạnh. Ngoài điều tâm, thân thể cũng phải được chăm sóc hàng ngày, được tập luyện đúng cách thân sẽ khỏe, thân khỏe thì tâm sáng. Triết lý của Đức Phật rất phù hợp với khoa học dưỡng sinh, khoa học phòng bệnh hiện nay. Về môi trường, thực tế đã chứng minh do khai thác thiên nhiên, chặt rừng, ngăn sông, phá núi... bừa bãi, con người đã phải chịu những thảm họa thiên tai với mật độ ngày càng nhiều, càng khốc liệt. Triết lý của Đức Phật là học thuyết giáo dục về bảo vệ môi trường sinh thái bền vững khi con người biết khai thác môi trường và tự nhiên để phục vụ cho cuộc sống vừa đủ “*thiểu dục, tri túc*” và luôn tạo ra sự cân bằng trong “*nhận và trả*” để không phải chịu “*Luật nhân quả*” do sự bừa bãi của con người mang lại. Hòa bình và xây dựng xã hội an lạc là đặc trưng của tư tưởng Phật giáo, tư tưởng “*Lục hòa*”: Thân hòa cùng ở, Khẩu hòa cùng vui, Ý hòa cùng thuận, Trí hòa hiểu nhau, Lợi hòa cùng hưởng, Giới hòa đồng tu, đưa con người an vui sống trong sự đoàn kết. Tư tưởng “*Bát chánh đạo*”: Chính kiến - luôn giữ vững quan niệm về từ bi, hỷ xả, vô ngã, vị tha, tứ diệu đế;

Chính tư duy - luôn suy nghĩ theo sự đúng đắn; Chính ngữ - không nói dối, không thêu dệt hại người; Chính nghiệp - không làm sai trái, không vi phạm giới luật; Chính mạng - xa tránh nghiệp ác, không giết sinh linh, không làm việc xấu; Chính tinh tiến - phát triển nghiệp lành, làm việc tốt; Chính niệm - luôn giữ thân thể, lời nói, ý nghĩ trong sạch; Chính định - tập trung cao độ, cố gắng hết mình. Làm con người nếu ai cũng sống trong Lục hòa và Bát chánh đạo thì làm gì có kẻ xấu ác, làm gì có người hại người gây chết chóc, đau thương. Thực tế tồn tại hơn hai mươi lăm thế kỷ, Phật giáo chưa bao giờ gây chiến tranh, chỉ có những cuộc chiến chống lại xâm lược để bảo vệ hòa bình, diệt ác để bảo vệ sự sống lương thiện.

Trong bốn mươi chín năm hoàng pháp, Đức Phật để lại cho hậu thế hệ tư tưởng với kho tàng kiến thức khổng lồ. “*Tam tạng kinh điển*” là ba kho kinh điển đồ sộ vào bậc nhất so với các hệ tư tưởng và kiến thức của các nhân vật lịch sử để lại: Kinh - những điều Phật nói được ghi chép lại; Luật - những quy định Phật đặt ra được thực hiện trong Phật giáo; Luận - Những lời bàn, những kiến giải phân tích triển khai kinh điển và phương pháp tu tập của Đức Phật cho hậu thế học và làm theo. Điều đáng kinh ngạc là bằng khả năng tư duy của một con người nhưng có thể nhận biết quy luật và sự vận động của tự nhiên, xã hội mà ngày nay khi khoa học càng phát triển càng thấy rõ sự đúng đắn trong nhiều lĩnh vực, điều đó chứng tỏ khả năng nhận thức thông qua suy lý của con người là vô cùng, đạo Phật là một đạo khoa học. Tuy nhiên, vấn đề đặt ra để chúng ta suy nghĩ khi đặt câu hỏi là đạo Phật rất khoa học, tại sao lại chưa được phổ biến như khoa học một cách rộng rãi? Trả lời câu hỏi ấy có nhiều cách lý giải, theo chúng tôi có một số lý do: Thứ nhất, không phải khoa học nào cũng được phổ biến rộng rãi. Thứ hai, với phương diện là một tôn giáo, những người theo đạo Phật khai thác tính tôn giáo nhiều hơn tính khoa học, số người chứng đắc được như Đức Phật không phải nhiều, trong khi những nhà khoa học hạn chế bởi nhiều lý do, họ ít có cơ hội nghiên cứu sâu về Phật giáo, ít có cơ duyên tìm được sự liên hệ hoặc sự chỉ dẫn từ Phật giáo. Thứ ba, một số cá nhân lợi dụng các tôn giáo khác kết hợp với chiến tranh đẩy lùi và làm hạn chế ảnh hưởng của Phật giáo trên diện rộng xã hội, việc mà Phật giáo không làm đối với các tôn giáo khác. Thứ tư, Phật giáo theo tư duy duy lý để nhận thức thế giới, khai thác phát huy năng lượng cá nhân để nâng cao khả năng của con người trong nhận thức và hành trì tri túc để phát triển trong sự cân bằng nên ít đi vào thực nghiệm và phát triển kỹ thuật, không nặng khai thác thế giới vật chất để phục vụ cuộc sống. Vì sự khác nhau ấy mà phải mất một khoảng thời gian rất dài khoa học mới gặp được Phật giáo. Thời kỳ Phục hưng, thế kỷ Ánh sáng ở châu Âu thì Phật giáo chưa có mặt ở nơi đây, song nhờ có khoa học kỹ thuật phát triển, Phật giáo và khoa học đã gặp nhau. Khi Phật giáo tìm thấy lợi thế của khoa học thực nghiệm và ngược lại thì cả hai đều



được bổ sung cho nhau và cùng phát triển. Einstein - nhà bác học vĩ đại đã thể hiện điều đó hết sức đáng khâm phục: *"Tôn giáo của tương lai sẽ là một tôn giáo vũ trụ. Nó sẽ phải vượt lên trên ý tưởng về một Thiên Chúa nhân hóa, và thoát khỏi các giáo điều và thần học. Bao trùm cả cái tự nhiên lẫn cái tinh thần, nó sẽ phải dựa trên một ý nghĩa tôn giáo sinh ra từ sự trải nghiệm tất cả các sự vật, tự nhiên cũng như tinh thần, coi như một tổng thể có ý nghĩa... Phật giáo đáp ứng được mô tả này... Nếu tồn tại một tôn giáo có thể phù hợp với các đòi hỏi cấp bách của khoa học hiện đại, thì đó chính là Phật giáo."*

Vì những giá trị to lớn của Phật giáo, năm 1999 Đại hội đồng Liên Hợp Quốc đã quyết nghị chọn Phật giáo làm *"Tôn giáo điển hình"*, và để tôn vinh nhằm phát huy giá trị tích cực ấy, hàng năm Liên Hợp Quốc đã chủ trì tổ chức Đại lễ Vesak (Đại lễ Tam hợp Đức Phật vào ngày trăng tròn tháng Tư - Đức Phật đản sinh, Đức Phật thành đạo, Đức Phật nhập Niết-bàn) tại trụ sở chính và các trụ sở đại diện của Liên Hợp Quốc trên thế giới. Quyết nghị này chắc chắn không dễ gì đạt được khi nhiều tôn giáo có số lượng tín đồ và phạm vi hoạt động rộng lớn hơn Phật

giáo. Song nghị quyết được chấp nhận đủ nói lên giá trị và ảnh hưởng của Phật giáo đối với đời sống xã hội.

Trước đối tượng Phật giáo vừa là tôn giáo, vừa là khoa học, tổ chức sinh hoạt Phật giáo cần đảm bảo phát huy tính tích cực của cả hai mặt ấy: *Thứ nhất*, tôn trọng Phật giáo là một tôn giáo để phát huy tính tích cực của tâm linh trong đoàn kết cộng đồng, giải quyết những trắc ẩn của cá nhân và cộng đồng theo Phật giáo trong cuộc sống. Song, cần nhận thức rõ để hạn chế dần việc làm biến thái, xuyên tạc, lợi dụng Phật giáo để mê tín hóa tín đồ, trục lợi cá nhân làm mất bản chất khoa học của Phật giáo. *Thứ hai*, tôn trọng Phật giáo là một khoa học, đối xử với Phật giáo như một khoa học và khuyến khích phát triển theo hướng phát triển khoa học để phục vụ con người và xã hội theo hướng tích cực. Ngày nay nhiều nhà khoa học đang nghiên cứu Phật giáo ở cả tính tôn giáo và tính khoa học. Nhiều nước đã mở trường đào tạo Phật học và nghiên cứu Phật giáo như là một khoa học phục vụ cuộc sống. Song, để rộng rãi xã hội thực sự khẳng định Phật giáo là một khoa học thì Phật giáo ngày nay còn cần nhiều sự thể hiện để tỏ rõ tính khoa học trong đời sống xã hội. ■



Trải nghiệm Lamrim

Trình tự Đường tu Giác ngộ

Bài & ảnh: HỒNG DIỆP

Hoàn tất cuộc hành hương ở Ngạn Sơn, nghĩ thế nào tôi lại hủy vé máy bay chiều về Việt Nam và tiếp tục hành trình sang Nepal. Tôi thuê một chiếc xe Jeep chung với một anh bạn người Thụy Sĩ gặp ở Tây Tạng. Tuy ở Tây Tạng chỉ vài tuần, song khi xe lăn bánh tới vùng biên giới Tây Tạng – Nepal, lòng tôi xao động một cách khó tả. Tây Tạng đã là một phần máu thịt trong tôi và khi phải rời xa nó, tôi thấy bịn rịn lạ thường. Dường như tôi đã phải chia xa với quê hương thứ hai thiêng liêng của mình vậy. Thiên nhiên Tây Tạng hoang dã, phóng khoáng cũng như con người Tây Tạng, không chịu được sự gò bó khiên cưỡng. Ở họ có một đặc trưng không thể trộn lẫn được với người Hán và một lòng mộ đạo sâu sắc đối với vị lãnh tụ tinh thần, Đức Đạt-lai Lạt-ma.

Chuyến đi bằng ô-tô sang Nepal rất suôn sẻ. Tôi hỏi anh bạn người Thụy Sĩ sẽ làm gì ở đây. Anh nói sẽ tham dự khóa học một tháng tại một tu viện ở Kathmandu. Tính thích học, tôi tò mò hỏi cụ thể về khóa học. Anh

gửi qua máy tính cho tôi xem nội dung và nói đã hết hạn đăng ký và lớp đã đầy kín. Song anh gợi ý tôi cứ thử lên tu viện hỏi trực tiếp xem sao.

Mấy hôm sau, tôi và anh lên tu viện hỏi thăm. May quá trời xui đất khiến thế nào mà lớp vẫn còn chỗ. Thế là tôi đăng ký luôn, không hề biết đây là những bước đầu tiên dẫn tôi vào thế giới Mật tông đầy huyền ảo và lung linh sắc màu, cũng như những góc tối của nó. Tôi gặp khó khăn về tài chính do trong người chỉ có thẻ tín dụng American Express mà ở Kathmandu không có một cây rút tiền tự động (ATM) nào chấp nhận thẻ Amex này. Nhờ có anh bạn người Thụy Sĩ mà cuối cùng tôi cũng xoay sở được đủ số tiền cần thiết cho việc học tập.

Tên chính thức của khóa học là Nhập môn Trình tự Đường tu Giác ngộ (Lam Rim – Stages of the Path) nhưng thường được gọi đơn giản là khóa học tháng 11 (November course), vì nó diễn ra vào tháng 11 hàng năm, bắt đầu từ năm 1971 tại tu viện Kopan, Kathmandu. Trình tự Đường tu Giác ngộ này được Tổ dòng Cách lỗ (Gelug) là Lạt-ma Tông-khách-ba (Tsongkhapa) soạn

dựa trên cuốn Bồ đề Đạo đăng (*Bodhipathapradipa*) thế kỷ thứ 11 của Ngài A-đề-sa (Atisha hay Nhiên Đăng Cát Tường Trí: 982-1054). Tu viện Kopan tu tập theo trường phái Cách-lỗ của Tổ Tông-khách-ba, mà hiện tại người đứng đầu là Đức Đạt-lai Lạt-ma.

Khóa học kéo dài một tháng, từ đầu tháng 11 đến đầu tháng 12. Do đăng ký chậm, hết phòng đơn nên tôi phải ở tập thể phòng tám người. Không có giường mà mỗi người ngủ bằng túi ngủ của riêng mình. Đa số là người phương Tây ở những nước phát triển như Mỹ, Đức, Pháp, Hà Lan, v.v. nên đối với họ ở như vậy là một cực hình. Trái lại, tôi thấy vô cùng thích thú vì được hòa nhập vào một tập thể đa sắc màu, đa văn hóa, tham dự một khóa học hoàn toàn mới lạ. Một cảm giác vui sướng lạ lùng lan tỏa trong tôi, và tôi quên hết những lo âu, muộn phiền, dằn vặt về công việc, cơm áo gạo tiền. Bây giờ nghĩ lại, cuộc sống này vẫn giống như trong một giấc mơ đẹp đối với tôi.

Thời gian biểu hàng ngày bắt đầu từ 5 giờ sáng với việc lạy phủ phục (prostration) trước 35 vị Phật và bảy vị Phật Dược Sư. Tuy mới song tôi cố gắng hoàn thành 100 lạy. Không hiểu sao các động tác này đến với tôi rất tự nhiên, và tôi lạy thuần thục giống như một người Tạng thực sự vậy. Lớp học hơn 250 người song không phải ai cũng dậy được sớm và đủ khỏe để hoàn thành 100 lạy. Ý nghĩa của việc lạy phủ phục này là nhằm bày tỏ sự kính trọng đối với chư Phật và Bồ-tát, đồng thời để người tu trở nên khiêm nhường hơn.

Sau buổi lạy, mọi người tập trung vào tiết thiền buổi sáng. Đây là lần đầu tiên tôi được giới thiệu và thực hành phương pháp thiền tong-len (cho và nhận). Theo phương pháp thiền này, bạn hình dung mình hít vào mọi thứ dơ bẩn, xấu xa, mọi khổ đau của chúng sinh, và sau đó thở ra những gì tốt đẹp nhất của bản thân, hạnh phúc và thành công. Tập thiền theo phương pháp này trong thời gian dài có rất nhiều tác động như: làm giảm sự ích kỷ, tăng tính từ bỏ, tạo nghiệp tốt, xây dựng và phát triển tình yêu thương, bồ đề tâm.

Trong suốt một tháng học tập, mọi người hầu như giữ im lặng cả buổi sáng. Bên cạnh việc học, mọi người còn phân công nhau làm công đức (karma yoga) như quét dọn, lau chùi tu viện, bảo tháp; dọn nhà vệ sinh; rửa bát đĩa, v.v... Không chỉ đơn thuần là làm công đức, các thầy cô còn dạy kết hợp cả phương pháp chuyển hóa; ví dụ như khi quét nhà, mỗi nhát chổi bạn lại nghĩ rằng mình đang quét đi những ý nghĩ tiêu cực trong đầu. Tương tự như vậy khi lau chùi, dọn rửa, bạn nghĩ như đang dọn dẹp chính con người mình vậy. Chỉ vài ngày tu tập như vậy tôi đã thấy trong người nhẹ nhõm hẳn.

Trọng tâm của khóa học là nhập môn Trình tự Đường tu Giác ngộ. Lần đầu tiên tôi được biết đến các khái niệm như Tứ diệu đế, Vô thường, Hư không, Mật chú, v.v. Tôi đã đọc về các khái niệm này bằng tiếng Việt trước đó nhưng phải tới khi nghiên cứu chúng bằng tiếng



Anh, tôi mới hiểu rõ ràng hơn. Tôi đặc biệt thích khái niệm về hư không và mua vài cuốn sách chuyên về đề tài này. Tuy nhiên càng nghiên cứu tôi càng thấy khó, đặc biệt là khó thực hành vì nó cao siêu, vi diệu quá! Cho đến tận bây giờ tôi vẫn bị nó cuốn hút đặc biệt nhưng tôi hiểu rằng để ngộ được tính Không, người tu ngoài chăm chỉ tu tập còn cần phải có công đức rất lớn tích lũy từ nhiều đời nhiều kiếp.

Trình tự Đường tu Giác ngộ trình bày cụ thể về luân hồi và chúng sinh ở mỗi tầng luân hồi. Cũng tại đây tôi hiểu rõ hơn sự khác biệt giữa Phật giáo và các tôn giáo khác, đặc biệt là Thiên Chúa giáo, và rằng các bậc cao siêu như Phạm Thiên, vẫn nằm trong vòng luân hồi sinh tử. Nếu muốn được giải thoát hoàn toàn, không có con đường nào khác ngoài theo Phật. Mặc dù học rất nhiều khái niệm phức tạp, song tôi lại nhập tâm và xúc động nhất khi nghe giảng về “cha, mẹ”. Tất cả các chúng sinh đã từng là cha, mẹ của chúng ta không kiếp này thì kiếp khác. Khi nghe giảng về công lao của cha mẹ, không hiểu sao tôi cứ khóc ròng.

Từ bé tôi đã là một đứa trẻ khó nuôi. Ban ngày khi đi nhà trẻ thì tôi ngủ, ban đêm lại thức quấy mẹ, bắt mẹ phải bế đi rong mới nín khóc. Mẹ tôi bốn năm sinh ba đứa con, lại vào thời bao cấp, nên vất vả vô cùng. Lúc học, hình ảnh mẹ tần tảo nuôi ba chị em chúng tôi cứ như những thước phim quay chậm tái hiện trong đầu, làm tôi không thể cầm được nước mắt. Được cái sau này tôi chăm chỉ học hành, luôn là học sinh giỏi lớp chọn, lớp chuyên nên cũng bù đắp được quãng thời gian vất vả ấy của mẹ.

Trong một buổi giảng đặc biệt, Đại sư Lạt ma Zopa Rinpoche, người sáng lập ra Quỹ Bảo tồn Truyền thống Đại thừa (Foundation for the Preservation of the Mahayana Tradition – FPMT), bắt chợt nhìn thẳng vào



tôi và nói “Không có cái gọi là hạnh phúc thật” (There is no real happiness). Thế là tôi bật khóc ngay lúc ấy, mặc dù chưa hiểu hết ý nghĩa của câu nói ngắn gọn này. Cũng giống như hầu hết mọi người, tôi luôn thấy mọi thứ là có thật và luôn đi tìm kiếm những điều mới mẻ. Trong công việc, tôi thường được khen là một nhân viên sáng tạo. Và tôi rất tự hào về khả năng này của bản thân. Cảm giác tự hào này cũng bình thường nếu không đi kèm với nó là thái độ không coi trọng những nhân viên “kém sáng tạo” khác trong cơ quan của tôi. Một phần là do cách quản lý của sếp không chuyên nghiệp, song nhìn từ quan điểm Phật giáo, tất cả là do bản thân gây ra.

Khóa học giúp tôi nhìn nhận lại tất cả, từ cá nhân, gia đình đến công việc, xã hội. Tôi nhận thấy mình có thói quen rất xấu là hay cường điệu, phóng đại sự vật hiện tượng. Nếu tốt tôi thường nghĩ nó hoàn hảo, còn xấu thì tôi gán cho mức độ tệ hại nhất, không chơi hoặc không dùng. Ở tôi thiếu cái gọi là “trung dung” (the middle way). Tính cách này khiến tôi gặp không ít chướng ngại trong cuộc sống và công việc. Khi chưa học Phật giáo, tôi đổ những khó khăn này cho người khác, và cho rằng mình không có lỗi gì cả.

Điều quan trọng nhất đối với người đang trong quá trình tu tập là được ở gần thầy. Giá mà từ sau khóa học

tôi có cơ hội được ở gần với các thầy thì chắc chắn sẽ tốt hơn nhiều. Từ những việc đơn giản như việc hành trì hàng ngày, đọc mật chú, v.v. rất quan trọng phải có thầy ở bên. Nhất là đối với việc đọc mật chú. Lúc đầu tôi tưởng đọc đơn giản, nhưng về sau này trải qua nhiều sai lầm, tôi mới thấy nó khó đến mức độ nào. Đọc mật chú đòi hỏi độ chuẩn xác cao, từ âm lượng cho tới phát âm. Chỉ cần sai lệch một chút thôi sẽ mang lại hậu quả tai hại. Do không được ở gần các thầy và bắt đầu cảm thấy các tác động tiêu cực nên tôi quyết định dừng việc hành trì và đọc mật chú. Giờ tôi thường chỉ nghe tụng kinh và đọc cầu nguyện hàng ngày. Mặc dù công nghệ phát triển và bạn có thể dùng điện thoại hoặc email để hỏi các thầy, song nó không thể thay thế được cho lợi thế về khoảng cách địa lý.

Sau khi tham dự khóa học này, tôi hiểu hơn về các khái niệm Phật giáo trong tiếng Việt. Giờ tôi đã có thể đọc và ngộ phần nào các bộ kinh quan trọng của Phật giáo như kinh *Chánh pháp*, kinh *Pháp hoa*, kinh *Kim Cương*, kinh *Bát nhã*, v.v. Càng đọc, tôi càng thấy Phật giáo rất khoa học, cõi Phật là nơi đẹp đẽ và hoàn hảo nhất và mong ước có điều kiện để sau này được học tập và phụng sự Phật pháp. Cảm ơn khóa học Trình tự Đường tu Giác ngộ và các thầy, cô đã giảng dạy, dẫn dắt tôi vào cõi chân lý. ■

Một mình

LÊ BẠCH HOA

Cảm giác một mình bên cạnh những đồ vật vô tri, với tâm thức trống vắng, với nỗi cô đơn mênh mông... trong khi ngoài kia là cuộc sống sôi động với các quan hệ, với tiệc tùng và công việc... khiến rất nhiều người trở nên sợ hãi. Họ thường phải bốc điện thoại nói chuyện với ai đó, lên mạng chat chit với bạn bè, nếu không thì cũng mở máy truyền hình với âm lượng thật to hoặc điều chỉnh âm thanh chiếc đài bán dẫn đến mức chát chúa... Thế nhưng, khi thực sự rơi vào tình trạng đó, bạn hãy thử buông tất cả các bám víu và hãy chỉ trọn vẹn đối diện với cảm giác chỉ có một mình ấy xem, bạn sẽ học ra được một bài học rất quý giá đấy – Bài học Sống Một Mình.

Nếu ta hỏi một người chẵn cừu trên núi cao, một bác đồn củi trong rừng sâu, một người người nông dân trên cánh đồng, họ chắc sẽ lắc đầu nếu ta cho họ được về sống ở thành phố. Những cảm giác mà ta cho là vui nhộn, ồn ào của chốn đô thành lại làm cho họ thật ngột ngạt, khó khăn, thậm chí khó chịu, bất an. Bởi họ đã quen cuộc sống đơn giản, với thiên nhiên và với chính họ. Sống Một Mình không phải là khái niệm gì to tát với họ, bởi đó là cuộc sống tự nhiên họ được trải nghiệm với đầy bình an và yêu thích.

Tôi còn nhớ, lần đầu tiên tôi biết đến 'đau khổ' chính là khi 'bị' cho trở lại Hà Nội sau sơ tán. Hai chị em tôi đã khóc ròng rã vì phải xa căn nhà nhỏ dưới chân đồi mà sáng sáng hai đứa thường leo lên đón ánh mặt trời, rồi rủ nhau lăn lông lốc xuống chân đồi mặc cho những đám cỏ may bám đầy vào quần áo; phải xa cánh rừng nhỏ, nơi có con suối róc rách reo vui, những ngày nước lên đỏ ngầu, phải chạy rất nhanh nếu không thì có thể bị cuốn phăng theo dòng nước; nhưng những ngày bình thường thì đẹp như trong cổ tích với những khóm hoa dại, những chú chuồn chuồn ớt... Chẳng biết sao mà lúc đó tôi đã ước ao được sống một mình ở đó đến hết đời! Có lẽ bây giờ khi có tuổi, những kỷ niệm tuổi thơ vẫn chất chứa trong lòng, giúp cho tôi đôi khi tìm lại cảm giác 'một mình' để mà trở lại những giây phút bình an ấy, để lấy thêm năng lượng, vượt qua những ngày tháng biến động, những thăng trầm trong kinh doanh, công việc, quan hệ xã hội v.v.

Thực ra, khi sinh ra thì ai cũng... một mình thôi. Rồi thời gian trôi, càng ngày càng có thêm nhiều quan hệ được hình thành, bố mẹ, con cái, bạn bè, chồng vợ...

Thế rồi ta bị cuốn vào cuộc sống này, xã hội này, để thói quen chi phối đến nỗi chẳng có thời gian nào nhìn lại những gì trôi qua. Khi đã quá quen với cuộc sống sôi động và đầy đủ các mối tương quan xã hội, ta bỗng sợ cảm giác mà đáng ra là rất cơ bản của ta lúc sinh thời, và sau này, khi mất đi, cảm giác Một Mình.

Đừng sợ Một Mình. Đúng ra, chúng ta nên cho phép ta được sống một mình bất cứ khi nào có thời gian. Những lúc đó là lúc tốt nhất ta không bị bám víu vào bất kỳ áp lực nào, ta trọn vẹn với ta. Một Mình – cái cảm giác rất thật ấy thật quý giá. Nếu được trải nghiệm trọn vẹn, bạn sẽ rơi vào một trạng thái bình an thanh thản đến độ bạn cảm thấy thật hạnh phúc không gì bằng.

Nó quý, vì nó thực. Bạn không phải đóng bất kỳ vai diễn nào của cuộc đời khi ấy, không phải làm mẹ làm cha, chẳng phải là con là anh là em, cũng không là bạn bè, khách hàng, chủ tớ... Bạn là... chẳng là ai cả một cách đúng nghĩa! Nó quý hơn bởi nó cho bạn thấy cái tâm lắng xả của bạn không chịu dừng lại, cứ cuốn bạn theo những thăng trầm buồn vui bên ngoài, những suy nghĩ tính toán thiệt hơn được mất... mà có thể dùng một cái, bạn... không còn trên cuộc đời này. Hơn thế nữa, nó quý giá vì nó cho bạn một sự chuẩn bị. Vì nếu sau này trong cuộc sống bạn có bị mất đi bất kỳ mối quan hệ nào, dù sâu sắc đến mấy, bạn vẫn có thể đứng dậy được, vượt qua được không để bị nó nhấn chìm.

Thế thì Một Mình là trải nghiệm cần thiết lắm đấy, bạn cứ thử để một tiếng trong ngày hay một buổi cuối tuần cho trải nghiệm này xem, sẽ thấy rõ mặt mũi nó ra sao nhé. Cứ tự nhiên mà thực hành, bạn sẽ thu được nhiều điều bổ ích thú vị. ■





Phương pháp và biện pháp trong giáo dục Phật giáo

THÍCH GIÁC TOÀN

Người ta có thể tìm thấy tất cả các phương pháp sư phạm hiện đại tiềm tàng trong kinh điển Phật giáo. Trong các thời thuyết giảng, Đức Phật rất linh động trong phương pháp. Có khi tự Đức Phật nêu vấn đề và triển khai chi tiết (diễn giảng có khi do được hỏi, hay do Ngài gợi ý bằng câu hỏi vấn đáp). Đức Phật thường dùng các phương pháp thí dụ, ẩn dụ, so sánh, đối chiếu, quy nạp, tổng hợp, diễn dịch, loại suy. Đây là những phương pháp mà về sau này các ngành khoa học đều thường sử dụng.

Trong Thiên học, người ta có thể tìm thấy những phương pháp đặc biệt của giáo dục Phật pháp: kỹ thuật thiền định, sự tập trung quán tưởng, sự thâm nhập để tài bằng tất cả tâm thức. Lời giáo dục bằng cách đả phá, bằng cách đột ngột làm bùng vỡ sự mê tối qua cử chỉ, nói năng, im lặng, qua chiếc gậy, tiếng hét. Một mặt, chúng là phương pháp; một mặt, chúng là những thủ thuật kỳ đặc tỏ ra rất có hiệu năng. Các khóa thiền

định cũng như những chương trình sinh hoạt khác trong tu viện như an cư kiết hạ, giới đàn, yết-ma được xem là những biện pháp tự rèn luyện, bồi dưỡng đạo đức, trí lực rất đặc biệt của Phật giáo.

Phương pháp và biện pháp giáo dục là thuộc khoa sư phạm. Một vị thầy giảng pháp phải có những phương cách nào để thính chúng hiểu pháp, chọn lựa nội dung bài giảng như thế nào cho phù hợp với thính chúng?

Kinh Tăng chi bộ chương *Năm pháp* liệt kê năm điều cần áp dụng khi giảng pháp:

1. Thuyết pháp theo thứ tự từ thấp đến cao.
2. Thuyết y theo pháp môn kinh điển.
3. Thuyết vì lòng từ bi, muốn lợi ích cho mọi người.
4. Thuyết không vì lợi ích của mình, không mong được đền đáp.
5. Không chê người khen mình.

Kinh Ưu-bà-tắc giới nêu việc thuyết pháp hay giảng dạy gồm 16 điều cần nhớ:

1. Thuyết pháp tùy thời.

2. Thuyết giảng hết lòng.
3. Thuyết giảng theo thứ tự từ dễ đến khó, từ thấp đến cao.
4. Thuyết giảng một cách hòa hợp.
5. Thuyết giảng theo đúng nghĩa lý.
6. Hoan hỷ thuyết giảng.
7. Tùy ý thuyết giảng.
8. Không khinh thường thính chúng.
9. Không la mắng thính chúng.
10. Nói đúng chánh pháp.
11. Nói pháp lợi mình lợi người.
12. Nói pháp không tán loạn.
13. Nói pháp hợp nghĩa.
14. Nói chân chính.
15. Nói xong thì không kiêu mạn.
16. Nói xong không cần quả báo về sau.

Năm điều và 16 điều nói trên vừa mang tính chất thể cách giáo dục vừa bao hàm phẩm chất của người thầy.

Có quan điểm phân biệt hai phương pháp tổng quát về việc giảng dạy Phật pháp: 1. Hữu ngôn (verbal teaching) và 2. Vô ngôn (non-verbal teaching). Giáo pháp của Đức Phật được trình bày qua 12 bộ loại kinh (thập nhị bộ kinh) có lời giảng cụ thể của Đức Phật, gọi là giáo lý hữu ngôn. Giáo pháp được trình bày qua sự im lặng của Đức Phật trước một số câu hỏi xét ra nếu trả lời trực tiếp thì người nghe cũng không hiểu và có thể gây hiểu nhầm, gây trở ngại cho việc tu học., hoặc những phương cách của Thiền môn như tiếng hét, sự xô đẩy, sự quơ đập gây... thì đều gọi là giáo lý vô ngôn.

Việc chia thành 12 bộ loại kinh chủ yếu là nêu những thể cách trong phương pháp giảng dạy của Đức Phật tùy theo hoàn cảnh, trường hợp, nhằm làm sáng tỏ giáo lý.

Đó là:

1. Khế kinh (sutra): Văn xuôi, giảng trực tiếp.
2. Ứng tụng (geya): Kệ tụng giải thích giáo lý đã thuyết trong khế kinh.
3. Ký biệt (vyakarana): Thọ ký, ấn chứng của Đức Phật về tương lai của các đệ tử của Ngài.
4. Phúng tụng (gatha): Phần kệ tụng độc lập, trực tiếp ghi chép giáo thuyết của Đức Phật mà không cần lặp lại ý đã nói trước đó.
5. Tự thuyết (udana): Đức Phật giảng pháp để khai thị mà không nhân vì có người hỏi pháp.
6. Nhân duyên (nidana): Ghi chép các hoàn cảnh, nhân duyên giáo hóa của Đức Phật (như ở các phẩm Tự).
7. Thí dụ (avadana): Dùng thí dụ để giảng pháp.
8. Bốn sự (itivrttaka): Nói về các hành nghi ở đời quá khứ của Đức Phật và các đệ tử, hoặc các kinh mở đầu bằng "Phật đã thuyết như vậy".
9. Bốn sinh (jataka): Nói về việc tu hành, hành trạng của Đức Phật thời quá khứ.
10. Phương quảng (vaipulia): Các kinh có ý nghĩa

rộng lớn, sâu xa.

11. Hy pháp (adbhuta-dharma): Còn gọi là Vị tăng hữu, nói về những sự việc hiếm có của Đức Phật và các đệ tử.

12. Luận nghị (upadesa): Đức Phật luận nghị phân biệt các thể tính của các pháp, làm sáng tỏ ý nghĩa.

Về phương pháp vô ngôn, thực ra đây cũng là một phương pháp hữu ngôn nói theo ý nghĩa rộng, quy ước hay dấu hiệu diễn tả ý của một người chuyển cho người khác, chỉ khác với hình thức diễn đạt bằng lời. *Kinh A-hàm* nêu 14 câu hỏi (*kinh Trung bộ* nêu 10 câu) mà Đức Phật không trả lời.

Đó là:

1. Thế giới là thường hằng?
2. Thế giới không thường hằng?
3. Thế giới vừa thường hằng vừa không thường hằng?
4. Thế giới không vừa thường hằng vừa không thường hằng?
5. Thế giới là hữu hạn?
6. Thế giới là vô hạn?
7. Thế giới vừa hữu hạn vừa vô hạn?
8. Thế giới không phải vừa hữu hạn vừa vô hạn?
9. Ngã và thân là một?
10. Ngã và thân là khác?
11. Như Lai tồn tại sau khi chết?
12. Như Lai không tồn tại sau khi chết?
13. Như Lai vừa tồn tại vừa không tồn tại sau khi chết?
14. Như Lai không phải vừa tồn tại vừa không tồn tại sau khi chết?

Sự im lặng ấy được gọi là vô ký (avyakrta).

Sự im lặng của Ngài Duy-ma-cật được Tôn giả Văn-thù gọi là "một sự im lặng như một tiếng sấm" (kinh Duy-ma-cật). Và ta cũng tìm thấy không ít trường hợp giáo dục vô ngôn trong Thiền tông.

Một phương pháp giáo dục nữa mà ngày nay đang được khuyến khích áp dụng là giúp người học tự phát triển kiến thức, đạo đức và kỹ năng hoạt động. *Kinh Pháp Hoa* gọi đó là "khai, thị, ngộ, nhập": 1. Trình bày giáo pháp; 2. Khiến người học thấy được giáo pháp; 3. Người học thấy được giáo pháp thì rõ nghĩa; 4. Thế rồi người học nhập vào giáo lý mà tu tập để được chứng ngộ. Phật tính như viên ngọc nằm trong túi áo của mỗi người, ngộ là mình tự ngộ chứ không ai ngộ cho mình được. Người thầy cần làm sao để học trò tự phát triển, tự ngộ. Masao Abe, học giả Phật học Nhật Bản, so sánh sự liên hệ giữa thầy và trò với sự liên hệ giữa người hộ sinh và sản phụ: "Thật nực cười nếu một vị hộ sinh trao con của chính mình cho sản phụ sắp sinh con. Vai trò của người hộ sinh chính là giúp sản phụ sinh ra đứa con của chính bà ta" (Zen and Western Thought, University of Hawaii Press, 1985). Sự so sánh này cũng tương tự sự so sánh của Socrates mà về sau các nhà giáo dục gọi là *phương pháp hộ sinh* (maieutic method). Ta lại càng thấy rõ phương pháp này nhiều hơn qua rất nhiều kinh

miêu tả cuộc đàm thoại giữa Đức Phật với đệ tử hay với những người đến tham vấn. Những câu hỏi gợi ý của Đức Phật cuối cùng đưa họ đến sự lý giải đúng đắn.

Phương tiện thiện xảo (upaya-kosalla): Phương tiện thiện xảo là một đặc trưng về phương pháp trong giáo dục Phật giáo. Đức Phật dạy: “*Từ khi Ta thành Phật, bằng nhiều lập luận, nhiều thí dụ, Ta đã thuyết giảng rộng rãi và bằng vô số phương tiện thiện xảo, khiến chúng sinh xa lìa những ý niệm chấp trước. Vì sao? Vì Như Lai đã đầy đủ phương tiện trí kiến ba-la-mật*”. (Kinh Pháp Hoa, phẩm Phương tiện). Vô số phương tiện thiện xảo mà chư Phật sử dụng để giảng dạy cũng chỉ duy nhất nhằm trở đến Phật thừa, đến chân lý tối hậu. Cũng trong phẩm Phương tiện của Kinh Pháp Hoa, Đức Phật dạy: “*Chư Phật trong quá khứ, ... trong vị lai, ... trong hiện tại dùng vô lượng, vô số phương tiện, các thứ nhân duyên, ngôn từ, thí dụ để vì chúng sanh mà diễn nói pháp. Các pháp đó đều là một Phật thừa, nên các chúng sanh theo chư Phật nghe pháp, cứu cánh đều thể chứng được Nhất thiết chủng trí*”.

Phương tiện là phương pháp, cách thức được sử dụng nhằm thực hiện một sự việc nào đó. Thiện xảo là hay, giỏi, tốt đẹp, khéo léo. Phương tiện thiện xảo trong Phật giáo nhằm cho việc tu tập và giáo huấn, cứu độ người khác. Phương tiện thiện xảo là sự thể hiện của trí tuệ nhận biết cơ duyên, hoàn cảnh, đối tượng và nội dung, mục đích yêu cầu của sự việc mình đang thực hiện. Vì được áp dụng có mục đích nên phương tiện thiện xảo trong giáo dục Phật giáo luôn mang tính từ bi muốn cứu độ người khác khỏi lầm lạc, khổ đau. Nikkyo Niwano, vị học giả Phật học nổi tiếng của Nhật Bản, định nghĩa phương tiện thiện xảo như sau: “*Nhằm trở một ý nghĩa, một phương pháp soi sáng, áp dụng cho người hay cho trường hợp*” (Buddhism for Today, Kosei Publishing Co., Tokyo, 1975).

Kinh Thánh cầu của Trung bộ kinh (số 26) có thuật rằng sau khi đạt đại giác dưới cội bồ-đề tại Bodhi-gaya, Đức Phật nghĩ rằng chân lý Ngài chứng đạt rất thâm sâu, khó phổ biến cho người đời cho nên Ngài định nhập Đại Niết-bàn. Ngay khi đó Phạm thiên sợ rằng thế giới sẽ mất mát lớn nếu Đức Phật nhập Niết-bàn mà không chỉ dạy con đường giải thoát cho chúng sinh, bèn khẩn cầu Đức Phật hãy khoan nhập Niết-bàn và hãy giảng pháp cho những ai muốn nghe. Với Phật nhãn, Ngài nhìn quanh thế gian và Ngài thấy: “*Có hạng chúng sinh ít nhiễm bụi đời, nhiễm nhiều bụi đời; có hạng lợi căn, độn căn; có hạng thiện tánh, ác tánh; có hạng dễ dạy, khó dạy...*” Rồi do lòng đại từ bi, Ngài quyết định giảng pháp cho những ai muốn nghe để cứu độ họ.

Các đối tượng khác nhau có hoàn cảnh, căn cơ khác nhau đòi hỏi có phương pháp, biện pháp giáo dục khác nhau. Đây là sự cần thiết phải có phương tiện thiện xảo trong giáo dục.

Kinh Thiện Phương tiện bảo rằng Đức Phật nhập thai tạng, sinh vào hoàng gia làm thái tử, kết hôn, xuất gia... đều là phương tiện thiện xảo, lấy đời Ngài để dạy chúng sinh. Từ đó ta có thể bảo rằng Đức Phật luôn luôn dùng phương tiện thiện xảo trong giảng dạy. Kinh Thí dụ Con rắn (số 320 của Trung bộ kinh) kể thí dụ người dùng bè qua sông, đến bờ bên kia người ấy phải bỏ bè mà đi chứ không vác bè theo. Ngài dạy: “*Cũng vậy, này chư Tỳ-kheo, Ta thuyết pháp như chiếc bè để vượt qua sông chứ không phải để nắm giữ. Này chư Tỳ-kheo, các ông cần phải hiểu thí dụ chiếc bè... Chánh pháp còn phải bỏ đi huống là phi pháp*”. Trong kinh Viên Giác, phẩm Thanh tịnh tuệ, Đức Phật dạy: “*Tất cả giáo lý của kinh đều như ngón tay chỉ mặt trăng*”.

Điều cần nhớ là đặc trưng của giáo dục, nội dung và phương pháp giáo dục Phật giáo là sự linh động, sự vươn lên không ngừng, phóng khoáng với tâm an nhiên và trí sáng suốt để đi đến mục đích tối hậu.

Tất cả những thí dụ, ẩn dụ, kệ tụng, đàm thoại... trong rất nhiều kinh Phật kể cả Nguyên thủy lẫn Đại thừa đều là những thể hiện của phương tiện thiện xảo.

Trong kinh Pháp Hoa, phẩm Phương tiện, Đức Phật dạy rằng ba thừa Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát đều đưa đến Nhất thừa là Phật thừa. Phẩm Ngôi nhà lửa, phẩm Hóa thành của kinh cũng cho thấy Niết-bàn được miêu tả như là phương tiện thiện xảo, nêu ra để kích lệ chúng sinh đang chịu khổ trong vòng luân hồi như đám trẻ ham đồ chơi mà không thấy lửa đang cháy cần thoát ra khỏi nhà, như người lữ hành mệt mỏi, đói khát trên sa mạc, cần có chỗ nghỉ ngơi.

Kinh Angulimala (số 86, Trung bộ kinh) kể chuyện tướng cướp muốn giết hại Ngài. Với Phật nhãn và với lòng từ bi, Ngài biết có thể cảm hóa tên cướp nên đã thi triển thần thông, đi, đứng, nói, im đã khiến tên cướp từng giết bao người để xâu tai đeo vào cổ phải buông đao xin làm đệ tử và về sau đắc A-la-hán.

Tuy Đức Phật không chấp nhận giáo lý Bà-la-môn, Ngài vẫn dùng một số nội dung, một số vị thần của tôn giáo này để dẫn dụ cho giáo pháp của Ngài. Ngài còn nêu con đường để tái sinh vào cõi Phạm thiên cho các vị Bà-la-môn (kinh Tam minh, Trường bộ kinh). Con đường này chính là con đường chuẩn bị để nhập Niết-bàn. Ngài dùng phương pháp đàm thoại, gợi ý, dùng giáo lý Phật giáo để giảng về sự cộng trú với Phạm thiên: đó là không dục ái, không hận tâm, không sân tâm, không nhiễm tâm và có sự tự tại.

Chư Bồ-tát với trí tuệ và từ bi, bằng thế nguyện cứu đời, được sức gia trì của Đức Phật, chính là những vị thực hiện Phật pháp, đem Phật pháp giảng dạy cho chúng sinh. Chư vị dùng phương tiện thiện xảo, khi thì bằng hành động, khi thì bằng lời giảng. Chư vị có những hóa thân khác nhau để phù hợp với mọi cơ duyên, hoàn cảnh. Kinh Jataka của Tiểu bộ gồm 543 truyện, kinh Jatakamala gồm 35 truyện và một số truyện khác trong



nhiều kinh đều kể về tiền thân Đức Phật khi Ngài tu hạnh Bồ-tát, đã thể hiện các phương tiện thiện xảo để cứu chúng sinh. Theo các kinh điển Đại thừa, chư Bồ-tát là những vị thuộc hàng Thánh giả cao nhất, trên thì cầu Phật đạo bằng trí tuệ, dưới thì cứu độ chúng sinh bằng từ bi. Có vô số Bồ-tát thuộc nhiều giai vị. Ví dụ kinh Bồ-tát Anh lạc nêu 52 giai vị (thập tín, thập hạnh, thập hồi hướng, thập địa, cầu địa và diệu giác).

Hãy lấy trường hợp Bồ-tát Quán Thế Âm. Đọc kinh Pháp Hoa, phẩm Phổ môn, ta thấy trí tuệ và từ bi của Ngài thật rộng lớn, đặc biệt là thần thông biến hóa (được hiểu là các phương tiện thiện xảo để cứu độ chúng sinh). Ngài thị hiện thân Phật, Tỳ-kheo, ưu-bà-tắc, trời, dạ-xoa... để nhiếp hóa chúng sinh. Với 32 hóa thân, Ngài được miêu tả bằng nhiều hình tượng nhiều đầu, nhiều tay, nhiều mắt để chỉ nhiều loại trí, quán sát khắp cõi chúng sinh, bố thí, cứu vớt vô vàn...: ba đầu, năm đầu, hàng nghìn đầu, bốn mắt, nghìn mắt, hàng chục nghìn mắt, bốn tay, nghìn tay, hàng chục nghìn tay...

Kinh Phật thuyết Chân tu Thiên tử, phẩm hai, có ghi: *"Thế nào là Bồ-tát đạt phương tiện thiện xảo? Thuận theo thế gian, không xa lìa nhưng cũng không đắm nhiễm."* Không xa lìa thế gian vì dùng phương tiện thiện xảo cho thích hợp, cụ thể từng trường hợp. Không đắm nhiễm vì chư vị đều thuộc hàng Thánh và vì ý nghĩa của phương tiện thiện xảo là không đắm nhiễm. Trong luận Bồ-đề Tư lương, Ngài Long Thọ bảo: *"Trí tuệ bát-nhã là mẹ của chư Bồ-tát, phương tiện thiện xảo là cha của họ, lòng từ bi là con gái của họ."* Kinh Duy-ma-cật miêu tả Bồ-tát Duy-ma-cật có đầy đủ phương tiện thiện xảo để

giáo hóa chúng sinh: *"Ngài biết rõ xu hướng tâm linh của chúng sinh, căn cơ nhạy bén hay chậm lụt, mọi hành động đều đưa đến tư duy chân chính... được Phật khen ngợi, Đế Thích, Phạm thiên kính phục"*.

Một khi Đức Phật đã tuyên bố rằng tất cả Phật pháp đều chỉ là phương tiện, phương tiện thiện xảo thì ta cũng nên nhận thức rằng đầu đầu trong kinh cũng mang tính chất thiện xảo, được như vậy thì sự chấp trước cứng nhắc vào kinh điển sẽ giảm thiểu đi nhiều. Về nội dung, giáo dục Phật giáo chú trọng đến trí tuệ, từ bi và đạo đức; về phương pháp thì nổi bật với phương tiện thiện xảo. Riêng phương tiện thiện xảo thì như đã nói, phải mang tính chất trí tuệ và từ bi.

Như một dẫn chứng cuối cùng cho phần này, xin nêu lại câu chuyện kể trong kinh *Thiện phương tiện*, phẩm Thập phương tiện:

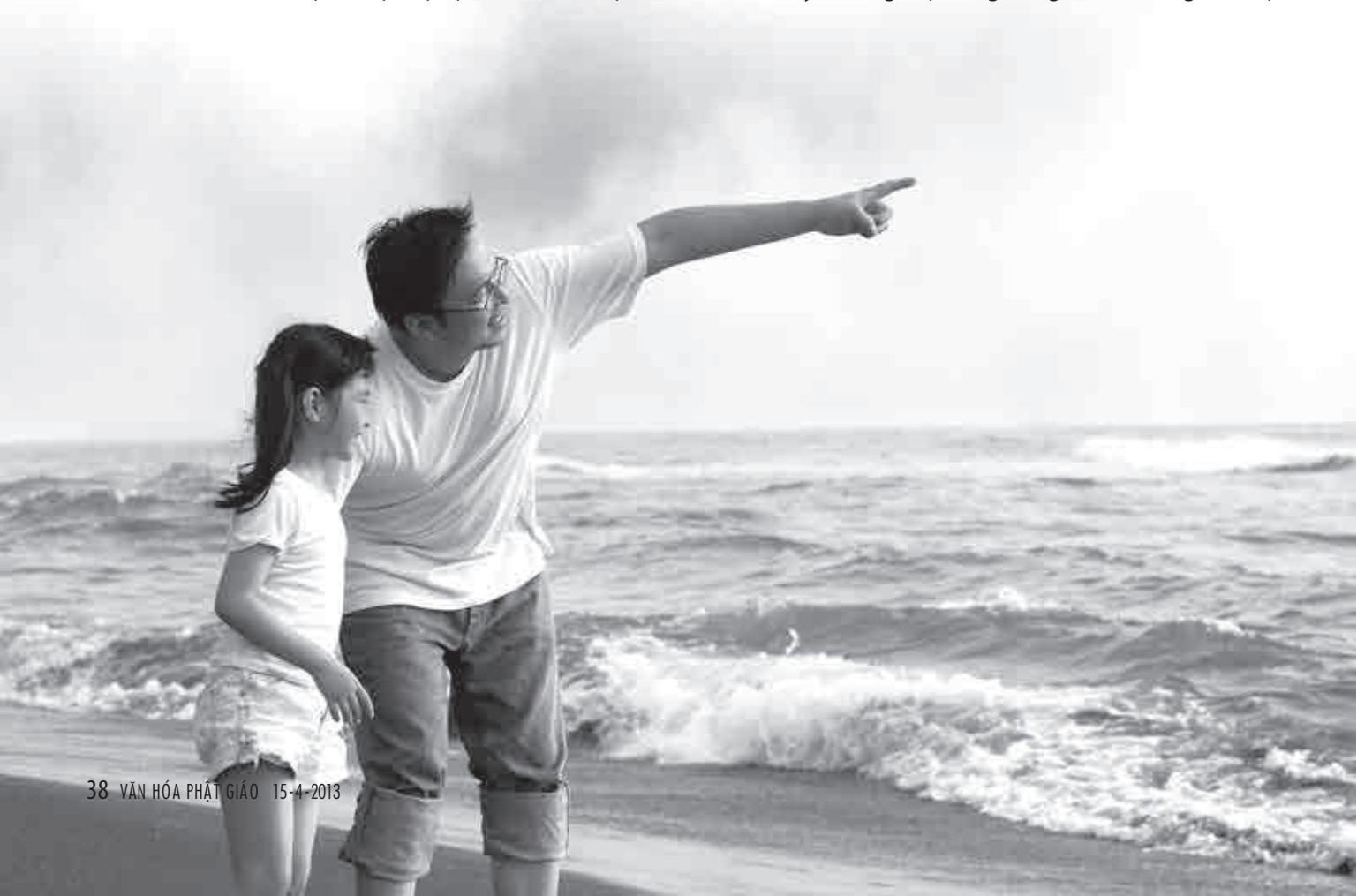
Vị Bồ-tát cùng đi với một đoàn thương nhân, biết được trong đoàn có một tên cướp sắp thực hiện hành vi ác độc là giết mọi người trong đoàn để cướp của. Bồ-tát (tiền thân của Đức Phật) nghĩ rằng nếu báo cho mọi người biết sự việc ấy thì tên cướp sẽ bị mọi người giết, nếu im lặng thì mọi người sẽ bị giết, đành nào các thương nhân và tên cướp đều gây nghiệp sát sinh. Cuối cùng, Ngài ra tay giết tên cướp. Phương tiện thiện xảo ở đây được tìm thấy trong nội dung câu chuyện nhưng chủ yếu là tính giáo dục về từ bi và trí tuệ qua phương tiện thiện xảo là sự việc gây ảnh hưởng về hai đức tính ấy cho mọi người. *"Trăm nhất miêu cứu vạn thứ"* là tinh thần chống kẻ ác cứu số đông người của đời Lý Trần ở Việt Nam và của một số nước Phật giáo ở châu Á. ■

Bài học về **kỹ năng sống** nằm ngay trong cuộc sống

LÊ HẢI ĐĂNG

Mấy năm trở lại đây, nhiều trường phổ thông nước ta thường tổ chức các hoạt động ngoại khóa nhằm huấn luyện về kỹ năng sống cho các em học sinh. Có nơi còn tổ chức những khóa học tập trung, như “Trại hè Thanh Đa,” “Trại hè trong quân đội,”... chưa kể bên cạnh đó còn có nhiều hoạt động đoàn thể của Đội, Đoàn hay Hướng đạo sinh... cũng nhắm đến nội dung rèn luyện về kỹ năng tương tự. Điều đó cho thấy tầm quan trọng của môn học này cùng sự khiêm khuyết về kỹ năng nói chung trong việc truyền dạy tri thức. Trong khuynh hướng ôm đồm nhiều mục tiêu của ngành giáo dục, sự khiêm khuyết, phiến diện trong chương trình đào tạo đã được thể hiện rõ rệt qua sự nở rộ các hoạt động ngoại khóa, bao gồm cả học thêm, học ngoại ngữ, luyện thi... tràn lan, phổ biến, tốn kém nhiều nhân lực, tài lực, vật lực của toàn xã hội.

Riêng môn Kỹ năng sống trong các hoạt động ngoại khóa, tuy góp phần bổ sung những khiếm khuyết về nội dung học tập ở nhà trường, trên thực tế vẫn mang tính chất “giải pháp tình thế”, “giáo khoa”, chưa có chuyển biến sâu sắc, chưa thoát khỏi quan niệm “truyền thống” về đào tạo kỹ năng. Đối với những môn học về kỹ năng, bản thân người học phải được thực hành thường xuyên, làm nhiều lần, lặp đi lặp lại mới có thể biến hành vi quen thuộc thành kỹ năng, từ kỹ năng thành thực đạt tới mức độ điều luyện sẽ trở thành kỹ xảo. Kỹ năng không chủ ở việc học, mà nằm ở việc hành, sự rèn luyện. Học kỹ năng sống không nhằm đạt chỉ tiêu về số lượng tiết học hay học phần, mà cần hướng tới việc thực hành thông qua quá trình rèn luyện. Trang bị kỹ năng sống giúp cho các em học sinh có khả năng đáp ứng được đòi hỏi thích nghi với những thay đổi có thể xảy ra trong cuộc sống. Thế gian vô thường, cha mẹ





không thể trải thảm đỏ nhằm nâng đỡ con em mình trên mọi chặng đường đời, giúp cho chúng không bao giờ gặp trắc trở. Vì thế, chúng ta phải có trách nhiệm truyền dạy cho các em cách đi trên chính đôi chân của chúng. Thương yêu bằng cách không cho các em làm gì chính là thương mà làm hại chúng. Vì thế mà thấy rằng môn học kỹ năng sống phổ biến trong và ngoài nhà trường bấy lâu nay xét về bản chất đã nằm ngay trong cuộc sống.

Trên thực tế, các khóa huấn luyện về kỹ năng sống chẳng cần tổ chức tốn kém, học tập đâu xa, mà có thể thực hiện hàng ngày ngay trong chính ngôi nhà của các em. Vấn đề nằm ở sự liên kết giữa các bậc phụ huynh, thầy cô giáo chuyên trách và nhà trường trong việc thiết kế nội dung cùng những kỹ năng cụ thể cho phù hợp với từng nhóm đối tượng. Kết quả của môn học được kiểm chứng thông qua hoạt động thực tiễn, đồng thời phản ánh tương ứng từ phía nhà trường, phụ huynh và học sinh. Việc đưa môn kỹ năng sống trong phạm vi làm việc nhà vào nội dung giáo dục từ lâu đã được áp dụng ở một số nước tiên tiến, nhất là ở Đức.

Có một phụ huynh từng đưa con gái sang Đức học ở nhờ gia đình quen. Tuần đầu tiên, cô con gái chỉ được đối xử như thượng khách, chẳng phải làm việc gì, cuối tuần tha hồ ngủ nướng, đi chơi... Đến tuần thứ hai, tuần lễ cô gái bắt đầu tới trường học tập trên nước Đức, chủ nhà nhắc nhở khéo về trách nhiệm làm việc nhà của vị thượng khách. Ban đầu, cô gái không tin vào "mệnh lệnh" tế nhị của chủ nhà, trong khi chính mắt mình thấy con gái bà chủ cũng tẻ tuổi mình phải làm việc nhà để nhận số tiền ít ỏi do hoàn thành trách nhiệm mỗi ngày. Cô hỏi con gái bà chủ: "Ở Đức tại sao trẻ em phải làm việc nhà?" Cô gái con bà chủ không khỏi ngạc nhiên, trả lời rằng: "Trẻ ở đây bắt đầu từ sáu tuổi đều phải làm việc nhà, đó là quy định của pháp luật. Vả lại, tiền ăn sáng hay tiền tiêu vặt có được là nhờ làm việc nhà, chứ cha mẹ chẳng cho không". Cô gái thượng khách bác lại rằng: "Cả ngày đi học mệt rồi, về nhà chẳng lẽ còn phải làm việc nữa?". Cô con gái bà chủ trả lời thản nhiên: "Thế chẳng lẽ cha mẹ chúng tôi kiếm tiền không mệt sao?". Cô thượng khách nhỏ nghe xong bỗng cảm thấy thẹn.

Cô gái này đến từ Trung Quốc. Hoàn cảnh trẻ em ở Trung Quốc giống hệt ở Việt Nam. Trẻ em lớn lên nhờ tình thương yêu của cha mẹ theo lối không cho làm gì cả. Thậm chí nhiều trẻ em chưa từng biết đối. Theo phương pháp giáo dục truyền thống minh triết của người Nhật, muốn trẻ nhỏ thông minh hãy bỏ đối mấy phần. Trẻ no đủ sẽ ít động não, ù lì, kém thông minh... Trẻ nhỏ trong những đô thị lớn của nước ta đã tăng nhanh căn bệnh dư cân, béo phì, còn làm việc nhà dường như vẫn phải nhờ đến sự tác động của hoạt động ngoại khóa có tên là Kỹ năng sống. Thay vì biến

các em thành ký sinh, các bậc phụ huynh hãy dạy cho các em thói quen biết lao động và yêu lao động. Nếu chúng ta cứ nghĩ rằng thương con có nghĩa là nuôi dưỡng, nuông chiều theo lối để cho con mình không phải làm gì, sẽ có lúc đến ngày gánh chịu hậu quả. Và xã hội trong tương lai sẽ càng có thêm nhiều phần tử, đối tượng ăn không ngồi rồi, ăn trên ngồi trốc, không làm việc gì mà muốn hưởng thụ, đi ăn cướp dưới nhiều hình thức khác nhau.

Làm việc nhà từ lâu đã được thể chế hóa bằng Luật – một cách thức pháp chế hóa khía cạnh hành vi mà ở ta lâu nay vẫn bị liệt vào phạm trù đạo đức - theo tư duy đưa cuộc sống vào luật (chứ không phải đưa luật vào cuộc sống). Căn bệnh vô cảm thường bị lên án bấy lâu nay một phần được hình thành từ chính cách thức giáo dục của các bậc phụ huynh, nhà trường, những người gửi gắm niềm tin vào tương lai xán lạn của con em mình trên cơ sở tước mất điều kiện cho các em cảm nhận cuộc sống, học một cách mù quáng, vô tri, dẫn tới vô cảm, ù lì. Học nhiều không đồng nghĩa với thông minh, trưởng thành... Chiếc cặp nặng trĩu trên vai các em mới chỉ cho thấy khía cạnh vô tri một chiều, chứ chưa thấy hành trang trên vai các em bước vào tương lai. Bên trong chiếc cặp có thể nói còn quá nhiều kiến thức vô bổ, lỗi thời, không xác định được trách nhiệm của học sinh đối với tương lai. Học sinh chỉ biết tuân phục nhằm tiêu hóa mới kiến thức nặng nề, mà chưa thấy trách nhiệm rõ ràng từ phía ngành giáo dục trong việc biến kiến thức thành trách nhiệm của các em đối với bản thân và đất nước. Tư duy giáo dục tại các nước tiên tiến từ lâu đã chuyển đổi từ quan niệm "Lấy hiện tại ra để kế thừa quá khứ" sang "Tương lai quyết định hiện tại". Theo đó, ngành giáo dục phải giúp cho các em học sinh: Thích nghi được với xã hội đương đại; Có khả năng tự lý giải; Biết mình đang đầu tư gì cho tương lai; và Biết biến toàn bộ kiến thức thu nhận được trở thành trách nhiệm đối với tương lai. Kiến thức tiếp thu ở nhà trường mà không được sử dụng trong tương lai kể như vô bổ và lãng phí.

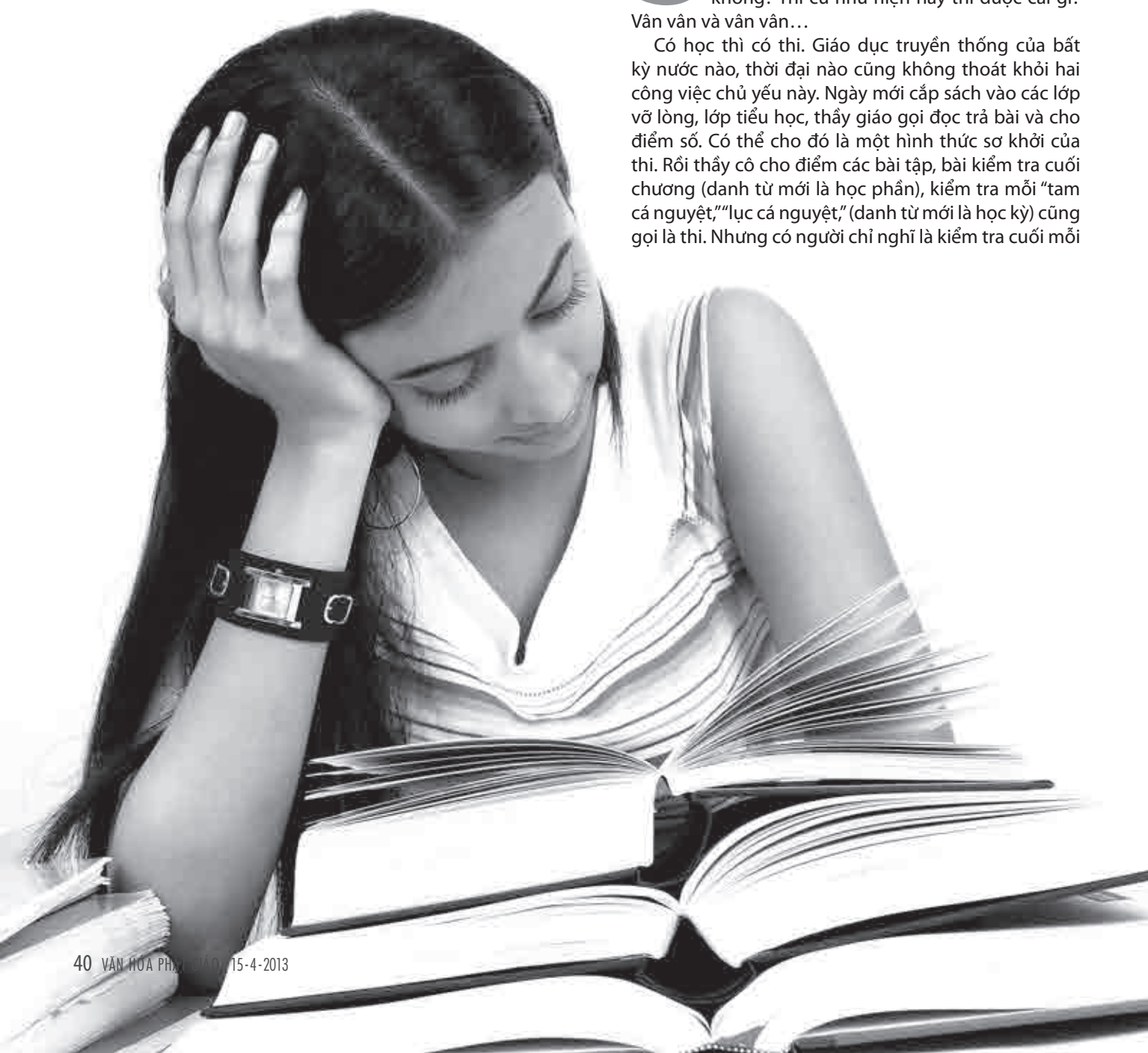
Mọi sự thay đổi đều khởi đầu từ tư tưởng và kết thúc bằng thói quen. Thói quen như tòa "lô cốt" kiên cố, khó phá vỡ trong hành vi con người. Sự thay đổi của tư tưởng, nhận thức đôi khi bị trở lực của thói quen làm cho vô nghĩa. Trong những trường hợp đó, nhận thức giống như bộ luật của lý trí có tác dụng dùng để phán xét thay vì biến thành động lực để chuyển hóa thành hành động. Trong số những người có năng lực phản biện lại tính bất hợp lý của thói quen, số người có khả năng thay đổi nó bao giờ cũng chiếm số ít. Đặc biệt, thói quen khó thay đổi nhất thường ẩn náu trong thành trì của nền giáo dục - nơi mệnh danh là thánh đường tri thức luôn đòi hỏi phải có những bước đột phá, không ngừng sáng tạo. ■

Học và thi

NGUYỄN VĂN ƯƠNG

Sáng nay, tôi cùng mấy người bạn nhà giáo nghỉ hưu chuyện phiếm bên ly cà phê. Chuyện về việc học hành, việc thi cử thì mỗi người mỗi ý, không ai chịu ai. Có cần phải thi không? Thi cử như hiện nay thì được cái gì? Vân vân và vân vân...

Có học thì có thi. Giáo dục truyền thống của bất kỳ nước nào, thời đại nào cũng không thoát khỏi hai công việc chủ yếu này. Ngày mới cấp sách vào các lớp vỡ lòng, lớp tiểu học, thầy giáo gọi đọc trả bài và cho điểm số. Có thể cho đó là một hình thức sơ khởi của thi. Rồi thầy cô cho điểm các bài tập, bài kiểm tra cuối chương (danh từ mới là học phần), kiểm tra mỗi "tam cá nguyệt," "lục cá nguyệt," (danh từ mới là học kỳ) cũng gọi là thi. Nhưng có người chỉ nghĩ là kiểm tra cuối mỗi



cấp học hay tuyển vào một chức danh, trường học mới gọi là thi. Và từ đó, ai cũng mặc nhiên gọi là thi chỉ đối với các kỳ thi hoàn tất bậc tiểu học, hoàn tất bậc trung học đệ nhất cấp, thi tú tài hay thi tuyển vào lớp đệ thất trung học, vào đại học.

Tôi đã trải qua tất cả các loại kỳ thi đó và tôi cảm thấy bình thường, không có gì là nặng nề, cần phải bàn cãi về sự tồn tại của nó. Tôi đã lỗi thời, lạc hậu chăng?

Thi là để khẳng định trình độ tiếp thu của người học. Có nhiều điều phải học nên cũng có nhiều cách tiếp thu, nhiều kết quả được tiếp thu. Cái quan trọng trong giáo dục là kiến thức, tri thức giữa người dạy và người học. Thi cử ngày trước chú ý nhiều vào cái được tiếp thu của người học. Chương trình thi có sẵn đó rồi, anh tiếp thu đến đâu, đạt yêu cầu tối thiểu cần có chưa? Nếu đã đạt thì đỗ; đạt nhiều, được xếp loại cao: ưu, bình, bình thứ; đạt vừa đủ thì được xếp loại thứ; không đạt thì hỏng. Tỷ lệ đỗ, hỏng bao nhiêu là tùy khả năng học trò. Thi cử khách quan, đánh giá nghiêm túc, xã hội đề cao, tôn trọng bằng cấp, chính quyền công nhận trình độ, sử dụng kết quả vào việc đề bạt, bố trí con người vào các công việc cần thiết, phù hợp khả năng mà mảnh bằng chứng nhận. Vậy thì thi có gì là dư thừa? Có gì là gánh nặng mà nhiều người cứ loay hoay đòi bỏ?

Nhưng nhìn lại không phải là họ không có lý.

Tôi sinh ra và lớn lên ở một vùng quê đất học truyền thống. Thời đó, trường học được tổ chức chặt chẽ, thầy dạy dỗ nhiệt tình, học trò học tập tích cực, thi cử nghiêm túc. Đến mùa thi, toàn xã hội như sống trong không khí thi cử. Ngày thi trung học, thi tú tài, mọi hoạt động của thành phố có vẻ như chậm lại, mọi người dành hết tâm trí vào những sỹ tử trong trường thi. Người có con cháu đi thi lo lắng đã đành; bà con xóm giềng có lời hỏi han, động viên chúc mừng; bạn bè thì hỏi hòm hòm nhau tái ngộ chờ kết quả. Đường phố tràn ngập xác hoa phượng đỏ và râm ran tiếng ve rền. Mấy cô cậu gặp nhau trên đường đến trường thi, mới xa nhau chừng non tháng mà ai cũng thấy như già thêm mấy tuổi, da nhăn nheo, bạc thềch, đôi mắt đờ đẫn thiếu ngủ. Thế rồi kết quả cũng đến. Người đỗ thì vui mừng rủ nhau vào các cuộc họp mặt vui chơi lấy lại sức. Người hỏng thì mặt buồn xo, lên kế hoạch học tiếp, chuẩn bị kỳ thi sau. Có người thiếu duyên phận với học hành, than trách mãi: *"Ai đem vỏ chuối liệng sân nhà trường"*. Những anh trượt *"vỏ chuối"* nhiều lần đành ca cẩm bài: *"Hồng tú tài anh đi trung sỹ..."* dùng lại chuối đời học trò thơ mộng.

Mùa thi cũng để lại nhiều kỷ niệm đẹp của quãng đời học sinh hoa bướm: những đêm thức mòng mắt, gục mặt trên trang sách; những ly cà phê đậm đặc; những buổi tối nóng nực, chiếm lĩnh các trụ đèn đường trên cầu ngang sông, cùng bạn bè trao đổi học tập; những trưa nắng nóng quanh quần bên gốc bàng, gốc me trong Đại Nội, tay cầm sách, miệng lầm nhảm như vị

đạo sỹ làm phép trừ ma, yểm quỷ; những khát hẹn chẳng thể vì *"Mùa thi đã đến... em thơ/ Cái hôn âu yếm xin chờ năm sau (thơ Xuân Diệu)"*; những quyết tâm đẩy về bông đùa: *"Phen này tớ hỏng tớ đi ngay (thơ Tú Xương)"*, và chàng ta hỏng thật, đành phải vào trường đào tạo trung sỹ.

Tôi cũng nhớ nhiều những cảm giác mùa thi. Dù có phải bị chê là thiếu khiêm tốn tôi cũng phát biểu tự tin rằng nếu anh học hành tử tế, nắm vững vừa đủ kiến thức cấp học thì việc đỗ hoàn tất một bậc học là không khó khăn. Nếu bài nào học sinh cũng nắm được kiến thức cơ bản ngay từ trong lớp thì cuối năm ôn tập để đi thi trở nên nhẹ nhàng, hiệu quả. Thi cử không có gì là nặng nhọc cả, không có gì để bị qui kết là đánh mất tuổi thơ, là gánh nặng quá đỗi cho xã hội đổ vào việc không cần thiết. Cái lý của những người đòi bãi bỏ các kỳ thi, có lẽ bắt nguồn từ nguyên nhân khác.

Hiện nay, mỗi năm, khi mùa thi gần đến, trường học hy sinh các môn phụ (!), tắt bật mở các khóa bồi dưỡng luyện các môn thi. Phụ huynh lo lắng tìm cho con các lò luyện thi *"tiếng tăm"* (!). Học sinh nhôi nhét các kiến thức *"tủ"*; tìm trang bị các *"phao"* làm bùa hộ mệnh. Không ít gia đình và học sinh còn nhờ cậy *"thần linh"* độ trì. Việc vào Văn Miếu khấn vái và sờ đầu rùa bia tiến sỹ, việc lễ bái các đền chùa, các miếu mạo mà họ cho là linh thiêng, có khả năng độ trì cho việc thi cử, họ còn nhét tiền *"hối lộ"* vào tay, miệng các pho tượng thánh thần; họ kiêng cử thức ăn này, dung nạp thức ăn nọ để đuổi xui, rước hên... không phải là khó gặp trong mỗi mùa thi. Dĩ nhiên trả giá vật chất cho những hao phí này không phải là nhỏ. Còn về tinh thần thì khó tính được sự mất mát đối với khả năng tự học, sự trung thực, tính tự chủ, tự tin, tự trọng. Con người đã đánh mất mình để mua lấy sự tin tưởng mù quáng, sự dựa dẫm mờ ám đáng ngờ.

Cũng còn một lý do nữa là từ người tổ chức học, tổ chức thi. Cái chương trình thi hàn lâm, cao vời vợi, xa thực tế, không phù hợp yếu tố tâm sinh lý lứa tuổi mà điều kiện để chuyển tải không được trang bị đủ (trang bị không chỉ ở việc cung cấp điều kiện vật chất mà cả việc đãi ngộ, đào tạo con người làm việc chuyển tải đó). Bất kể việc học, việc thi thế nào, cấp trên dõng xuống buộc cấp dưới phải đạt tỷ lệ đỗ thật cao. Tỷ lệ hoàn tất bậc học một, hai số 9 chưa bằng lòng, phải ba số 9 hay bốn số 9 mới an tâm. 99.99% không phải là *"trăm phần trăm"*! Thi cử như thế là *"khách quan"*, đánh giá *"đúng thực chất"* (!). Từ đó sinh ra các trò ma mãnh từ cấp cao đến cấp thấp, lan ra cả các sỹ tử. Tổ chức một kỳ thi tú tài toàn quốc tốn hàng trăm, hàng ngàn tỉ để tìm vài trăm sỹ tử *"không may hỏng"* trong hơn triệu học sinh. Trong số các tú tài mới đỗ nộp đơn thi vào đại học, có hàng ngàn bài bị điểm không (0) là hồi âm của kỳ thi cho các vị lãnh đạo giáo dục. Thế thì thi làm gì cho phí cả đồng công sức và tài sản xã hội. Bỏ đi là vừa!

Nhớ lại năm tôi thi trung học đệ nhất cấp, cả thành phố Huế chỉ tổ chức hai hội đồng thi. Một hội đồng chấm bài chung. (Hình như còn chấm bài cho các tỉnh khác tập trung về). Thí sinh dự thi không chỉ chính thức là học sinh các trường công lập, bán công, tư thục mà còn các thí sinh tự do là học sinh tự học, công chức, binh lính... tham gia. Đề thi dùng chung cho tất cả thí sinh trong cả nước. Hội đồng chấm theo thang điểm chung cho các bài thi, không phân biệt đối tượng. Không có chế độ chiếu cố, ưu đãi hạ điểm cho bất cứ đối tượng thí sinh nào. Ai đủ điểm là đỗ, thiếu điểm là hỏng, không kể anh là thí sinh chính thức hay thí sinh tự do. Học sinh tốt nghiệp thì được chuyển vào học tiếp lớp đệ tam hay nộp đơn thi vào các trường chuyên nghiệp như sư phạm, y tế, nông lâm súc, cán sự... Binh sỹ, công chức tốt nghiệp thì được nâng lương, lên chức, cải ngạch... Kỳ thi trung học đệ nhất cấp tổ chức rất sớm, thường vào cuối tháng Tư để thời gian sau dành cho các kỳ thi tú tài 1, 2 (thi hai kỳ mỗi năm) và các khóa thi vào trường chuyên nghiệp, đại học. Các kỳ thi dù ở cấp nào, chỉ một trình độ phải đạt, một mẫu bằng chung chứng nhận trình độ của người đỗ, không phân biệt là thí sinh tự do hay thí sinh chính thức. Không có các loại bằng riêng cho các đối tượng dự thi như hiện nay: chính quy, chính thức, bổ túc, tại chức, từ xa,...

Năm ấy, kết quả kỳ thi công bố hơn một tuần trước kỳ Phật đản. Tôi thật rảnh rang để theo bạn bè tham gia vào lễ Phật từ các khuôn hội, rước xe hoa khắp thành

phố và ngày rằm theo đoàn người nườm nượp thăm các chùa chiền. Nghỉ chân khá lâu trên chùa Thiên Mụ, khi khách vãn chùa đã thưa, chiều đã nghiêng bóng khuất rặng cây sau chùa, một đám học sinh chúng tôi ngồi ở bậc cấp trước cổng chùa nhìn mặt sông im bóng. Cây phượng ngã bóng xuống dòng sông còn đỏ chói một màu tươi tắn tuổi học trò. Tâm hồn nhẹ lâng, thanh thản. Có niềm vui nào bằng cảm giác một người vừa hoàn thành cấp học trong không khí đầm ấm, vui tươi với bạn bè bên khung cảnh trang nghiêm, huyền diệu này. Một hoài niệm đẹp về mùa thi và đời học trò theo tôi mãi...

Dân tộc ta có truyền thống hiếu học. Lịch sử dân tộc mỗi thời kỳ đều có người tài xuất hiện. Kinh nghiệm người xưa từng đúc kết thành nguyên lý: "Hiển tài là nguyên khí quốc gia...". Một nền giáo dục, một chế độ thi cử làm mai một nguyên khí quốc gia là có tội với Tổ quốc. Không ít các học sinh Việt Nam xuất sắc thành đạt và làm việc ở nước ngoài. Đó là sự mất mát chất xám lớn lao mà trách nhiệm chính không thể bỏ qua vai trò của nền giáo dục trong nước. Ngày nay việc học, việc thi còn nhiều vấn đề phải bàn. Không phải bàn về có cần hay không mà phải bàn việc phải làm là gì? Làm như thế nào? Những ai có trách nhiệm nếu có tâm nghĩ đến cái chung, bớt đi vài phân tính toán, vun vén đầu cơ cho lợi ích cá nhân, gia đình, băng nhóm thì việc học hành, thi cử chắc sẽ không đến nỗi nào! Chúng ta chờ xem. ■

CÁC ĐƠN VỊ, CÁ NHÂN TẶNG BÁO VHPG NĂM 2013

Ban Biên tập *Văn Hóa Phật Giáo* đã nhận được một số thư đề nghị tặng báo, Tòa soạn đã chuyển đề nghị trên đến các đơn vị, các doanh nhân Phật tử và thân hữu; năm mới 2013, các cá nhân, đơn vị hưởng ứng tặng báo *Văn Hóa Phật Giáo* đến các chùa, trường Phật học, trung tâm xã hội trọn năm với danh sách như sau:

Một độc giả : 50 cuốn/kỳ
Ô. Vũ Châm, Vina Giấy : 38 cuốn/kỳ
Ô. Phạm Văn Nga : 40 cuốn/kỳ
Bà Huỳnh Kim Lưu : 30 cuốn/kỳ
Nhà hàng Tib, Hai Bà Trưng : 25 cuốn/kỳ
PT Chánh An & Chơn Hòa : 14 cuốn/kỳ
Cư sĩ Lương Trung Hiếu : 12 cuốn/kỳ
Đđ. Thích Viên Anh + Đđ. Thích Viên Hải,
 Chùa Bảo Ân : 12 cuốn/kỳ
Cô Nga : 10 cuốn/kỳ
PT. Tâm Hiên, Tâm Hoa (USA) : 10 cuốn/kỳ
Ô. Văn Cát Tiên : 10 cuốn/kỳ
Ô. Huỳnh Văn Lộc, Q. BT : 10 cuốn/kỳ
Tác giả Miền Ngọc : 10 cuốn/kỳ
Nhà sách Thái Hà : 10 cuốn/kỳ
Bà Lương Thị Ngọc Hạnh, Q. 5
 PD: Diệu Đức : 10 cuốn/kỳ
Ô. Trần Quốc Định : 10 cuốn/kỳ
Bà Lý Thu Linh : 9 cuốn/kỳ
Phật tử Diệu Định : 8 cuốn/kỳ
Phật tử Nguyễn Thị Hoa : 7 cuốn/kỳ
Cô Cẩm Hà (USA) : 6 cuốn/kỳ
Hồng Phúc & Xuân An : 6 cuốn/kỳ
Ô. Võ Ngọc Khôi : 6 cuốn/kỳ
Bà Tôn Nữ Thị Mai, Q. BT : 5 cuốn/kỳ

Ô. Nguyễn Mạnh Hùng,
 C.T.C.P. ThaiHa Books : 5 cuốn/kỳ
Cửa hàng Tâm Thuận : 5 cuốn/kỳ
Cô Tú Oanh, Hà Nội : 5 cuốn/kỳ
Ô/Bà Nguyễn Văn Bàn, USA : 5 cuốn/kỳ
Phật tử Trương Trọng Lợi : 5 cuốn/kỳ
Ô. Lê Xuân Triều, Q. BT : 5 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Kim Sơn, Q. 2 : 5 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Thị Ngọc, Phan Thiết : 5 cuốn/kỳ
Lakinh.com : 5 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Hòa : 4 cuốn/kỳ
Bà Trần Thị Bích Trâm : 3 cuốn/kỳ
Bà Lê Tự Phương Thúy : 3 cuốn/kỳ
Bà Lê Thị Thu Thanh : 3 cuốn/kỳ
Bà Phạm Thị Kim Anh : 3 cuốn/kỳ
Cháu Thiên An : 3 cuốn/kỳ
Phật tử Diệu Ân : 2 cuốn/kỳ
BBT www.thuongchieu.net : 2 cuốn/kỳ
Chị Tuyên,
 CT TNHH Cơ khí Mê Linh : 2 cuốn/kỳ
Bà Kim Anh, Q. 2 : 2 cuốn/kỳ
Phật tử Từ Minh : 2 cuốn/kỳ
BBT Viện khongtu.com : 2 cuốn/kỳ
 CT TNHH SXTM

Nén Hạnh Phúc, Q. BT : 2 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Cao Nguyệt Ánh : 2 cuốn/kỳ
CTy TNHH Thép Thiên Tâm : 2 cuốn/kỳ
Phật tử Thiện Thành, Q. 6 : 2 cuốn/kỳ
Ô. Lê Hưng Khanh, Gò Vấp : 2 cuốn/kỳ
Nguyễn Dũng : 2 cuốn/kỳ
Phật tử Quảng Mỹ : 1 cuốn/kỳ
Cô Diệp Anh và Chị Ngân : 1 cuốn/kỳ
Cô Kim : 1 cuốn/kỳ
Phật tử Chánh Hiếu Trung : 1 cuốn/kỳ
Phật tử Bùi Quang Việt : 1 cuốn/kỳ
Thầy Hạnh Thông, T.C.P.H.Đ.N. : 1 cuốn/kỳ
CTy Dược phẩm Phúc Thiện : 1 cuốn/kỳ
Chị Kiều Oanh : 1 cuốn/kỳ
PT. Nguyen Thuan
 (namgiaio1942@yahoo.com) : 1 cuốn/kỳ
Cô Châu : 1 cuốn/kỳ
Tổng số báo tặng kỳ này: **439 cuốn**
 Mọi thông tin về chương trình tặng báo đến các chùa, trường, thư viện, trung tâm xã hội..., xin liên lạc: **Tòa soạn, Phòng Phát hành VHPG: (08) 3 8484 335.**
 Email: vanhoaphatgiao@vnn.vn, hoặc toasoanvhp@gmail.com
Ban Biên tập

Ở² rê²

DẠNG TRUNG THÀNH

Em thân yêu,
 Ngày về nhà em ở rể, anh bị mọi người soi mói với cặp mắt xem thường đến lạ. Hàng xóm lời ra tiếng vào rằng: “Tướng tá coi vậy mà ăn bám nhà vợ”. Nghe những câu nói đó anh buồn lắm, nổi tự ái đàn ông dâng trào trong lồng ngực, nhiều lúc muốn đưa em về quê anh cho xong chuyện, dẫu nghèo nhưng vẫn nhẹ lòng hơn. Nhưng em và cả ba má em khuyên nhủ hết lời nên một phần nào xoa dịu nỗi buồn trong anh.

Thực ra ngày trước gia đình anh cũng khá giả, có đến vài cửa hàng kinh doanh chứ nào thua kém gì ai. Bản thân anh cũng là một chàng sinh viên lịch lãm, ga-lăng, được nhiều cô gái mến mộ. Nhưng rồi chuyện không thể ngờ được khi tài sản gia đình anh tan theo mây khói chỉ vì chuyện đổ đen của ba mẹ. Mẹ anh vì ham mê để đóm mà nợ nần chồng chất, mấy tiệm kim hoàn phải đóng cửa vì bị chủ bạc xiết nợ. Mấy cửa hàng xe gắn máy cũng trở thành nhà kho trống hoác vì ba anh đã thế chấp ngân hàng để đi đánh bài. Anh bàng hoàng trước cảnh không may xảy đến bất ngờ như vậy. Ngậm ngùi dở dang chuyện học hành, anh đi làm kiếm tiền trang trải cho cuộc sống cá nhân và phụ giúp gia đình. Từ một chàng công tử bột chẳng biết làm gì, anh biến mình thành một người lao động hăng say, làm việc không ngơi nghỉ. Anh chỉ mong mình cố gắng làm kiếm thật nhiều tiền để trả nợ cho ba mẹ. Nhưng anh quá hoang đường, vì với đồng lương ít ỏi của một người làm công thì không bao giờ đủ để giải quyết số nợ khổng lồ.

Rồi em đến cứu vớt đời anh. Anh chẳng cho em được gì ngoài tình cảm. Ngược lại, em đã giúp đỡ anh cả về vật chất, lại chân tình khuyên nhủ và động viên anh vượt qua nỗi buồn này. Chỉ quen nhau nửa năm thôi đủ để anh thấy em quan trọng trong cuộc đời anh như thế nào. Gạt hết những phong lưu, đa tình sang một bên, anh cầu hôn em và em nhận lời trong hạnh phúc. Đám cưới chúng ta không rình rang, hoành tráng để

tránh sự dòm ngó của các chủ nợ. Một bữa cơm giản dị thay cho bữa tiệc linh đình cũng đủ làm vợ chồng và gia đình hai bên ấm cúng.

Sau đám cưới, em khuyên anh nên về nhà em, giúp gia đình em quản lý số nông trại. Lúc đầu anh do dự vì nghĩ rằng thật mất mặt khi phải về quê vợ, rồi còn ăn bám lẫn phụ thuộc công việc từ nhà vợ. Nhưng những lời tha thiết của em đã cảm hóa anh. Thôi kệ, về quê biết đâu đổi đời - anh nghĩ thế! Những tháng đầu tiên ở quê em, anh không dám giao tiếp nhiều trong xóm vì sợ điều tiếng; anh sợ nhất thông tin ba má anh thiếu nợ lọt đến nơi đây. Em ân cần dắt anh đi làm quen khắp xóm, rồi chỉ dẫn anh cách lấy lòng họ. Em còn khuyên anh: “Vợ chồng mình cố gắng làm thật tốt, rồi ba mẹ giao vườn trái cây riêng, lúc đó người ta sẽ nhìn anh bằng cặp mắt dễ chịu hơn.” Nghe lời em, anh gạt bỏ chuyện tự ái, mặc cảm mà lao vào làm quần quật. Sau những tháng ngày miệt mài dãi nắng dầm mưa, tưới nước, bón phân cây trái... cuối cùng ba mẹ cũng cho vợ chồng mình một mẫu xoài đương vụ. Nhìn vườn xoài sắp thu hoạch, anh vui lắm, thầm cảm ơn nhà vợ, cảm ơn em. Cũng từ đấy, hàng xóm bắt đầu thân thiện với anh.

Khi đã thu hoạch xong vụ đầu tiên, em khuyên anh đem số tiền này để trả nợ cho ba mẹ. Điều này làm anh thảng thốt hơn, không có xúc động nào hơn thế. Anh thỏ thẻ: “Đây là công sức của vợ chồng mình, anh không thể làm của riêng rồi đem về trả nợ cho nhà anh được. Như vậy thật bất công với em”. Em cười, nụ cười trong trẻo như bông xoài lờ vụ, đẹp và ngọt ngào: “Mình nên giải quyết cái khó khăn trước mắt, anh ạ! Thấy anh buồn, em cũng chẳng vui gì!”. Anh chẳng biết nói gì hơn, lòng tự hứa sẽ không làm em thất vọng. Ngẫm lại khoảng thời gian chúng ta yêu nhau rồi lấy nhau, anh thấy mình nợ em rất nhiều, em ơi!

Thư này là tiếng lòng của anh. Anh không gửi cho em, nhưng anh vẫn mong em đọc được. Qua đó, em hiểu rõ sự yêu thương trân trọng mà anh dành cho em. ■



Cõi Niết-bàn tuổi thơ

TỪ SÂM

Quê tôi, Nguyệt Áng*, là một làng nhỏ miền Trung. Xưa, cách làng một quãng đồng về phía Nam, có ngôi chùa nhỏ. Cửa chùa mở về hướng Tây, nhìn về đỉnh Thần Đinh*, ngọn núi linh thiêng thuộc dãy Trường Sơn.

Chùa được xây vào khoảng đầu thế kỷ 20, nằm giữa đồng vắng, bốn bề nắng gió. Lên năm lên sáu tuổi, tôi vẫn chưa một lần vào chùa nhưng tôi đã cảm nhận được sự giao hòa giữa dương gian với âm cảnh qua tiếng chuông và qua lời mẹ tôi. Khi gà gáy phiên cuối, tôi còn mơ ngủ, mẹ tôi chuẩn bị gồng gánh đi chợ Cổ Hiến*, bố tôi pha ấm trà đặc trầm ngâm nhìn ánh trăng hạ tuần chiếu qua khe cửa là lúc tiếng chuông thức giấc. Tiếng “boong, boong” thả vào khoảng không mờ đục, xuyên qua làn sương sớm, lay động giọt trăng đậu trên cành lá. Tiếng ngân dài lan xa, rất xa rồi chìm vào tiếng sóng của dòng Kiến Giang* có mái chèo khua nhẹ, xuôi theo tiếng gió tràn qua phá Hạc Hải* mênh mông. Tiếng ngân như tiếng hò khoan, lúc thưa lúc nhặt, như tiếng lúa hát, như lời mây bay. Tiếng chuông đưa mùi hương cốm ai già

sớm, bay xa, hòa vào tiếng đế ríu ran thành bản nhạc. Tiếng chuông như bàn tay chị nhẹ nhàng đánh thức giấc ngủ vui. Tiếng chuông diu mặt trăng xuống núi, nâng mặt trời từ biển lên, một ngày mới bắt đầu.

Mẹ tôi không theo đạo Phật, tôi đoán thế, vì bàn thờ không treo ảnh Phật Bà Quan Âm, nhưng ngày rằm, mồng một bà vẫn thường ăn chay. Rằm tháng Bảy, nghe tiếng chuông lúc trầm lúc bổng, mẹ tôi bảo đó là ngày người dương thế gặp người cõi âm nên tiếng chuông cũng vậy. Tiếng trầm là âm cảnh, tiếng bổng là dương gian. Khi tiếng chuông nằm lại, cũng là lúc những nén nhang đã tàn. Mẹ tôi rắc gạo muối quanh vườn và cầu khẩn. Mẹ nói là cầu mong có chốn lưu thân cho những âm hồn phiêu bạt.

Tôi lớn lên trong tiếng chuông chùa. Sự vật đổi thay, tiếng chuông cũng khác. Năm đói kém, tiếng chuông buồn thao thiết như cố làm đầy chén cơm vơi nửa của tôi. Mùa lạnh giá, tôi run cầm cập đến trường, tiếng chuông ngăn lại như áp vào tấm lưng nhỏ bé ngọn lửa ấm. Mùa lũ lụt, tiếng chuông đục ngầu trôi nổi lênh đênh...

Tôi thường theo mẹ lên thăm cô tôi ở thôn Trường

Dục*, con đường mòn nhỏ đi qua trước cửa chùa. Cách vài chục bước, tôi thấy mẹ thường chỉnh lại áo quần, cất nón trên đầu và nhắc tôi im lặng. Mẹ tôi bảo để cho Phật tịnh tâm cõi Niết-bàn.

Lần đầu tôi sợ hãi khi thấy trước cổng tam quan những ông hổ nhe nanh, giương vuốt móng, những vị quan hàm én cầm búa cầm đao. Mẹ bảo, các ông ấy dữ nhưng là dữ với cái ác, nhưng lại che chở cái hiền. Phật ở trong tâm, mình làm điều lành thì Phật phù hộ, trời cao thấy hết chúng sinh.

Năm tháng đi qua, tôi trở thành niên thiếu còn mẹ tôi đã là người cõi âm. Một mình lên thăm cô tôi, nhớ lời mẹ, tôi xoa quần, xách dép và lặng lẽ khi đi qua cửa chùa. Những lúc trời tối, tôi không sợ vì có ông hổ, ông quan che chở cho mình.

Vài năm sau, phong trào chống mê tín dị đoan rầm rộ, cúng tế thưa dần và tiếng chuông chùa cũng tắt lịm. Một đêm, trăng sáng đến nỗi tôi không nhìn thấy trời, trời chỉ là bóng đen u uất. Bọn trẻ xúm nhau nhỏ to gió đó rồi chạy về phía chùa, tôi chạy theo. Đến nơi, tôi chen qua đám đông và lẫn vào trong. Lần đầu tiên trong đời tôi được vào chùa. Chỉ có mấy năm vắng tiếng chuông mà ngôi chùa như nhà hoang, mái ngói hở ra từng mảng, ánh trăng rách rứt chảy xuống rung rúc vỡ tan dưới nền nhà loang lổ. Những ông Phật già nua, ốm o lưng trần lạnh lẽo, mặt đầy bụi, mắt ngấn lệ. Những ông Phật áo xống tả tơi chau mày đau khổ như gánh hết cơ cực của nhân gian. Phía góc xa, chân hương gió bạt. Ở chính điện nước mưa đọng vũng bệ thờ.

Người ta đưa Phật đi về phía Bình Thôn*, ở đó cũng có một ngôi chùa.

Tôi không biết vì sao đêm ấy trăng sáng đến thế. Trăng sáng để soi rõ mặt người, tôi nghĩ thế.

Tôi nhớ lời mẹ dặn "trời cao thấy hết chúng sinh".

Vài ngày sau, dân quân súng ống, cuộc xéng đập chùa một cách rầm rộ, họ san bằng như bom phá. Ông

hổ, ông quan dưới tay họ lặng lẽ đầu hàng và tan tác từng mảnh.

Người ta xây trên nền chùa một lò gạch, do có nền cao không bị ngập lụt.

Mỗi lần tôi lên thăm cô tôi, trời tối không còn ông hổ, ông quan che chở, tôi sợ hãi cầm cổ chạy thật nhanh.

Lớn lên. Xa làng. Về quê, tôi trở lại thăm nơi chùa cũ. Trong tiếng còi inh ỏi, tiếng nhạc xập xình giữa khu dân cư ồn ào náo nhiệt. Trên nền đất, trong phế tích vẫn còn hồn xưa nếp cũ, cỏ vẫn xanh rì mãi miết như cố níu lại hơi ấm chân người qua đây một thuở có còn không?

Tôi cởi giày, bỏ mũ, lặng im như lời mẹ dặn thuở nào. Những hồi chuông dội vào hồn tôi, từng hồi, từng hồi mừng rỡ như gặp lại người xưa, như nước nở sẽ chia những oan ức nghiệt ngã. Tiếng gươm đao, tiếng hổ gầm giữa thời loạn lạc. Tiếng kinh cầu rầm ran trong khói hương huyền ảo, tiếng đất dậy sóng một thời. Trong tiếng kinh cầu đó có tiếng sám hối của những người đập chùa hay không???

Cũng vắng trăng đó, cũng bầu trời đây; thiếu tiếng chuông chùa, thế gian cô đơn như đời tôi vắng mẹ. Rằm tháng Bảy, có còn ai vẩy gạo muối trong vườn để những âm hồn trẻ thơ đỡ phần hồn tử?

Mấy chục năm rồi, đau đáu trong tôi câu hỏi, những ông Phật giờ lưu lạc nơi nao???

Bỗng vang lên thông thả tiếng chuông chùa và câu hát mẹ ru tôi còn vắng vắng đâu đây:

Ru ru riển riển rà rà

Voi ông đi trước ngựa bà đi sau

Đi sau lưng lẳng con cau

Ngó nhà mấy cột ngó cau mấy buồng.

Cõi Niết-bàn là nơi cực lạc. Với tôi, tuổi thơ cơ cực nhưng cảm ơn đời cho tôi đã gặp cõi Niết-bàn. ■

* Những địa danh thuộc huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.





Bỏ phí thức ăn là có tội

NGUYỄN LAI TRUNG

Tối hôm đó chương trình thời sự trên truyền hình có một đoạn tin ngắn nói về đám cưới linh đình của một gia đình thuộc tầng lớp người giàu có ở Ấn Độ. Thức ăn được dọn ra thừa mứa phải đem đổ đi khi tan tiệc cưới. Trong lúc đó đa số dân Ấn Độ rất nghèo đói, sống bữa đói bữa no rất khổ sở.

Và bản tin kết thúc với câu nói của một nhà hoạt động xã hội "Việc bỏ phí thức ăn trong lúc nhiều người không có cái ăn là có tội".

Những ai có dịp viếng thăm Ấn Độ đều có thể chứng kiến cảnh nghèo đói, thiếu ăn, cơ cực của một bộ phận dân chúng kém may mắn, ở nông thôn cũng như ở các thành thị.

Cảnh nhà ổ chuột bên cạnh những cao ốc sang

trọng là những cảnh có thể thấy ở bất kỳ một thành phố lớn nào. Nhà ổ chuột ở Ấn Độ thì đúng nghĩa là nhà ổ chuột. Gọi là nhà nhưng thực chất chỉ là những tấm các-tông dựng tạm để người ta có thể chui vô chui ra (không thể thẳng người đi vô đi ra như những nhà gọi là ổ chuột ở Việt Nam ta, vẫn còn có mái được làm bằng tranh, lá hay những tấm tôn cũ sét).

Người dân thiếu thốn phải đi ăn xin rất nhiều. Các đoàn hành hương từ Việt Nam sang Ấn Độ luôn luôn có chương trình phát quà từ thiện cho dân nghèo ở xứ này.

Trong một đất nước còn nhiều người nghèo, thiếu ăn như vậy, thì việc một bộ phận người giàu có đem thức ăn đổ vào thùng rác thì đúng là có tội.

Trên quy mô thế giới, nạn đói vẫn là một vấn đề nhức nhối. Tìm hiểu về nạn đói trên thế giới qua mạng internet,

chúng ta có thể đọc thấy những số liệu như sau:

- Trong các quốc gia châu Á, châu Phi, và Mỹ La-tinh có hơn 500 triệu người sống trong hoàn cảnh mà Ngân hàng Thế giới gọi là “nghèo khổ cùng cực” (absolute poverty).

- Gần 50% số người đói ăn trên thế giới tập trung ở tiểu lục địa Ấn Độ; 40% ở châu Phi và phần còn lại của châu Á; 10% còn lại ở Mỹ La-tinh và một số nơi khác trên thế giới.

- Mỗi năm có 15 triệu trẻ em chết đói.

- Tổ chức Y tế Thế giới ước lượng có 1/3 số người trên thế giới ăn uống no đủ, 1/3 thiếu ăn và 1/3 đói ăn.

Tôi nhớ có đọc được một đoạn trong sách dạy về dưỡng sinh của Ohsawa. Ông ấy nói rằng chúng ta bệnh hoạn vì chúng ta ăn quá nhiều, quá mức cần thiết. Nếu mỗi người chúng ta ăn ít đi 1/3 khối lượng thức ăn mà chúng ta ăn hằng ngày thì chúng ta sẽ khỏe mạnh hơn và thế giới này sẽ không có người đói ăn. (Dĩ nhiên là với điều kiện là thế giới có được một chính sách phân phối lương thực công bằng tốt đẹp, không có chuyện ăn không hết rồi đem đổ bỏ thức ăn một cách nhẫn tâm).

Nói đến chuyện trẻ em chết đói, có lẽ chẳng mấy ai trong chúng ta chưa từng nhìn thấy hình ảnh các trẻ em đang chết đói ở Ethiopia hay ở Nigeria (Phi châu). Trong một thư điện tử (e-mail) được bình chọn là thư điện tử hay nhất trong năm (voted the best email of the year), người ta có thể nhìn thấy hình ảnh những trẻ em da bọc xương, xếp một hàng dài để nhận quà cứu trợ. Có hình ảnh một em ngồi gần một đồng rác và ruồi nhặng bu đầy người mà em không xua tay đuổi đi được, có lẽ vì đói quá. Kinh khủng nhất là hình ảnh một em đói gần chết, đang thoi thóp và phía sau em là mấy con kên kên đang chờ để rĩa thịt em. Những hình ảnh như vậy chắc chắn sẽ đánh động lương tâm của nhiều người.

Trong xã hội ta, việc ăn uống thừa mứa và phí phạm thức ăn cũng không phải là chuyện khó thấy. Những ai từng vào những quán ăn, quán nhậu ở đất Sài Gòn này đều có thể nhìn thấy rất rõ cảnh bỏ phí thức ăn một cách đáng xấu hổ của những thực khách ở đây. Vào quán nhậu là để uống bia rượu nhưng người ta vẫn kê món ăn ê hê và do mãi mê thù tạc chén chú chén anh, người ta không bao giờ ăn hết những đĩa thức ăn để đầy trên bàn nhậu. Khi thực khách nhậu xong, đứng dậy ra về, nhà hàng sẽ giải quyết những đĩa thức ăn đó như thế nào? Cảnh phí phạm thức ăn như vậy cũng có thể thấy rất rõ ở các nhà hàng buffet. Thức ăn luôn để đầy trong các quầy buffet và thực khách tha hồ tự chọn thức ăn đầy đĩa của mình. Tôi thường nhìn thấy nhiều người lấy thật nhiều thức ăn nhưng không ăn hết rồi lại đến quầy lấy thêm đĩa thức ăn khác. Trong lúc thực khách đang ăn thì những người phục vụ vẫn bụng dẹp đi các đĩa còn thừa thức ăn mà thực khách không ăn nữa. Những đĩa thức ăn còn thừa đó sẽ đi đâu? Nhiều người có nhận xét rằng một số người Việt Nam mình có

thói quen xấu khi ăn buffet vì họ lấy thức ăn nhiều quá và ăn không hết rồi bỏ phí.

Chuyện bỏ phí thức ăn cũng nhứt nhối không kém ở các đám cưới. Một đám cưới thường có mấy chục bàn và thực đơn bao giờ cũng là năm hay sáu món. Đến khi món cuối được dọn lên, thường là những món để ăn no như cơm chiên hay lẩu thì thực khách đã no rồi và họ bắt đầu đứng lên để ra về. Không biết nhà bếp sẽ xử lý những món ăn này như thế nào?

Có lẽ tất cả chúng ta, khi còn nhỏ ở với gia đình, đều được cha mẹ nhắc nhở về việc phải biết quý trọng hạt cơm chúng ta đang ăn với những lời dạy như *“Hạt cơm là hạt ngọc của Trời, chúng ta không nên phí phạm”*. Chúng ta luôn được nhắc nhở là phải vét hết cơm trong chén và thức ăn trên đĩa trước khi rời bàn ăn. Nếu còn nhỏ được cha mẹ thường xuyên nhắc nhở như vậy thì lớn lên chúng ta tránh được tật xấu bỏ phí thức ăn. Ở trường chúng ta lại được dạy những câu ca dao, những câu chuyện về công lao của người nông dân một nắng hai sương làm ra hạt lúa, hạt gạo để ta biết trân quý thức ăn nuôi sống ta hằng ngày để mà không phí phạm.

“Ai ơi bụng bát cơm đầy”

Đẻo thơm một hạt, đắng cay muôn phần”.

Vấn đề của thế giới hiện nay là sự bất công trong việc phân phối của cải vật chất. Một thiểu số người giàu có đã chiếm hữu phần lớn của cải vật chất của thế giới và nạn đói vẫn còn hoành hành ở nhiều khu vực trên trái đất này. Mặc dù những tiến bộ vượt bậc của khoa học kỹ thuật, của phương thức sản xuất, thực phẩm không thiếu, nhưng quanh ta vẫn còn nhiều người đói ăn. Trong khả năng của từng người, chúng ta nên sống giản dị, không phung phí và phát tâm giúp đỡ những người nghèo khổ, thiếu ăn chung quanh ta.

Chúng ta không làm được chuyện gì lớn lao để thay đổi được hoàn cảnh của những người thiếu đói trên trái đất này thì ít nhất chúng ta cũng tham gia làm từ thiện để giúp đỡ những người có hoàn cảnh cơ cực quanh ta, trong địa phương, trong cộng đồng của mình. Trong tổ dân phố của tôi có những quỹ từ thiện rất đáng cho cư dân hảo tâm đóng góp: *“Hũ gạo tình hồng”* cung cấp gạo hằng tháng cho các cháu học sinh nghèo có nguy cơ bỏ học; *“Bữa cơm cho người già neo đơn”* giúp cho các cụ già neo đơn bệnh tật không nơi nương tựa một số tiền nhỏ và một lượng gạo hằng tháng, và vài quỹ từ thiện khác nữa. Trong một buổi họp bàn về việc đóng góp cho các quỹ từ thiện trong tổ dân phố, tôi ngồi cạnh một chị bán xe bánh mì ở góc đường. Chị quay qua tôi tâm sự: *“Tôi không dư dả gì. Gia đình chúng tôi bớt ăn, bớt tiêu, bớt phung phí một chút là tôi có thể đóng vào các quỹ để giúp trẻ em nghèo và các cụ già neo đơn tội nghiệp”*.

Quý hóa thay tấm lòng của một cư dân lao động. ■



Chối bỏ quá khứ

HOÀNG TÁ THÍCH

Duyệt Giang Lầu tọa lạc ở Nam Kinh là một trong những nơi danh thắng rất nổi tiếng của Trung Quốc do hoàng đế thứ ba của nhà Minh lập nên, mục đích để ca tụng công đức của triều đại nhà Minh, vì thế mà tầng dưới có trưng bày hình ảnh của mười mấy vị vua nhà Minh, từ Thái Tổ Chu Nguyên Chương cho đến đời vua cuối cùng là Sùng Chính. Tôi để ý một điều là trong các hình vẽ các ông vua nhà Minh, thì vị nào cũng áo mão cân đai đẹp đẽ, trừ chân dung của Chu Nguyên Chương, chính là vị Thái Tổ đã từ một nông dân áo vải, đánh đuổi quân Nguyên và lập nên triều đại nhà Minh. Chân dung của Chu Nguyên Chương được trưng bày ở đây đúng là chân dung một anh nông dân quê mùa. Tôi nghĩ tuy là một nông dân áo vải, nhưng khi đã lên ngôi vua thì cũng phải có áo mão của một hoàng đế mới phải. Nhưng nghĩ lại, không biết người

đời sau có cố tình vẽ chân dung vị Thái Tổ như thế không, vì Chu Nguyên Chương, tuy là người đã lập nên nhà Minh, công trạng rất lớn, nhưng theo sử sách chép lại, không phải là một minh quân. Bằng chứng là sau khi lên ngôi, ông ta đã phủ nhận những công trạng của những người cùng đi theo ông, đồng cam cộng khổ trong suốt thời gian chống nhà Nguyên, và ra tay sát hại những người đã từng theo cạnh mình.

Trong *Ý Thiên Đồ Long ký* của nhà văn Kim Dung, tuy là một tiểu thuyết kiếm hiệp dã sử, nhưng tác giả cũng đề cập đến chi tiết lịch sử này rất xác thực. Số là sau khi Minh giáo đã đánh đuổi quân Nguyên, thống nhất giang sơn, thì Chu Nguyên Chương, một vị tướng dưới trướng Trương Vô Kỵ, là người thống lĩnh nghĩa quân của Minh giáo, được kể như người có công trạng lớn nhất trong việc đánh bại quân Nguyên. Tuy nhiên, Chu Nguyên Chương khi nắm quyền hành trong tay,

đã không những giết những người có công, những người từng thân cận với mình như Hàn Lâm Nhi, Từ Đạt, mà ngay cả Trương Vô Ky, là người đứng đầu Minh giáo, ông ta cũng muốn loại bỏ. Bởi một điều dễ hiểu là trong suốt thời gian dài liên hệ với nhau, những người đó đều biết rõ quá khứ chẳng ra gì của vị Thái Tổ này, dù có tài, cũng xuất thân chỉ là một kẻ vũ phu thất học.

Chuyện đó cũng rất thường tình. Lịch sử nước ta hay nước nào cũng có những nhân vật như thế. Xuất thân tầm thường, đến khi dựng được nghiệp lớn thì muốn xóa bỏ quá khứ, không muốn người ta biết quá rõ về mình, rồi cũng mang tội sát hại công thần. Ấy là do quyền lực mà ra. Có quyền lực thì muốn người khác sợ mình, đồng thời lại sợ người khác biết quá rõ về mình, có thể coi thường mình. Và cũng phải có quyền lực mới có thể có phương tiện để nghĩ đến chuyện loại bỏ người khác, củng cố địa vị của mình.

Đây là chuyện thường xảy ra trong lĩnh vực chính trị, nhưng thời bây giờ cũng có những người sau khi thành đạt, có sự nghiệp lớn, giàu có, dù không làm chính trị, không có đối thủ, cũng muốn quên đi quá khứ gian khổ của mình một khi cuộc sống đã hoàn toàn khác trước. Nhà cao cửa rộng, lên xe xuống ngựa, gia nhân đầy nhà, giao du với những người quyền lực, giàu có, chẳng ai muốn nghe một câu nói đàng sau: "Mới có chừng mười mấy năm nay thôi, nhớ hồi trước còn ở xóm lao động, chạy cò cho bà con chung quanh..." hay "Mới đây còn nghèo kiệt xác, chạy đôn chạy đáo, có ngày không kiếm ra đủ ăn, phải nhờ đến bạn bè..." hoặc: "May mắn thật, đúng là gặp thời, không biết làm cái gì mà mau giàu thế".

Đôi khi gặp lại những người cùng làm ăn ngày xưa, nhưng bây giờ vẫn còn khó khăn, thì cũng lờ đi hoặc tránh mặt, cứ sợ người ta nhắc đến quá khứ nghèo khổ của mình. Tệ hơn nữa là sợ người ta nhờ vả mình. Có những người hồi còn hàn vi, chạy chiếc xe gắn máy cà rích cà tang đi khắp nơi. Bây giờ thành đạt, giàu có, bước chân ra khỏi nhà là ô tô láng bóng, vài năm đổi xe một lần, toàn là những hiệu nổi tiếng, rồi nhìn lại chiếc xe gắn máy, dù là loại gắn máy khá đắt tiền, cũng như nhìn một loại phương tiện thấp kém. Và như có ai hỏi có biết chạy xe gắn máy không, có thể có người còn dám trả lời "không" một cách rất tự nhiên như chưa từng bao giờ ngồi lên yên xe là đàng khác. Ấy là vì họ muốn chối bỏ quá khứ. Họ muốn quên hẳn một quãng đời nghèo khổ, và xem đó như một quá khứ buồn thảm, và không muốn ai biết rõ về họ cả. Gặp một người bạn thân thuở còn hàn vi bây giờ cũng vẫn còn nghèo khó, đôi khi cũng muốn lờ đi như không quen biết, vì không những người bạn đứng bên cạnh mình quá tương phản về bên ngoài, mà họ còn bị ám ảnh vì anh bạn là người biết quá rõ về mình ngày trước, học hành không bằng mà lại thành đạt hơn. Nhiều người khi trở thành giàu có, không những không muốn nhắc

lại cái quá khứ nghèo khổ của mình, mà ngay cả bạn bè, thậm chí đến người vợ đồng cam cộng khổ với mình ngày trước cũng là hình ảnh của một cái gì không nên nhớ đến, vì vậy mới có câu: "Giàu đổi bạn, sang đổi vợ" như người đời thường nói là thế. Lại có những người lúc còn nhỏ, lớn lên trong một hoàn cảnh nghèo cực, bần hàn, nhưng được cha mẹ hy sinh được học hành đến nơi đến chốn, đến khi thành đạt, quen biết bạn bè giàu có, nhất là khi có một người bạn gái con nhà đại gia, lại không muốn cho mọi người biết xuất thân hèn mọn của mình, che giấu đến nỗi quên mất cả công ơn của những bậc sinh thành đã hy sinh vì mình, mà lẽ ra phải lấy làm hãnh diện mới phải.

Cũng vậy, có những người một thời giàu có, nay xuống dốc trở thành nghèo khổ, thì lại cứ tưởng nhớ đến quá khứ huy hoàng của mình, lúc nào cũng ngẩn ngơ tiếc nuối, đi đâu, gặp ai cũng nhắc lại một cách hãnh diện cái quá khứ không còn của mình và không còn ý chí muốn phấn đấu với những khó khăn trong cuộc sống hiện tại.

Nuối tiếc hay muốn chối bỏ quá khứ của mình đều là những thái độ thiếu thích nghi với cuộc sống hiện tại. Điều này cũng lạ, vì những người có quyền lực quá lớn không bao giờ muốn người khác biết về cái quá khứ của mình nếu đó là một thứ quá khứ tầm thường hoặc xấu xa, đây những vết như là cái chuyện đã đành. Họ phải lo sợ người khác moi móc những chuyện cũ của mình để có cơ hội làm hại mình, tranh giành địa vị. Còn những người sau một thời nghèo khổ, vươn lên được đỉnh cao của thành đạt thì có gì phải giấu diếm quá khứ của mình trừ phi đó cũng là một thứ quá khứ đầy những vết như không lương thiện. Không những như thế, lẽ ra họ còn phải hãnh diện đã từng đấu tranh vật vã với sự nghèo khổ, thiếu thốn để có được ngày hôm nay mới phải. Một người bạn đã thú nhận với tôi có một thời gian khó khăn, anh đã phải chạy xe thổ để nuôi gia đình. Có hôm trời rét căm căm, anh phải đứng chờ khách ở sân ga với cái áo cũ rích, mỏng dính. Một người bạn khác kể chuyện hồi còn đi học đại học, hoàn cảnh thiếu thốn, anh phải đến dạy kèm trong một nhà bán gạo giàu có. Anh không dám đề nghị chuyện lương tiền mà chỉ xin trả bằng gạo để giúp đỡ gia đình. Cả hai đều kể lại thời nghèo khó của mình, với thái độ tự hào đã vượt qua được cơn khó.

Những người có thể suy nghĩ được như thế là những người tính cách không thay đổi trong mọi hoàn cảnh, luôn luôn thích nghi được với mọi hoàn cảnh, tình huống. Không vì giàu mà đổi bạn, không vì sang mà đổi vợ. Tuy nhiên giữ được hoàn toàn tính cách không thay đổi của mình cũng không phải là đơn giản. Đó chính là tư cách của một người tử tế. Người đời thường có câu: "Sông có khúc, người có lúc". Giữ được trong mọi hoàn cảnh, lúc nào mình cũng là mình không phải là dễ vậy. ■

Tâm

MINH ĐỨC TRIỀU TÂM ẢNH

Tâm ta vốn đã đầy tròn
Kệ đời vuông méo cục hờn ngổn ngang
Khen chê hơn thiệt chẳng màng
Thở hơi tĩnh lặng khinh an giữa đời.

Phật

Phật thương ta mộng chợ chiều
Gõ chuông tỉnh thức dắt dìu bước đi
Cuộc trần nào có ra gì
Trăm năm say ngủ li bì tử sinh.

Chợ đời

VI ÁNH NGỌC

Chợ đời bán gió mua trăng
Ta đem bán những thặng trầm thời gian
Chợ đời đoạn khúc quan san
Ta chưa mua nổi hành trang cuộc đời.

Chợ đời giông tố muôn nơi
Mua đi bán lại cả trời bán buôn
Chợ đời nắng cháy mưa tuôn
Chênh vênh đứng lặng giữa nguồn suối thơ.

Chợ đời cho đến bây giờ
Vẫn vẫn thơ cũ bơ phờ ngóng trông
Chợ đời một khối tơ lòng
Ta nghe nặng trĩu những dòng tương tư.

Tu tại gia

PHẠM XUÂN PHỤNG

Chưa già nhưng cũng đã hơi tra
Thùng thặng chờ hưu... trở lại nhà
Tia tốt sáng chiều từng ngọn lá
Nâng niu khuya sớm mỗi cành hoa
Bao điều ân oán đều vo lại
Mấy chuyện giận hờn thầy bỏ qua
Bạn cũ lâu lâu về với tớ
Nhớ đem theo rượu, dấm thêm trà!

Chiều trong mưa

PHẠM LÊ TƯỜNG VI

Mưa lại về trên phố xa xôi
Hạt mưa lấp
Dáng ai nhòe đi trong làn ướt
Mông manh rồi vỡ tan...

Dáng người đàn bà chạy vội
Mưa hát khúc đơn độc quen thuộc
Lạnh lùng hắt hủi
Cái quạt tay lau ướt buổi chiều rong...

Thương tình mưa bỏ quên?
Đứa bé mồ côi
Ngơ ngác ánh nhìn lên tám
Tay run run trong tiếng nấc nghẹn ngào...

Gánh đậu hũ đong đưa
Tiếng rao chiều nghe đứt quãng
Mưa hát trên đôn gánh
Chị vác trên vai một phần ba cuộc đời...

Âm vang sấm
Mưa gầy khúc nhạc nền đáng sợ
Xé toạc khoảng lắng âm u
Trong hồn tóc ngắn mười bảy
Một chiều mưa xa xôi...



Lạc rừng

ĐẶNG HOÀNG THÁM

Lạc rừng tìm chốn bông lai
Bình minh tỉnh mộng trắng tay nẻo về!
Hoa tình tỏa sắc hương mê
Xưa phong nhụy... nay dầm dề tuyết sương.

Miếu hoang

Miếu hoang trắng mọc trên đầu
Ta tìm trong miếu nổi sầu tiêu sơ
Người đi khuất tự bao giờ?
Mà hương khói lạnh. Trắng mờ cõi xưa!

Phận người

Đâu người lạc bến sông mê!
Phù sinh mấy kiếp bánh xe luân hồi?
Đời là cõi tạm đầy thôi
Trăm năm cát bụi ngậm ngùi phận ta.

Lần về chôm lôm

LÊ QUANG TRẠNG

Lần về Chôm Lôm
Đứng trên bến đò xưa
Tiếng lòng thất lại
Tôi nghe tiếng trẻ thơ vọng về...

Có một ngày trời đứng bóng Lạng Khê
Mây trắng quán quanh hàng cây xanh lá
Những giọt nước mắt đắng lòng rơi trên đám mạ
Đứt khúc đồng dao hồn ai trên bến sông buồn?

Lần về Chôm Lôm
Nghe vọng một tiếng chuông
Đắng lòng người qua sông
Những ngôi nhà không còn trẻ con tập hát
Dòng sông Chôm Lôm nước trôi man mác
Có ngọn sóng vừa chờ quá khứ trôi ngang...

Lần về Chôm Lôm
Tôi lặng im nghe quá khứ vừa khóc vừa kể chuyện
Có con nước nào chờ các em về với trường xưa?

• Ngày 07.10.2006 đã xảy ra thảm họa đắm đò ở bản Chôm Lôm, xã Lạng Khê, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An, làm chết 19 em học sinh nhỏ (thuộc 16 gia đình) đang trên đường tới trường học.

Niệm phật đi con!

LÊ ĐÀN

Niệm Phật đi con!
Cho tâm hồn thanh thoát
Cho tứ đại ôn hòa bốn mùa bát ngát
Tâm mẹ sáng bùng sáu tiếng: Nam mô
A Di Đà Phật! Vọng giữa hư vô
Tiếng mẹ như chuông ngân nga đêm tối
Tới thâu tận cùng tham mê làm lỗi
Lời kinh xua đi sân hận đau thương
Bồng một đêm nao tan biển màn sương
Trí huệ huy hoàng, vô minh xé toạc
Con sẽ thấy sáng một trời an lạc
Khi tâm thành câu niệm Phật không rời
Niệm Phật đi con! Để biết yêu người.

Rừng xanh máu đỏ

LÝ THỊ MINH CHÂU

Hắn chưa già nhưng cũng không còn trẻ. Ở cái tuổi ngoài bốn mươi này không ai bảo hắn hồi xuân như phái nữ. Thế nhưng, với loại công việc của đám trẻ trai chẳng những hắn vẫn làm được mà lại còn làm thuận thực nữa là khác. Bơi qua những đoạn sông mùa lũ sóng nước gầm gào hung hãn, chặt những cây to bằng cái riu bén ngọt hay bắt những con voi rừng về thuần dưỡng để kéo gỗ... hắn đều không từ. Ở đây, gặp đúng người để hỏi về Quyết Langbiang thì ai cũng tỏ thái độ thán phục con người này. Hắn đúng là tay thợ rừng cừ khôi.

Theo chân hắn là thằng bé gầy gò nhưng rắn chắc, nước da đen nhem màu gỗ lim. Là cháu ngoại của người hàng xóm không còn cha lẫn mẹ, thằng bé giúp hắn mang cơm nước mỗi lần lên núi bằng cái ba lô cũ kỹ đã rách lỗ chỗ mà nó nhặt được đâu đó, cùng với một cuộn mây chỉ đã ngâm nước cho mềm và cái xà gạc đeo lưng lủng lẳng trên vai. Hắn trang bị cho mình cái nỏ lớn có cánh bằng tre *luồng pạ ná* sống lâu năm trên núi cao dài gần một sải tay còn thằng bé cũng cái nỏ như thế nhưng nhỏ hơn. Thân nỏ làm bằng gỗ hồng bì, rắn chắc, ít cong vênh nhưng khá nhẹ. Dây nỏ làm từ dây gai, tẩm nước lá thê rồi tuốt cho bóng bằng vải bao bố cho săn nhẵn và có màu đen sẫm. Tên để bắn lấy từ lông tre đục và phải dài hơn tấm căng của cánh nỏ, lớn cỡ cán bút bi, mũi vót nhọn đôi khi bịt đồng. Tên phải chuốt thật thẳng, có cánh làm bằng lá khô ở đằng đuôi giữ cho tên bay đúng hướng.

Khi nghe tiếng gãy của cành cây khô hay thấy bụi lá chao đảo khác thường, tay hắn hơi giơ lên là thằng bé đi sau phải dừng lại, giữ nguyên trạng và không được nhúc nhích. Hắn lom khom tiến về phía có dấu hiệu bất thường bằng những bước chân nhẹ như gió, dây cung đã cài vào lấy, tên đã đợi trên khe sẵn sàng lao vào con vật nào xấu số. Vì mũi tên không thể làm cho con vật chết ngay được; bị tên rồi chúng vẫn còn thừa sức cao chạy xa bay, và như thế sẽ là công cốc. Cho nên hắn tẩm những mũi tên của hắn bằng nhựa cây sát cá, cùng với nọc độc rắn rít, bò cạp và nước dãi của một loại ốc sên cực độc. Chỉ cần bị mũi tên găm qua khỏi

da, nọc độc sẽ làm cho con vật tê liệt ngã lăn ra, và thế là hắn cùng với thằng bé có mặt đúng lúc trời gò con vật lại, hoặc bồi thêm một cú như trời giáng vào đầu bằng sống lưng lưới xà gạc rồi chọc tiết con vật bỏ đi là xong.

- Sáng nay mày giờ theo món gì? - Hắn hỏi thằng bé.
- Thì vẫn khô nục nướng và muối ớt.
- Đã mười bữa nay chưa tóm được con chuột, con cheo nào. Mày để ý xem có bụi đót nào đang héo lá.
- Để làm gì hả chú?
- Kiểm con nu về nấu giả cây. Ngon bá cháy mày ơi.
- Nó ở tuôn tuột dưới hang sâu, làm sao mà tóm được nó hả chú?
- Ừ nhỉ, mình đâu có cuộc xèng gì, mà cũng chẳng có nước để múc đổ xuống.

Mặt trời đứng bóng, họ dừng lại bên bờ suối tắm mát rồi lấy cơm ra ăn. Khẩu phần của mỗi người là một nắm cơm gói trong lá chuối và một con cá khô nướng.

- Mày đem cơm cho tao hoài mà tao chưa có cái gì trả lại mày, tao ngại quá.
- Có gì đâu mà ngại hả chú, nhà ông cháu cũng còn kha khá lúa.

- Ngại chớ sao không, ông bà ngoại mày già cả rồi.
- Đận trước, chú chia cho cháu cái đùi heo rừng to tướng. Nhìn ăn, mua được mấy chục cân gạo đấy.

- Nhưng là mồ hôi nước mắt của mày mà. Hôm ấy tao thấy mày khiêng nó không muốn nổi. Tao thương mày quá, tính chia cho mày nhiều hơn nhưng tao phải dành tiền trả nợ.

- Nếu không có chú thì làm sao cháu có, còn nợ chú trả hết chưa?

- Còn, nhưng không nhiều.
- Thế là ổn rồi. Chiều nay cháu đãi chú món chuột đồng quay lu chú nhé. Món này nhắm rượu cũng bá... tước lắm.

- Ha..ha...Mày chế biến từ ngữ cũng thấm thía lắm. Coi như tao phục mày.

- Cháu chưa thành người lớn mà chú.

- Cứ gì phải là người lớn mới được nể phục hả mày. Ngược lại, có khi còn đáng tởm hơn nhiều.

- Chú nghĩ trưa đi. Cháu đi kiểm xem có dấu chân ông bà nào xuống uống nước không chú nhé.

Hắn không trả lời, chỉ gật đầu. Hắn hiểu thằng bé đang nói đến con hươu, con heo, con mễnh... là những loài thú mà nhà nước không cấm săn bắn nhưng cũng không loại trừ nai, gấu, cọp, beo... Hắn lấy cái ba lô làm gối, kẹt đá làm phòng, cát làm chiếu và đắp bằng cái nỏ ngang người. Hắn ngủ tư thế ấy nhiều năm rồi nên thành quen, tư thế ấy đủ nhanh để ứng phó với mọi tình huống.

Giấc ngủ đã giúp cho sức khỏe hắn hoàn phục, còn thằng bé thì đang mài mê câu cá bống núi bằng cái que trúc và sợi dây mắt mèo tước nhỏ ra và gút một đầu lại làm lưỡi câu. Cá bống tạp ăn thấy nút gút đong đưa là tấp liền và cứ thế nó giật lia lịa. Khi cá kịp định thần tính há mồm ra để trốn thoát thì đã bị hất văng lên bờ rồi. Nó không vội đi nhặt chúng, bởi nó biết cá gặp cát nóng bám đầy mình thì chẳng còn sức đâu mà lê tới mép nước. Khi hắn ra suối rửa ráy mặt mũi cũng là lúc thằng bé dừng câu. Tính ra, giấc ngủ của hắn bằng cả ký lô cá bống chứ chẳng ít.

- Có thấy gì không?

- Đi chú, ông gấu thì phải, bàn chân dài và có vuốt nhọn.

Hắn lẻo đẻo theo sau thằng bé lên phía thượng nguồn. Qua khỏi thác nước cao, dòng sông bỗng hiền hoà, yên ắng. Rừng như mở ra bởi hai bờ cát trắng như hai con lộ rộng thênh thang. Rừng thưa quá, rất lý tưởng cho bầy thú hoang xuống sông uống nước và quan sát nhưng không có chỗ cho chú cháu hắn ẩn nấp, mai phục. Một vài

tảng đá mỏ côi đứng chơ chông đây đó kịp biểu cho hắn một ý tưởng không tồi. Hắn hoa mắt bởi đủ loại dấu chân thú, đa phần là loài ăn cỏ, măng hay khoai củ. Hắn nghĩ, thú ăn thịt cũng lớn vờn quanh đây thôi.

- Giỏi lắm, nhưng phải về, chiều rồi. Giờ này họ không khát nước nữa đâu.

Thằng bé không nói cũng chẳng gật đầu. Nó luôn làm theo mệnh lệnh của hắn, như hắn là chúa tể sơn lâm vô cùng uy dũng. Hơn nữa, từ ngày cha mẹ nó mất, chú Quyết Langbiang là chỗ dựa tinh

thần không thể thiếu của thằng Lưu, tên đứa bé, bởi ông bà ngoại của Lưu đã già, cả năm chỉ biết quanh quẩn bên luống cải, vồng khoai. Còn bạn bè, trang lứa nó ư? Có, nhưng không nhiều. Và lại, ai cũng lo cho cuộc sống của riêng mình, ruộng rẫy nhà mình. Mà ruộng rẫy thì xa tít, cách nhà có khi hai, ba xà gác nên dân làng thường ngủ lại rẫy cuối tuần mới về một lần. Đó là cách tính của thằng bé, một xà gác tương ứng với khoảng thời gian đã đi mà bả vai đeo nó chịu đựng được, khi mỏi quá hay đau quá thì chuyển xà gác qua vai khác và được tính là hai. Đó là cách tính khá trừu tượng, nhưng người già đoán được chiều dài của một xà gác là bao nhiêu.

Về đến nhà, Quyết bảo Lưu ngày mai nghỉ, mốt đi sớm. Thằng bé do dự hồi lâu mới dậm thua thật với hắn:

- Mai cháu phải về quê với người chú họ để chạp lại mồ mả ông bà già.

- Chú mày vô rồi à. Dở thật, hôm nay không kiếm được gì để đãi ông ấy.

- Có chuột quay lu rồi, cũng không tệ lắm.

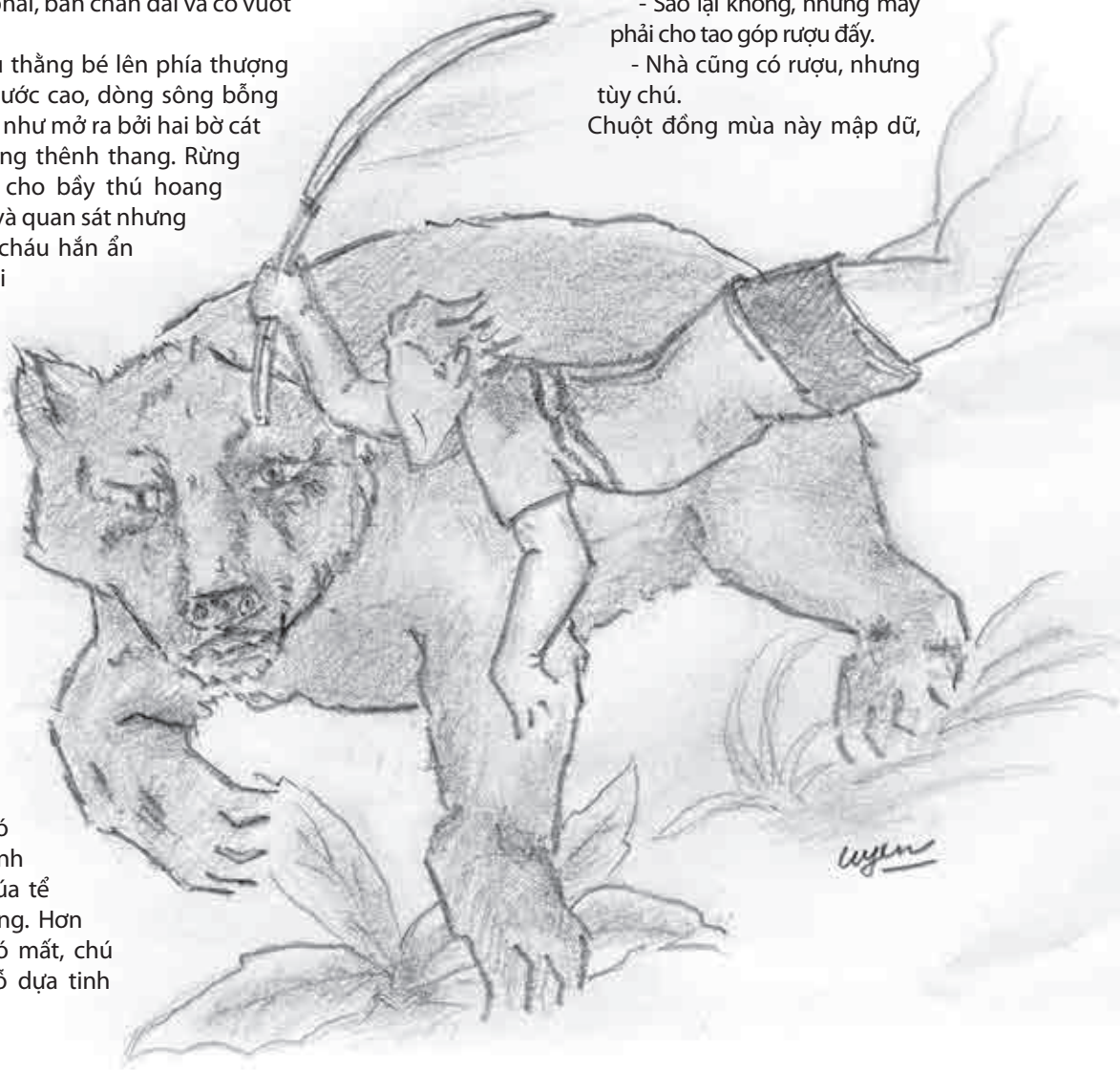
- Ừ, không tệ.

- Chú qua uống với chú cháu vài ly nhé.

- Sao lại không, nhưng mày phải cho tao góp rượu đấy.

- Nhà cũng có rượu, nhưng tùy chú.

Chuột đồng mùa này mập dữ,



trụng nước sôi tuốt lông vèo vèo. Thui lại trên lửa cho thịt da săn chắc và hết mùi tanh rồi chặt đầu, mổ bụng lấy bộ lòng ra bỏ đi. Ướp với ngũ vị hương, tỏi, hành tím băm nhỏ, nước tương, bột ngọt và cốc rượu Mai quế lộ nhỏ cùng một muống mật ong, một muống nước cốt chanh để khi nướng da có màu nâu vàng và giòn. Ngay cả món nấu dân dã nhất như *Lá giang nấu với chuột đồng, nửa đêm thức dậy nhớ chồng đi xa* là cách nói ví cho món ăn bổ dưỡng này, đồng thời cũng là lời tâm sự kín đáo của nỗi nhớ niềm thương khi mà người vợ phải khắc khoải đợi chờ cũng đủ làm cho ai đó mê mẩn.

Sáng hôm sau, hấn bắt tay vào làm cục đá giả bằng vỏ bao xi-măng lộn lại.

- Phải chi có thằng bé ở đây thì hay biết mấy, nhờ nó ngắm nghía xem có giống tảng đá trong tự nhiên không? Có phát hiện gì khi mình nấp trong đó không? - Hấn càu nhàu.

Hấn chui vào tảng đá giả khoét nhiều lỗ nhỏ ngang tầm mắt để quan sát bên ngoài. Tảng đá giả khá lớn so với thân hình hấn nhưng lại bé quá so với cánh nỏ dài ngót sải tay.

- Không sao, để nó dưới đất cũng được, mình thừa khả năng ngắm trúng đích qua mấy cái lỗ be bé này. - Hấn nói với chính mình.

Hấn rạch hai đường chữ U để thò đôi cánh tay ra.

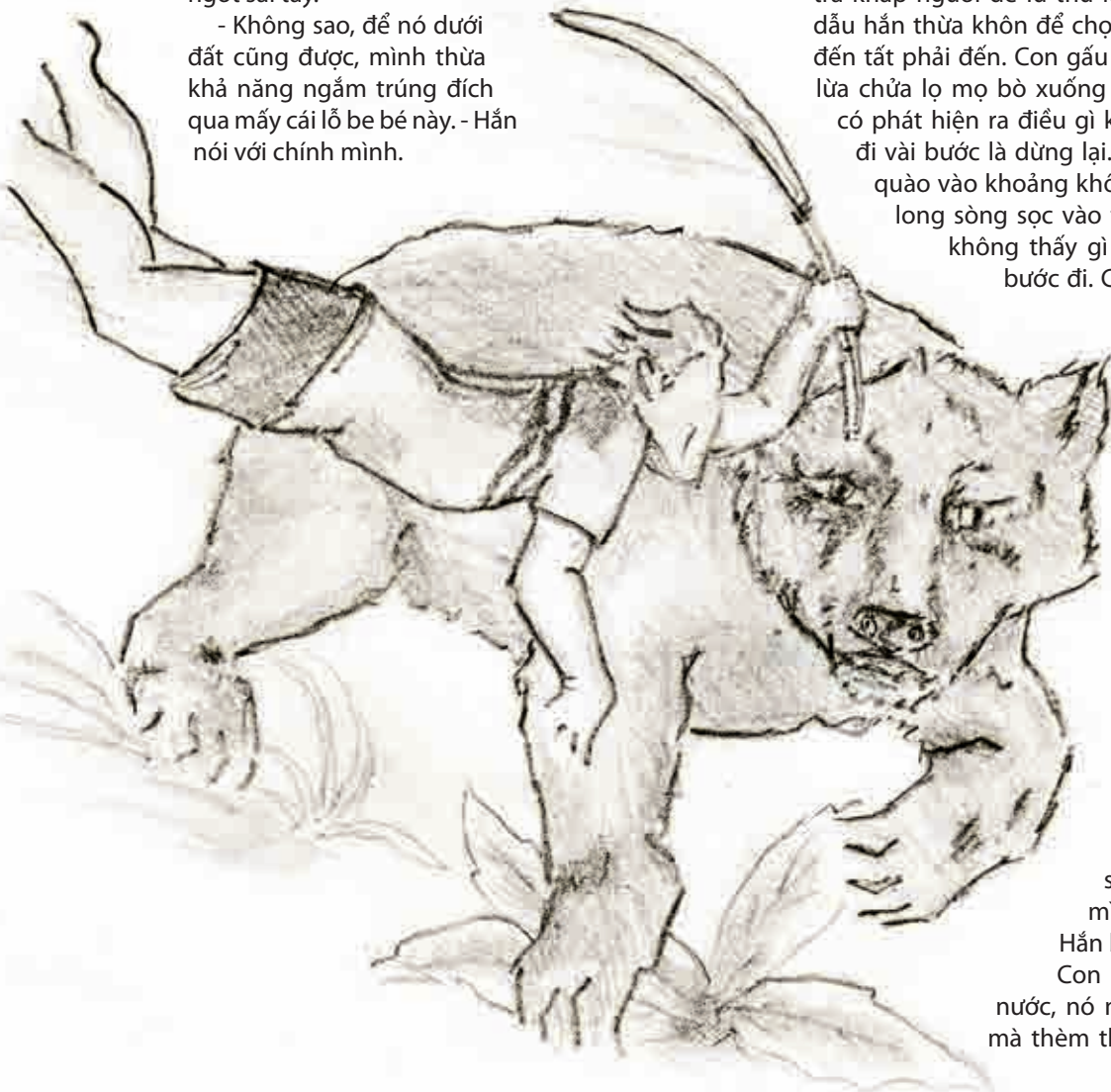
- Kiểm đầu ra màu áo trùng với màu bao xi măng này nhì. Để thôi, làm hai cánh tay bằng vật liệu ấy rồi vào cho nhàu đi là được, khi cử động không phát ra tiếng là ổn. - Hấn lại lải nhải một mình.

- Tao muốn truyền đạt cho chú mày sáng kiến của tao nhưng tiếc quá. Có thể không có lần thứ hai đâu. - Hấn tự nói gở.

Hấn chuẩn bị cơm gạo cho chuyến săn dài ngày bởi hấn nghĩ đến con thú to. Hấn sẽ xẻ thịt nó ra hong khô rồi tải về dần. Hấn không cần lều bạt hay chăn mền, chỉ cần con dao thật bén và cái xà gạc thì hấn sẽ làm xong mọi chuyện. Lửa, không thể không có lửa. Hấn chuẩn bị mấy hộp diêm mới gói trong túi ni-lông phòng hồ mưa rừng bất chợt. Hấn háo hức như một cuộc hẹn hò. Hấn lên đường khi đã tính toán kỹ lưỡng, hấn sẽ đến đó trước chín giờ sáng để kịp dựng lại tảng đá giả và ngổ vào mai phục. Hấn biết lũ thú sẽ xuống sông uống nước khi đã ăn no hay mệt mỏi do đói và lúc trời trưa nóng bức. Hấn cũng không quên thoa nước bả trà khắp người để lũ thú không ngửi thấy hơi người dẫu hấn thừa khôn để chọn phục nơi cuối gió. Cái gì đến tất phải đến. Con gấu ngựa phục phịch như con lừa chữa lọ mọ bò xuống mép sông. Không biết nó có phát hiện ra điều gì khác thường không nhưng đi vài bước là dừng lại. Rướn cổ lên, hai tay quào quào vào khoảng không như hăm he ai đó, mắt long sòng sọc vào từng gốc cây, tảng đá. Khi không thấy gì khả nghi nó mới tiếp tục bước đi. Cứ thế, đi rồi dừng lại quan sát, rồi đi. Hấn nghĩ, loài

vật cũng có giác quan thứ sáu như hấn, có khi còn nhạy cảm hơn nhiều. Nhờ một giác quan nào đó mà lũ kiến nhận biết và di chuyển lên cao trước khi trời đổ mưa lớn vài ba ngày. Giác quan đó cũng có ở nhiều loài khác nữa, giúp chúng biết trước núi lửa phun trào mà cao chạy xa bay. Giác quan đó con người không có. Trái đất này còn quá nhiều điều bí ẩn, con người thật sự đúng chưa khi tự cho mình là thông minh nhất. Hấn bấu môi.

Con gấu đã dừng lại nơi mép nước, nó nhìn đàn cá bơi nhờn nhờ mà thèm thưởng. Nó đói. Nó biết nó



không thể tóm được một con cá nào bởi nước khá sâu và lũ cá cũng không đợi gì tới gần nơi nó đứng. Nó ngấm cá hay ngấm bộ mặt xấu xí của mình qua tấm gương mặt sông. Rồi khi no nê bằng những chán chường, nó uể oải uống từng ngụm nước sông nhạt thếch. Khi cái bụng không còn cầu nhàu nữa, con gấu lên bờ nằm lăn ra tắm cát. Cơ hội vàng cho hần đã đến. Hần ngấm thật chính xác nơi gần tim nhất khi con gấu quay mình qua phía dòng sông để lộ mảng hông bên trái hơi hớ. Phụt. Mũi tên bịt đồng lao vút đi. Hần vùng dậy hất tảng đá giả ra sau, tra tiếp một mũi tên nữa rồi bắn trực diện vào ngực con thú. Con thú hầu như không phản ứng gì, tiếp nhận hai mũi tên bằng thứ cảm giác tê tê dài dài. Tay cầm xà gạc, hần nhào tới bỏ vào đầu con gấu một cú mạnh như trời giáng. Chẳng thể nào cựa quậy nếu nhát bổ trúng giữa đầu, oái oăm thay lưỡi hái thần chết chỉ lấy đi một phần ba khuôn mặt của con thú. Không chết ngay được, lại bình tĩnh, con gấu tát hần bằng tất cả sức lực còn lại. Một mảng sườn bên trái của hần gãy vụn, ổ bụng rách toang hoác, ruột đổ ra ào ào, máu chảy lênh láng. Cú tát hất hần văng xa mấy mét, nằm bất động như một đồng bầy nhảy. Con gấu cũng không thể nào ngồi dậy nổi, vết thương quá lớn, máu ra nhiều nó dẫn lịm đi.

Không biết hần còn có thể nhận ra là mọi nọc độc của các loại côn trùng không giết chết được gấu. Cụ thể là nọc của cả đàn ong vò vẽ cũng không làm gì được gấu khi gấu xé tổ ong ra thường thức mật và trứng ong non. Còn hần làm sao chịu được vài cú chích của loài ong này. Hần có thể đứng nếu nghĩ chất độc trong mũi tên sẽ làm tê liệt hệ thần kinh trung ương của con gấu trong chốc lát, rồi khi mật gấu tiết ra hóa giải thì các loại độc tố kia có là gì. Con gấu chết bởi nhát bổ của hần do mật hóa giải độc từ của mũi tên không nhanh. Hần chết do con gấu kịp bình tĩnh khi cú chặt quá mạnh nhưng không hiểm và cũng có thể do mật của con gấu đã hóa giải độc tố của mũi tên kịp thời.

Nghiệt ngã quá, rừng thiêng khe khát quá.

Mấy tuần rồi, cả làng này vẫn yên ắng thanh bình, đâu ai hay biết gì về chuyện hần bỏ xác nơi rừng xanh. Đến khi thằng bé trở về, mang quà quê qua biếu hần thì phát hiện ra màng nhện đã giăng đầy trước cửa. Nhiều ngày rồi hần không về nhà. Thằng bé nghĩ ngay đến những dấu chân gấu to đùng in sâu trên bãi cát dọc thềm sông. Lúc này dân làng mới nhận được thông tin không lành. Họ túa lên núi, mang theo gậy gộc và đuốc ngay lúc trời đã xế chiều. Thằng bé khóc, vừa chạy dẫn đường vừa khóc. Nó khóc thật lòng, mắt nó đỏ hoe. Nó khóc như ngày nào khóc cha mẹ nó khi cha mẹ nó lìa đời. Nó không nghĩ như ai đó là chú Quyết của nó còn sống và đang ngồi nướng thịt trên bờ sông có nhiều dấu chân thú dữ. Nó thương cuộc đời hăm hiu của chú ấy, mạnh bạo nhưng hiền từ, nghèo nhưng trong sạch. Nó thương chú Quyết không mảnh tình rách vá

vai. Thương túp lều ọp ẹp của chú Quyết không đủ sức chống chọi với một cơn gió dữ. Thằng Lưu thương chú Quyết như thương mình. Rồi khi dân làng gặp được hai bộ xương trắng hếu một của hần, một của con gấu do các loại thú ăn thịt đã đánh chén từ trước để lại và lốm đốm mùi xác vừa đây đó cũng là lúc thằng bé quý phủ phục bên hài cốt hần khóc than. Thằng Lưu ôm bộ xương chú Quyết như ôm người thân. Người ta kịp lôi hần ra xa để hành lễ theo nghi thức của dân làng. Bầy ngọn đuốc được thắp quanh cốt hần. Không có rượu, người ta dùng nước sông rửa sạch cốt rồi dùng lá chuối rừng gói lại mang về. Người ta cũng không quên mang bộ xương gấu về theo.

Đám tang hần có đông đủ dân làng, người ta an táng hần ngay giữa túp lều xiêu vẹo của hần. Trên tường treo tên, nỏ, xà gạc và cuộn dây mây từng oanh liệt một thời. Đó là toàn bộ tài sản mà hần có. Dưới chân mộ hần người ta cẩn thận dựng lại bộ xương gấu trong tư thế hần. Mâm rượu thịt đã được dân làng dâng lên, chiêng công đã nổi, thằng bé xin phép ông bà cho nó để tang hần. Dân làng còn chần chừ thì ông bà nó vừa kịp khoan dung:

- Nó đã đội tang cha mẹ nó rồi, cho nó đội tang cho chú ấy cũng được, chú sẽ ấm lòng nơi suối vàng. Còn chúng tôi con cái, dầu rể, cháu chắt nhiều mà...

Tháng Ba mùa con ong đi hoa, chim ruồi cũng rộn ràng tranh phần mật thiên nhiên hiếm hỹ. Thằng bé tháo khăn tang quấn lên đầu bộ xương gấu rồi ra về, lòng nó nặng trĩu buồn đau. Có lẽ nó đã thấm thía câu ngạn ngữ "Ăn của rừng rưng rưng nước mắt" mà ông cha ta từng trải nghiệm và đúc kết nên lời, khuyên nhủ đời sau không dẫn thân vào chốn nguy nản, gian lao vất vả kia.

Thằng Lưu ngồi thừ ra suy nghĩ về cái chết của chú Quyết và cả của con gấu. Bỗng dưng nó thấy thương cho cả người chết và con vật chết. Nó cảm thấy sợ tất cả những sự tranh đoạt để giành lấy cái ăn, giành mạng sống. Nó sợ đổ máu, sợ cảnh săn bắt, truy tìm, hành hạ. Với nó, từ bỏ công việc đi săn là cả một sự đánh đố với cuộc sống không chỉ giữa no và đói, giữa giàu và nghèo mà là mạng sống. Mạng sống mới là tất cả, không có mạng sống thì còn làm được gì. Người ta chỉ hy sinh mạng sống của mình cho đất nước, cho giống nòi, cho người thân chứ không ai đem mạng sống của mình ra đánh đố với dăm cân thịt rừng chỉ để thỏa tính phàm ăn của kẻ lăm bặc nhiều tiền. Nó yêu nghề lắm, chưa bao giờ nó có ý định xa nghề nhưng hôm nay thì khác. Mọi sự đã thay đổi, thần tượng của nó đã sụp đổ, người thân của nó đã không còn. Nó quyết từ giã cái nghề cướp cạn này, dẫu chỉ cướp đi những sản vật tầm thường, bé nhỏ của núi rừng nhưng cái giá phải vay phải trả thì quá đắt: mạng sống. Tạo hóa đã rất công bằng khi không cho ai đó quyền lấy thiên nhiên làm của riêng mình, nó không thể là ngoại lệ. ■

Con sông quê

THANH NHI

Tôi sinh ra và lớn lên ở một làng quê nghèo miền đất võ. Như bao làng quê khác, quê tôi cũng có giếng nước, lũy tre, dòng sông, bến đò... Sông quê uốn mình qua bao thác ghềnh rồi hiền hòa ôm lấy ngôi làng tôi nhỏ bé. Có thể con sông ấy không mệnh mông như Nhị Hà, không nặng màu phù sa như Cửu Long, cũng không hùng vĩ như con sông Đà trong tác phẩm cùng tên của Nguyễn Tuân. Nhưng với tôi, dòng nước ấy là nơi cất giấu bao nhiêu ký ức của thời xa xưa.

Ngược thời gian trở về với tuổi thơ, những năm tháng quây quần, gắn bó với làng, với con sông quê. Chiều hè, nắng nhỏ giọt cuối cùng lên chóp núi, đám trẻ con chúng tôi thi nhau ùa ra sông tắm... làn nước trong veo, mát rượi làm tươi mát tâm hồn trẻ thơ. Chúng tôi thích thú đùa nghịch, la hét, reo hò... làm inh ỏi cả một khúc sông. Có những ngày nắng to, tôi cùng đám bạn trong xóm rủ nhau trốn nắng chạy ra sông tắm. Thế rồi có những cuộc chơi trốn tìm bí hiểm ở hai bờ sông cây cối tốt tươi, hay nghịch ngợm trèo qua triển sông hái quả rồi đua nhau nhảy xuống sông xem ai lặn giỏi hơn...

Những buổi trưa vắng vẻ, sông trôi êm đềm ru nhẹ con thuyền ngủ gục trên bến, thuyền lá thẩn thờ, lác đác trên sông. Tôi hay ngồi nhìn những tia nắng lấp lánh

phản chiếu muôn màu trên mặt nước rồi hình dung nên một dải Ngân hà trắng lệt trên sông. Tuổi thơ trôi qua có thể trôi mà khiến con người ta phải luyến tiếc, đòi lúc ngập ngừng: "Cho tôi xin... một vé đi tuổi thơ!".

Con sông quê tôi êm đềm chảy qua bốn xã nối nhau dọc hai bên bờ. Chính vì thế nó trở thành "người" trung gian của làng tôi với làng bên. Những cuộc giao chiến của bọn trẻ con chúng tôi diễn ra giữa hai phe "bên bồi" và "bên lở", bao lần không phân được thắng bại. Và rồi "chiến sự" chưa tàn, "thế cuộc" chưa phân thì bao mối lương duyên lại âm thầm được kết nối. Những chiếc thuyền hoa lần lượt nối đuôi nhau mà xuôi dòng. Chúng tôi gọi đó là sự diệu kì của tạo hóa!

Trái ngược với những ngày hè hiền hòa êm dịu, sau những cơn mưa mùa dai dẳng, sông trở nên hung dữ với những cơn lũ tràn về. Lũ cuốn trôi nhà cửa, cuốn trôi hoa màu cây cỏ. Những con nước đục ngầu mang theo bao nỗi lo âu của bà con thôn xóm. Những đêm thao thức trần trọc của bà, của mẹ mỗi lần ếch ương buông tiếng thở than nào nùng. Tất cả như điểm màu cho những ký ức của những đứa trẻ sống dọc đôi bờ sông như tôi. Mùa mưa, khi chiếc cầu tre đan bị lũ cuốn trôi đi, phương tiện qua sông duy nhất chỉ có con đò. Ông lái hiền từ ngày đêm không quản khó nhọc đưa hết chuyến này đến lượt khách khác sang bờ bên kia.





Chúng tôi đi học luôn được ông ưu tiên cho qua trước. Ông vốn tốt bụng nên lâu lâu lại có đĩa “quýt” tiễn đò. Lúc ấy, ông chỉ cốc nhẹ lên đầu, cười hiền lành và bảo: “Mới bé tí mà ranh”. Ngày mùa đông, cái lạnh giữa lòng sông nước như cắt da cắt thịt vậy mà ông lái đò vẫn kiên trì đưa đón khách. Ông không quản nề hà khó nhọc, dù một người hai người ông vẫn chèo đò qua hết bến sông.

Một ngày, chiếc cầu xi-măng được bắc qua thay cho chiếc cầu tre chông chênh mỗi mùa lũ. Từ đó, làng quê tôi cũng thay da đổi thịt, tươi tỉnh hẳn ra, nhộn nhịp, tấp nập người xuôi kẻ ngược. Thế rồi vô tình một ngày hình bóng ông lái đò nhạt dần rồi khuất hẳn trong tâm trí mọi người. Chiếc thuyền bây giờ chỉ là nơi ông lái tìm thú vui cho cuộc đời gắn bó với sông nước của mình. Và sau đó, khúc sông mất hẳn bóng ông đò, con thuyền nhỏ bơ vơ trên bến vắng.

Một đời người đi qua trên dòng sông, rồi bao lớp người cứ thế đi qua... hết lượt này... đến lượt khác. Sông vẫn vậy, vẫn êm đềm trôi. Hờ hững, chứng kiến những đổi thay của quê hương, của con người. Ai đó từng nói với tôi rằng: Đời người là một dòng sông, có

những nơi nó đi qua nhẹ nhàng trôi chảy nhưng cũng có những khúc quanh co, thác ghềnh. Có lẽ tôi chưa đi “qua nửa đời người,” thế nhưng mỗi lần xa quê, mỗi khi gặp khó khăn tôi lại muốn trở về “úp mặt vào sông quê... con sông ngọt ngào như tình mẹ, dịu con đi qua chóp bể mưa nguồn”. Về quê, về với dòng sông, ngửa mặt đón cơn gió mang theo hơi nước tinh khiết mát rượi, tôi thấy hồn mình như được thanh lọc hẳn đi, không phải bận lòng với những trắc trở, xa cuộc sống bon chen tấp nập chốn thị thành.

Nơi con sông quê hương, tuổi thơ tôi hiện về nguyên vẹn những tình khôi của lứa tuổi cắp sách đến trường, những tình cảm đầy xúc động thân thuộc về những đứa bạn nối áo nối quần từ nhỏ. Nơi đây, tôi tìm trong tiềm thức những hình ảnh thân quen. Bóng mẹ in dài sau ngọn đèn chập chờn mùa lũ, tiếng bà vẫy nón gọi đò những buổi chợ trưa. Xa xa, thấp thoáng con đò quen thuộc, chủ nhân nó đang loay hoay buông từng cuộn lưới nhỏ trên sông vắng.

Tôi lại lên đường tha phương mang theo những dấu yêu về dòng sông lượn quanh làng quê cư mang tôi!

Sông quê vẫn cứ êm đềm trôi... đi...! ■



Ảnh: Trần Bá Thùy

Còn gặp nhau...

xin hãy cho nhau nụ cười

ELENA PUCILLO TRUONG
TRƯƠNG VĂN DÂN dịch

Trong cuộc đời cầm bút, có những nhà văn, nhà thơ viết rất nhiều nhưng phần lớn những trang viết đó không hề phản ánh cuộc đời của họ.

Nhưng với nhà thơ Tôn Nữ Hỷ Khương thì thơ ca cũng chính là cuộc đời và những chiêm nghiệm về cuộc sống của bà. Và như thường xảy ra, nhiều nhà văn hay nhà thơ chỉ viết cho mình, để giải tỏa ẩn ức hay tìm kiếm chính mình, họ dùng một hình thức văn học vị kỷ, bào chữa rằng muốn cách tân hay đang làm điều gì mới lạ... nên nhiều khi tác phẩm của họ biến thành phức tạp và do đó mù mờ, tối nghĩa cho nhiều độc giả.

Nhưng với nhà thơ Tôn Nữ Hỷ Khương thì không phải thế: những câu thơ của bà trực tiếp và đọc lên là mọi người hiểu ngay tức khắc, bởi nó rõ ràng về hình thức và trong sáng về nội dung.

Khi những cơn đường kỳ lạ của định mệnh đưa đẩy tôi gặp được bà, ngay lập tức tôi như bị sự nhạy cảm rất đặc biệt và lòng nhân ái của bà chạm phải. Trên khuôn mặt luôn có nụ cười dù trong cuộc đời bà cũng đã từng trải qua những giây phút an lành và đau khổ; và bằng những cử chỉ thân thiện và nhiệt tình nụ cười ấy như đang lan tỏa đến những gì ở xung quanh. Đối với tôi, lúc đó như vừa gặp được Đại Mẫu (Grande madre), hiện thân của Bồ-tát... và tuy mới gặp nhưng cảm giác như

đã từng quen biết, cùng bà đồng cảm và có rất nhiều điều để sẻ chia.

Đó không phải chỉ là cảm nhận của riêng tôi vì sau này tôi biết nhiều người cũng có cảm giác đó. Tôi đã được vinh hạnh được bà tiếp tại nhà riêng, một căn nhà nhỏ nhưng rất đặc biệt, có nhiều vẻ đẹp đơn sơ nhưng tinh thẩm mỹ phát ra từ những giá trị sâu sắc.

Được biết nguồn gốc quý tộc của gia đình bà: bà là chất nội của cụ tổ Tuy Lý vương Miên Trinh (1820-1897); tuy thế, khi được hỏi chuyện, bà “quận chúa” chỉ vẫn tắt và khiêm tốn nói về gia tộc mình, nhưng bà dừng lại thật lâu để nói về quan hệ và sự gắn bó sâu sắc của mình với người cha là nhà thơ Ứng Bình Thúc Giạ Thị. (một hoàng thân, 1877-1961, từng làm quan đến chức Thượng thư trí sự). Vừa kể bà vừa nắm tay tôi chỉ lên bức hình của cha mình được đặt một cách trân trọng trên bàn thờ trong phòng khách: một ông cụ nét mặt trang nghiêm, có đôi mắt sáng và ánh nhìn hồn hậu nằm dưới vầng trán rộng.

Là một người con chí hiếu, nhà thơ Tôn Nữ Hỷ Khương đã suốt đời yêu mến và theo đuổi nghiệp thơ văn của cha mình; cũng như ông, bà yêu văn hóa và văn học Việt, rồi với những vần thơ ngọt ngào bà đã đưa ý thơ thoát ra từ những giá trị truyền thống của quê hương Việt và tâm hồn nhân ái của mình. Trong khi nói chuyện, thỉnh thoảng bà dừng lại để khe khẽ ngâm những vần thơ của mình, đọc thuộc lòng, với một trí nhớ tuyệt vời và với một “tinh thần u-mặc” rất đáng kinh ngạc. Lúc đó, tôi chợt liên tưởng đến nụ cười tỏa sáng của Đức Dalai Lama mà tôi từng may mắn được gặp ở Milano; và qua bà tôi tìm thấy lại nụ cười trong sáng và rạng rỡ, sự thích thú của sự phối hợp ngôn từ trong một cuộc đối thoại thân tình, pha lẫn đồng cảm và lòng tôn kính.

Xung quanh chỗ bà ngồi, mỗi vật thể như đều có mang một vẻ đẹp đơn sơ nhưng tinh khiết: từ những nhánh hoa lan mà bà rất yêu thích đến những bài thơ của bà được các nghệ nhân viết theo thư pháp, nét chữ như “phượng múa rồng bay”, đến những bằng khen về thơ ca của bà, bằng cuối cùng là chứng nhận Guinness về kỷ lục nhà thơ có thơ in trên lịch nhiều nhất... Trên chiếc bàn con, tôi còn thấy có nhiều chồng sách mới in hay vừa tái bản, tạp chí có in thơ hay bài viết về bà, các đĩa CD từ các nơi gửi đến tặng, vì thơ của bà được phổ nhạc, được ngâm hay hát từ các giọng ca giọng ngâm nổi tiếng... Xung quanh chỗ chúng tôi ngồi còn có nhiều câu thơ được khắc họa trên đá, như một giá trị cần được lưu giữ lâu dài.

Tất cả đều đơn giản vì tính hiện thực trong thơ ca của bà đã vượt qua mọi thời gian: Dù ở trong hay ngoài nước, rất nhiều người Việt đã bắt đầu một ngày từ lúc mở mắt xé rời tờ lịch và bắt gặp trên đó một thông điệp tích cực cho mình và cho cuộc đời... Thế thì làm sao mà họ không cảm ơn bà về tất cả những điều tuyệt

diệu này? Tôi tin là những ai đã đồng cảm với những vần thơ viết tự trái tim này sẽ chia sẻ và trân trọng gửi đến bạn bè và người thân để cùng họ yêu quý cuộc đời và làm cho đời sống của mình có thêm ý nghĩa.

Khi đọc bài thơ “Còn gặp nhau” của bà qua bản dịch tiếng Pháp cùng với sự đối chiếu bằng nguyên bản tiếng Việt và lời giảng giải của chồng, tôi bỗng nhớ đến những vần thơ bất tử của các thi sĩ tài hoa của Pháp trong quá khứ, của nhiều đất nước xa lạ và có những phong tục rất khác quê hương Việt Nam: Có thể nhắc đến nhà thơ Pháp nổi tiếng Pierre de Ronsard (1524-1585) trong vần thơ “Mignonne, allons voir si la rose...” (Quý nương, ta đi xem bông hồng):

“Comme à cette fleur la vieille Fera ternir vostre beauté.”

Tạm dịch nghĩa:

Cũng như đóa hoa này, tuổi già sẽ làm hư hao nhan sắc của em.

Hay vẫn là Ronsard trong “Quand vous serez bien vieille, au soir, à la chandelle” (Khi em đã già, buổi tối bên ngọn nến) trong “Sonnets pour Hélène”.

“Vivez, si m'en croyez, n'attendez à demain: Cueillez dès aujourd'hui les roses de la vie.”

Tạm dịch nghĩa:

Hãy sống đi, nếu tin tôi, xin đừng chờ đến ngày mai: Hãy hái, ngay hôm nay, những đóa hồng của cuộc sống.

Hoặc trong bài thơ nổi tiếng “Le Lac” (Cái hồ) của Alphonse de Lamartine (1790-1869).

“Aimons donc, aimons donc! de l'heure fugitive, Hâtons-nous, jouissons! L'homme n'a point de port, le temps n'a point de rive; Il coule, et nous passons!”

Tạm dịch nghĩa:

Yêu thương đi, yêu thương đi! Hãy gấp lên, hãy hưởng thụ thời gian thoáng qua. Đòi người không bến, thời gian không bờ. Thời gian trôi và ta cũng vụt qua.

Trong trí tôi còn lóe lên những vần thơ viết từ năm 1490 của thái tử Lorenzo dei Medici, thường được biết với biệt danh “Il Magnifico” (1449-1492):

“Quant'è bella giovinezza

Che si fugge tuttavia!

Chi vuol essere lieto sia:

Del doman non c'è certezza.”

(Canzone di Bacco)

Tuổi trẻ đẹp biết bao

Nhưng sẵn sàng biến mất!

Người muốn sống an vui:

Đừng hỏi đến ngày mai.

(Bài ca của Bacco)

Rồi mới đây, trong năm 2004, một nhà văn người Anh, Spencer Johnson, đã cho xuất bản cuốn “Hãy nắm bắt khoảnh khắc và giữ chặt” (Nguyên tác tiếng Anh: *One Minute for Yourself*) để nói là cuộc đời phải được

sống từng giây phút (*Life is lived minute by minute*) và đã trở thành cuốn sách bán chạy nhất.

Nhưng trên đây chỉ là một vài thí dụ được nhắc đến để nói là trải qua bao thế kỷ và ở những quốc gia rất khác nhau... người ta luôn chia sẻ với triết lý của nhà thơ cổ đại thời La Mã Orazio Flacco (65 trước TL - 8 trước TL), được tóm tắt trong thành ngữ nổi tiếng “*Carpe diem*” có nghĩa là “*Nắm bắt khoảnh khắc*” vì cuộc sống rất mong manh, giống như sự giàu có hay niềm vinh quang, tất cả đều trôi đi hay thay đổi trong phút chốc.

Và trong hầu hết các bài thơ của nhà thơ Tôn Nữ Hỷ Khương đều có phản chiếu tư tưởng này, bà trải lòng với người đọc rằng cuộc đời này là duy nhất, nhắc chúng ta biết là đó là một quà tặng duy nhất và tuyệt vời của tạo hóa mà chúng ta đang có và vì thế cần phải biết trân trọng và hãy sống với niềm vui. Thế giới bao quanh chúng ta thật tuyệt vời và sự sống chính là điều quan trọng. Bất cứ một biến cố nhỏ hay lớn nào trong cuộc đời chúng ta, từ nụ cười của em bé đến sự leo lên đỉnh một ngọn núi cao cũng đều phải cho chúng ta ý thức về tính siêu phàm của cuộc sống. Do thói quen hay vì bận bịu với công việc, chúng ta thường quên đi sự hiện hữu của chính mình để dành thời gian cho việc kiến thiết một tương lai hay đắm chìm trong những việc xảy ra trong quá khứ.

Nhưng hiện tại mới chính là thời gian duy nhất mà ta có và tất cả sự an lạc khởi phát từ đây. Tất cả những ý tưởng trong bài thơ của nhà thơ Tôn Nữ Hỷ Khương như muốn nhắc nhở chúng ta hãy sống tích cực cho mình và

cho người khác, báo cho chúng ta hay là sự bần xìn hay tàn ác của con người chẳng mang đến được điều gì ngoài sự hủy diệt.

Trong cảm nhận đó, tôi tin là mọi người sẽ đọc những vần thơ của bà với tâm thức sẵn sàng nắm bắt những điều tốt đẹp và ưa thích trong cuộc sống hằng ngày. Với những ai đã từng sống và còn nhiều thù hận trong tim, xin hãy nhìn lại mình và chọn lấy con đường an lạc. Còn với những người trẻ, thông điệp mà nhà thơ Tôn Nữ Hỷ Khương nhắn gửi còn quan trọng hơn, để trưởng thành, để yêu mình và yêu người bằng tình cảm chân thật, với sự tôn trọng và bằng sự chân tình, nhất là trong một thế giới mà dường như chúng ta đang đánh mất giá trị của những ngôn từ đơn giản này.

Xin hãy đọc những vần thơ này cũng như những bài thơ khác của nhà thơ Tôn Nữ Hỷ Khương để có thể nắm bắt những điều tốt đẹp và yêu thích trong cuộc sống hằng ngày. Chúng ta hãy sống nồng nhiệt hơn, ngay bây giờ, bởi vì chúng ta không thể nào biết điều gì sẽ xảy ra trong tương lai và không thể biết mình có còn thời gian để xây ảo mộng nữa không. Những giây phút tích cực thực hiện ngay lúc này có thể cho chúng ta một cuộc sống an lành.

Những điều nhỏ nhoi thực ra là những điều quan trọng, như những giọt mưa nhỏ có thể tạo thành một đại dương. ■

Nguyên tác bằng tiếng Ý: Poesie di Đại Tỷ



Lời cảm ơn cuộc sống

Tôi vẫn còn nhớ hôm ấy là ngày thứ Bảy 29-12-2012. Bấy giờ khoảng 7g30 sáng, tôi đang đi xe gắn máy trên đường Hồng Bàng từ phường 1, quận 11 về hướng Thuận Kiều Plaza thì bỗng đứng tay lái loạng choạng và tôi ngã xuống đường, cũng may lúc ấy đường vắng nên không bị xe sau tông phải. Vì cảm đập xuống mặt đường nên tôi bị chảy máu khá nhiều. Tôi đã bật dậy toan lấy xe chạy tiếp thì ngay lúc ấy có tiếng người gọi to, “Chị ơi, xe chị bể bánh sau rồi, cầm chị cũng bị chảy máu nhiều đó. Để em mua ít băng băng lại cho chị rồi hãy đi vá xe mới có thể chạy tiếp được”. Nhìn lại, tôi thấy một cô gái chừng 20 tuổi, đi một chiếc xe gắn máy đã cũ vừa gọi vừa vẫy vẫy. Không chờ tôi trả lời, cô ấy chạy vượt lên tấp xe vào một nhà thuốc tây gần đó. Chỉ một lát sau, cô gái quay lại với một ít vật dụng y tế cần thiết đủ để rửa vết thương và băng bó giúp tôi. Lúc ấy tôi đã mất bình tĩnh, cho nên khi được giúp đỡ, tôi cũng có hỏi thăm nhưng chỉ đủ để biết cô gái ấy đang làm việc tại Khách sạn Windsor ở chợ An Đông mà lại không biết tên cô. Tôi nhớ là tôi có ngỏ lời cảm ơn, nhưng lại quên không hỏi xem cô đã phải chi phí hết bao nhiêu cho việc giúp tôi để tôi gửi lại. Trong cuộc sống, với biết bao khó khăn và bộn bề những lo toan kinh tế, tôi thật sự may mắn đã gặp được một người tốt bụng như cô gái có lòng hào hiệp hôm ấy. Xin một lần nữa cảm ơn cô về những gì cô đã làm cho tôi. Tôi cũng không quên cảm ơn người thợ sửa xe, thấy mặt tôi có băng bó, đã đưa thêm cục nước đá chườm và lọ dầu nóng để thoa trên những chỗ xây xước khác trên người tôi. Tôi tin rằng cuộc sống vẫn còn nhiều tấm lòng tốt sẵn sàng giúp đỡ người khác như tôi đã gặp. Tôi càng tin rằng điều đó sẽ làm cho cuộc sống này nhẹ nhàng hơn, đáng sống hơn.

Nguyễn Như Anh, quận 11, TP.HCM

Bà nội của chồng tôi đã 83 tuổi nhưng hàng ngày vẫn đẩy một chiếc xe bán thuốc lá ra ngồi góc đường Nguyễn Tuyển-Nguyễn Cư Trinh, phường Bình Trưng Tây, quận 2. Đầu tháng Ba năm nay (2013), bà bị bệnh phải vào bệnh viện. Muốn giữ khách cho bà, ba tôi cắt máy chị em bạn dâu chúng tôi ra ngồi thay chỗ của bà. Một buổi sáng vào ngày thứ Tư trong tuần, có một người trung niên tôi mua thuốc lá. Thấy tôi, người ấy hỏi bà cụ mọi khi vẫn bán thuốc đâu và tôi là ai mà lại lấy chỗ của bà cụ. Tôi cho biết mình là cháu dâu, và bà nội chồng tôi đã phải vào bệnh viện. Ông ấy mua hai gói thuốc lá rồi đi. Nhưng một lát sau, ông quay lại, giao cho tôi một gói cam, bảo tôi mang vào biếu bà. Buổi chiều hôm ấy, bàn giao quầy thuốc cho người em bạn dâu, tôi mang cam vào thăm bà; bấy giờ bà vẫn còn nói chuyện được. Bà kể, ông ấy vẫn thường cứ vào những ngày thứ Hai thứ Tư hoặc thứ Sáu thì lại ghé qua mua một lần hai gói thuốc lá, luôn luôn trả cho bà 50.000đ mặc dù giá thuốc chưa tới mức ngồi trường mà ông nội chồng tôi công ở trường ngày xưa nên ông ấy vẫn gửi quà và vào nữa. Bà bảo, nếu gặp lại Đến tối, bà tôi trở bệnh Sau khi làm đám tang tôi tìm cách sang chỗ bán Vì thế, tôi chẳng thể có dịp gặp lại người đã quan tâm đến bà tôi, chỉ là vợ của một ông lao công tại ngôi trường mà ông ấy đã học hồi còn trẻ. Tôi đành nhờ tạp chí Văn Hóa Phật Giáo gửi đến ông ấy lời cảm ơn của bà tôi, hy vọng ông ấy đọc được.

Trần Thị Bạch Vân, quận 2, TP.HCM

“Trong các thứ ái dục, không gì đáng ngại bằng sắc dục. Lòng ham thích sắc đẹp to lớn không gì sánh bằng..”

Kinh Phật Nói Bốn Mươi Hai Chương – Chương 24

thoat.net

Chùa Mỹ Cang (Bình Định) đang cần được giúp đỡ trùng tu xây dựng

NGUYỄN BÔNG

Có dịp về thăm Quy Nhơn, xin mời quý đạo hữu đến viếng ngôi chùa Mỹ Cang, xã Phước Sơn, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định. Phật tử của chùa tuy ở chốn vùng sâu vùng xa kinh tế còn khó khăn nhưng rất hiếu khách và tín tâm với Phật pháp, siêng năng tu niệm dưới sự hướng dẫn và điều dắt của Sư cô Thánh Hường, trụ trì chùa.

Nguyên xưa chùa Mỹ Cang được xây dựng từ năm 1954. Lúc bấy giờ kinh tế còn hạn hẹp, nên việc xây dựng vật liệu còn thô sơ. Chùa là chỗ nương nhờ về mặt tâm linh của bà con Phật tử địa phương. Trải qua thời gian đất nước chiến tranh, thời tiết khắc nghiệt, nên chùa dần dần bị xuống cấp, nắng tạt mưa chan làm cho ngôi chánh điện thiếu sự an toàn cho Phật tử bái sám, tụng kinh và đến lễ bái.

Cảm thông sâu sắc nỗi khó khăn và lo lắng của Sư cô trụ trì và Phật tử bốn tỵ, nên chư tôn đức Giáo hội và chính quyền các cấp tỉnh Bình Định cho phép chùa Mỹ Cang được trùng tu xây dựng

(theo Giấy phép xây dựng số 160/GPXD ngày 26-11-2012).

Nhưng khổ nỗi nhà chùa sau một thời gian thi công trùng tu xây dựng (ảnh kèm) đến nay đã hết khả năng, mà Phật tử địa phương đời sống kinh tế còn khó khăn, lao động chủ yếu ở ruộng đồng, một nắng hai sương, lưng bán cho trời, mặt bán cho đất cũng chỉ mong có đủ ăn, cho nên không thể có khả năng đóng góp cho chùa.



Ngôi chánh điện đang trùng tu đang dở

Thiết nghĩ, chốn già lam hưng thịnh là nhờ được tứ chúng góp sức, chung lo. Chúng tôi thiết tha mong chư thiện tín Phật tử, các nhà hảo tâm gần xa phát tâm trợ duyên tịnh tài cho Phật sự trùng tu, xây dựng ngôi chánh điện Mỹ Cang sớm được thành tựu viên mãn.

Thông qua báo, Sư cô trụ trì và Phật tử bốn tỵ xin kính chúc chư tôn đức Tăng Ni và chính quyền các cấp thân tâm thường an lạc. Và cầu nguyện hồng ân Tam bảo cho quý Phật tử và các nhà hảo tâm trong ánh hào quang mát dịu của mười phương chư Phật.

Mọi sự trợ duyên xin gửi về:
Sư cô Thánh Hường (thê danh Lê Thị Hải Dương, tài khoản: 0051000486936 Ngân hàng Vietcombank thành phố Quy Nhơn, Bình Định), chùa Mỹ Cang, xã Phước Sơn, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định. ĐT: 0975558174

Hoạt động Phật sự

ĐẠO TRÀNG PHƯỚC THÀNH

PHÁP TUỆ



Lễ cúng dường trai tăng



Chứng trưởng Chiêu Quang và Phật tử khai kinh Phổ môn

Chiều ngày 19 tháng 2 Quý Tỵ (30-3-2013), tại đạo tràng Phước Thành đã tổ chức trang nghiêm lễ Vía Đức Bồ-tát Quán Thế Âm. Nhân dịp lễ Vía này, chúng trưởng Chiêu Quang và toàn thể nam nữ Phật tử đạo tràng thành kính thiết lễ cúng dường lên ba đời mười phương chư Phật, chư Đại Bồ-tát, chư Hiền Thánh Tăng và cúng dường lên Giác linh Đại lão Hòa thượng thượng Tắc hạ Thành, nguyên Thành viên Hội đồng Chứng minh GHPGVN, Phó Trưởng ban Trị sự kiêm Trưởng ban Tăng sự THPG TP.HCM, Tổng Thư ký Hệ phái Thiên Thai Giáo Quán Tông, viện chủ chùa Đông Phước, Q.8 để tưởng nhớ công đức cao dày và ân đức giáo dưỡng của Thầy Tổ.

Đạo tràng khai kinh Phổ môn cầu an, kế đó cung kính cung đón chư tôn đức giáo phẩm quang lâm, gồm: Đại lão HT.Thích Hiện Tu, Phó Thư ký Ban Thường trực HĐCM, viện chủ chùa Xá Lợi; Đại lão HT.Thích Viên Giác, Ủy viên Thường trực HĐCM, viện chủ chùa Giác Huệ; HT.Thích Bửu Thông, Thành viên HĐCM, trụ trì chùa Kim Tiên (Tiền Giang); HT.Thích Tịnh Hạnh, Ủy viên HĐTS, Phó ban Trị sự THPG TP.HCM, viện chủ chùa Bửu Đà; HT.Thích Trí Minh, phó viện chủ chùa Thiên Tôn 2; HT.Thích Thiện Thành, Chứng minh BDDPG Q.Tân Phú, viện chủ chùa Từ Huệ; HT.Thích Thiện Lương, Chánh đại diện PG Q.8; HT.Thích Huệ Hiền, viện chủ chùa Long Hoa và chư tôn đức Thượng tọa, Đại đức Tăng Ni.

Sau phần tác bạch tha thiết của chúng trưởng Chiêu Quang là phần: "... Phát nguyện lành của Phật tử đạo tràng Phước Thành về những hoạt động từ thiện trong năm 2013 là: Xây dựng 19 căn nhà tình thương và sẽ trao tặng vào ngày 28-4-2013 (nhằm ngày 19-3 Quý Tỵ) cho người nghèo các xã vùng sâu vùng xa H.Cần Giuộc, Long An; Xây tặng 1 cây cầu tạo thuận lợi và an toàn cho các cháu mầm non đi học ở H.Mô Cày, Bến Tre; Tặng 700 phần quà (gồm: gạo, muối, cá khô, quần áo mới, tập bút) cho người dân tộc xã Liên Đầm, H.Di Linh, Lâm Đồng và 200 phần quà ở xã Tân Kim, H.Cần Giuộc, Long An. Tổng trị giá tịnh tài 700 triệu đồng...".

Kế đó, Đại lão HT.Thích Hiện Tu đã ban đạo từ và chứng minh tâm lễ cho Phật tử đạo tràng Phước Thành. Buổi lễ trai tăng diễn ra trong không khí trang trọng, thắm thiết đạo tình.



SÂN MÂY CAFE

Sân Mây Cafe: 224A-B Điện Biên Phủ, Phường 7, Quận 3. ĐT: 08.3932.2266.
Sân Mây Nhà hàng Chay: 252/43 Cao Thắng, Phường 12, Quận 10. ĐT: 08.3507.1828

Mây
vân
bay
và
buông
xuân
vân
tỏa

Nước
vân
chảy
để
môi
lớn
mầm
xanh

Thông báo về số đặc biệt Phật đản Phật lịch 2557-2013

Trân trọng kính mời Chư tôn đức Tăng Ni, Phật tử, các doanh nhân và quý độc giả gần xa. Tham gia đăng ký số đặc biệt Phật đản Phật lịch 2557-2013, đăng quảng cáo và viết PR giới thiệu hoạt động về từ thiện, quảng bá các sản phẩm của doanh nghiệp, công ty, nhà hàng chay, quán chay, cửa hàng... trên tạp chí Văn hóa Phật Giáo dự kiến phát hành ngày **15-5-2013**.

Giá bán: 21.000đ/cuốn.

Giá quảng cáo:

- Bìa 2 và 3:	8.000.000đ/trang
- Trang ruột:	5.000.000đ/trang
- ½ trang ruột:	2.500.000đ/trang
- ¼ trang ruột:	1.250.000đ/trang
- 1/8 trang ruột:	500.000đ/trang

Thời gian đăng ký số lượng mua số đặc biệt Phật đản Phật lịch 2557-2013, gửi nội dung đăng quảng cáo và viết PR kể từ khi thông báo cho đến hết ngày **5-5-2013** là hạn chót.

Vui lòng liên hệ mua báo và đăng quảng cáo:

Tòa soạn Tạp chí VHPG, 294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3, TP.HCM. Điện thoại: (84-8) 38484 335 – 0907164066 (Phát hành) – 0918032040 (Quảng cáo). Với quý vị mua số đặc biệt Phật đản Phật lịch 2557-2013 để tặng, biểu số lượng trên 100 tờ sẽ có giá ưu đãi và nếu được yêu cầu, chúng tôi sẽ viết bài, chụp ảnh hỗ trợ (xin liên hệ ĐT: 0913810082).

Tạp chí VĂN HÓA PHẬT GIÁO



- Ngọc Thạch anh (Quartz crystal)
- Ngọc Mã não xanh Ấn Độ (green Agate)
- Gỗ hóa Ngọc (Fossil Wood)
- Ngọc Bích Phật Ngọc Hòa Bình Thế Giới (Nephrite Jade)
- Chuyên: chuỗi - tràng hạt, tượng Phật - Linh vật chế tác chạm khắc từ đá quý - đá bán quý

Sản phẩm Ngọc của COASTAL GEMS được bán tại:

* Showroom 2: 288 A3 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3 (đối diện chùa Vĩnh Nghiêm).
ĐT: 08 62704225

* Showroom 1: Siêu thị Citimart tòa nhà Etown - Cổng số 6
364 Cộng Hòa, P.13, Q. Tân Bình. ĐT: 08 22464269

* VP. COASTAL GROUP: 86 Nguyễn Hồng Đào, P.14, Q. Tân Bình,
Tel: 08 22450996-62967372. Hotline: 0909 799806 (Mr. Duy Pham)

* COATLALGEMS Tầng 3, Trung tâm Thương mại Pico Plaza, 20 Cộng Hòa, Q. Tân Bình
Tel: 08 224 651 69

Website bán hàng online:

www.daphongthuy.com.vn www.coastalgems.com.vn

(Cắt mẫu quảng cáo này đem đến showroom chúng tôi, quý khách sẽ được tặng thẻ VIP CARD giảm 8% khi mua hàng)



DHARMA GARDEN

website: www.phapuyen.com - email: lienhe@phapuyen.com



NHÀ SÁCH - DHARMA BOOKS

Email: nhasesach@phapuyen.com

QUÁN CHAY - DHARMA FOODS

Email: quanchay@phapuyen.com

- 1 17/4 Nguyễn Huy Tưởng, P.6 Bình Thạnh, TP.HCM
ĐT. (08) 35 035 579 - 0933 878 956
- 2 72/1B Lâm Văn Bền, Tân Thuận Tây, Q.7, TP.HCM
ĐT. (08) 36 026 650 - 0919 190 177

17/2 Nguyễn Huy Tưởng, P.6 Bình Thạnh, TP.HCM
ĐT. (08) 36 026 818 - 0916 943 877

phát hành: kinh sách, tạp chí, tranh tượng, trà cụ,
quả lưu niệm, pháp phục tăng ni cư sĩ...

ăn phẩm: trình bày & thiết kế, liên kết xuất bản, ăn tổng
y phục: nhận may pháp phục và đồng phục



CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN TIẾP VẬN QUỐC TẾ



Tầng 5 tòa nhà Cảng Sài Gòn

3 Nguyễn Tất Thành, P.12, Q.4, TP.HCM. Tel: 0917171948 - 0938734035

"Chuyên giao-nhận hàng hóa, VHP và tranh tượng Phật giáo quốc tế"



Công ty TNHH SX-TM

QUANG NGHỆ

QUANG NGHỆ CO., LTD.
NẾN THƠM NGHỆ THUẬT

Chân thành cảm ơn Quý khách đã ủng hộ sản phẩm
Nến Quang Nghệ trong suốt thời gian qua

NGÔ HUỆ PHƯƠNG - DD: 0989 183 398

- ❑ Cung cấp nguyên vật liệu dùng trong sản xuất nến: Hương liệu, dầu parafill, sáp, rau câu, ly thủy tinh, tem, tím đèn...
- ❑ Chuyên sản xuất các loại sáp nến thơm nghệ thuật, nến ly cao cấp... Nhận đơn đặt hàng theo yêu cầu của quý khách.

Đặc biệt: Có giá ưu đãi đặc biệt đối với quý khách mua số lượng nhiều.

Cần tìm đại lý ở các chùa, tỉnh thành trong cả nước

Nhà xưởng: 205B/28 Âu Cơ, P.5, Q.11, TP.HCM

Điện thoại: (08) 62738.228 - 38656.506 - Fax: (08) 3865.6506

Email: quangnghecandle@yahoo.com.vn

Website: www.quangnghecandle.com

LỚP HƯỚNG DẪN



Thư pháp theo phong cách Thiên Phật Giáo

○ **Khai giảng:** Khóa I/2013 vào thứ Hai ngày 15-4-2013

○ **Tại chùa ĐẠI HẠNH:**

107/4 Ngô Đức Kế, P.12, Q.Bình Thạnh, TP.HCM

○ **Thời gian học:** Từ 8 giờ đến 10 giờ sáng thứ Hai
hoặc Chủ nhật hàng tuần

○ **Học phí:** 200.000đ/1 học viên/1 tháng

○ **Liên hệ:** Tại địa chỉ trên hoặc điện thoại **0909 660 825**

(gặp **Thầy Chính Trung**)

Đang phát hành

VĂN HÓA

PHẬT GIÁO

đóng bộ **Tập 2 năm 2012**

từ số 156 đến số 167

giá: **210.000đ/cuốn**

Bạn đọc có nhu cầu liên hệ:

Tòa soạn Tạp chí **VĂN HÓA PHẬT GIÁO**

294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3, TP.HCM

Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo vừa đóng lại toàn tập (tập 1 + tập 2)

2008 (2 tập): 340.000VNĐ 2010 (2 tập): 380.000VNĐ

2009 (2 tập): 360.000VNĐ 2011 (2 tập): 420.000VNĐ

❑ **Quý độc giả có nhu cầu QUẢNG CÁO**

○ Xin vui lòng liên hệ: **Cô Sương**

○ **ĐTDD: 0918 032 040**

✉ Email: thusuong69@gmail.com

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ

VĂN HÓA

PHẬT GIÁO

Tạp chí của tất cả những ai chấp nhận tư tưởng Phật giáo, quyết tâm xây dựng một xã hội lành mạnh, hiền hòa và bảo vệ, phát huy văn hóa truyền thống của dân tộc.

Đón đọc tác phẩm mới của nghệ sĩ Bảo Cường



❶ Bộ Tự truyện “**Vượt qua bão giông**” gồm có 3 cuốn, sách dày 900 trang, được chuyển ngữ “*Việt-Anh, Việt-Pháp, Việt-Trung*”. Gồm các dịch giả trong nước và nước ngoài: Dịch giả, giáo sư, tiến sĩ, Hạ Lộ, tiến sĩ Liêu Linh chuyển “*tiếng Trung*”, dịch giả Nguyễn Tiến Văn ‘*tiếng Anh*’, dịch giả Bảo Chân “*tiếng Pháp*”. Tái bản NXB Văn Học 2012.

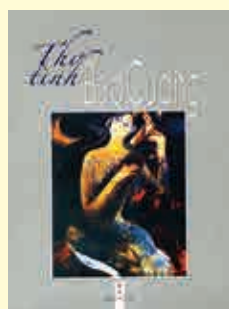
❷ *Bút ký viết tại Mỹ*
“**Nửa vòng đất lạ - Buồn vui xứ người**”
sách dày 600 trang.
Tái bản NXB Văn Học 2011.



❸ “**Bảo Cường – Tác phẩm và dư luận**” NXB Văn Học 2012.



❹ “**Thơ Tình Bảo Cường**” NXB Văn Học 2012.



❺ “**Quê hương nỗi nhớ**”
Thơ. NXB Hội Nhà Văn 2013.



❻ “**Góp nhặt buồn vui**” *Tạp văn*. NXB Hội Nhà Văn 2013.

“**Văn thơ ai rớt bên đường
Mai sau góp nhặt chút hương dâng đời**”

Phát hành tại:

- ↪ Nhà sách “Nhân Văn” Công viên Lê Thị Riêng, Q.10, TP.HCM.
- ↪ Nhà sách “Lạc Việt” 82 Hùng Vương, Thừa Thiên Huế.
- ↪ Nhà sách “Nhà sách Nhà Văn Hóa Thanh Niên” 4 Phạm Ngọc Thạch, TP.HCM.
- ↪ Tư gia: 25/3A Lê Văn Sỹ, P.13, Q.3, TP.HCM. Sau chợ Nguyễn Văn Trỗi. ĐT: 091 8209103.
Email: nghesibaocuong@yahoo.com

Trân trọng kính mời,
Tác giả **BẢO CƯỜNG**

Đón đọc

VĂN HÓA

P HẬT GIÁO

SỐ 176

Phát hành ngày 1 - 5 - 2013

CÁC ĐỊA ĐIỂM PHÁT HÀNH:

HÀ NỘI

Nhà hàng cơm chay – trà đạo
Bồ Đề Tâm
89B Nguyễn Khuyến, Quận Đống Đa
68 Phạm Huy Thông, Quận Ba Đình
Hà Nội
ĐT: 0929398189 - 0912882255

Cửa hàng sách Hồng Vân
74 Quán Sứ, Hà Nội
ĐT: 0913 017 920

Cửa hàng Chân Tịnh 1
Chuyên viên Phòng Tổng hợp
Trường Đại học Kiến trúc
Km 10, đường Nguyễn Trãi,
Quận Thanh Xuân, Hà Nội
Liên hệ: Bà Nguyễn Thị Xuân
ĐT: 0904 990 666

Cửa hàng Chân Tịnh 2
A38 TT8 khu đô thị Văn Quán,
Hà Đông - Hà Nội
Liên hệ: Bà Nguyễn Thị Xuân
ĐT: 0938 071 188

QUẢNG BÌNH

Cô Nguyễn Phước
Phòng phát hành Hoa Ưu Đàm
226 Trần Hưng Đạo, TP. Đồng Hới - QĐ
ĐT: 0917 703 325

THỪA THIÊN-HUẾ

Anh Trần Văn Tý
Tuệ Tĩnh đường Hải Đức
182 Phan Bội Châu, TP. Huế
ĐT: 0905 168 411

ĐÀ NẴNG

Chị Thủy, 200 Tô Hiến Thành,
Q. Sơn Trà - TP. Đà Nẵng
ĐT: 0905 278 527

Thượng tọa Thích Tứ Nghiêm,
chùa Phổ Đà
340 Phan Chu Trinh, TP. Đà Nẵng
ĐT: 0914.018.093

Phòng Kinh sách chùa Pháp Lâm
(Thành hội Phật giáo Đà Nẵng)
500 Ông Ích Khiêm, TP. Đà Nẵng
ĐT: 05113873128

Cửa hàng Thanh Nhã
124 Lê Đình Dương, TP. Đà Nẵng
ĐT: 05113565021
(Chị Ty)

QUẢNG NGÃI

Phòng phát hành
Văn hóa phẩm Phật giáo
334 Trần Hưng Đạo, TP. Quảng Ngãi
ĐT: 055 2221 819 - 0905 427 211
(chị Linh)

BÌNH ĐỊNH

Chị Hoàng
Phòng phát hành Hiến Nam
3 Trần Thị Kỳ, TP. Quy Nhơn
ĐT: 0935 272 261

ANH HÙNG

Thư quán chùa Long Khánh
141 Trần Cao Vân, TP. Quy Nhơn
ĐT: 0987 219 374

KHÁNH HÒA

Chị Hương,
Thư quán Hy Mã Lạp Sơn, chùa Long Sơn
số 20 đường 23 tháng 10,
TP. Nha Trang
ĐT: 058 2241 868 - 0168 2552 374

NINH THUẬN

Sư cô Mỹ Đức, Ban Văn hóa Ninh Thuận,
chùa Diệu-Nghiêm, số 54 đường 21 tháng 8,
Phan Rang, Ninh Thuận. ĐT: 068 3820 806

ĐAKLAK

Thầy Thích Nguyên Huân,
chùa Sắc tứ Khải Đoan, 117 Phan Bội Châu,
TP. Buôn Ma Thuột
ĐT: 0500 3853837 - 0913 434 138

LÂM ĐỒNG

Thầy Thích Minh Tuệ
90B/32 Vạn Hạnh P.8, TP. Đà Lạt
ĐT: 063 3552 922

Phòng phát hành chùa Phước Huệ
697 Trần Phú, TP. Bảo Lộc
ĐT: 0169 8287 177
(Cô Hương)

BÀ RỊA-VŨNG TÀU

Cô Vân, chùa Từ Quang
102 Hạ Long, P.1, TP. Vũng Tàu
Bà Rịa-Vũng Tàu
ĐT: 064 3856 415

Tịnh Thất Long Thiên
Núi Dinh, xã Hội Bài, huyện Tân Thành,
Bà Rịa Vũng Tàu
LH: Sư cô Liên Đức. ĐT: 0643 941 099

SÓC TRĂNG

Đại đức Thích Trung Hữu
22 Ngô Gia Tự, Sóc Trăng
ĐT: 0907 465 073

CẦN THƠ

Chị Tâm, Phòng phát hành
128 Nguyễn An Ninh, Q. Ninh Kiều,
ĐT: 0939282636

Thầy Thích Minh Thông,
chùa Phật Học, 11 Đại lộ Hòa Bình,
TP. Cần Thơ
ĐT: 0918800707 - 07103827685

TIỀN GIANG

Ni sư Tịnh Nghiêm, chùa Tịnh Nghiêm
145 ấp Mỹ An, xã Mỹ Song,
TP. Mỹ Tho
ĐT: 0733.874.469 - 0913.601.656

Đại lý Mây Hồng, 57 Lý Thường Kiệt
TP. Mỹ Tho
ĐT: 0733.877.054

VĨNH LONG

Nhà sách Khánh Tường
135B đường 2 tháng 9, P.1
thị xã Vĩnh Long
ĐT: 070.834.658 - 070.834.654
(Chú Tư Nở)

TP. HỒ CHÍ MINH

Tại tòa soạn
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. 8, Q. 3
ĐT: 38.484.335

VĂN HÓA PHẬT GIÁO đã có mặt tại các phòng phát hành Kinh sách
và các sạp báo trong thành phố.

Giá: 19.000 đồng

PHÁT HÀNH VÀO NGÀY 1 VÀ 15 HÀNG THÁNG